

**SỞ LAO ĐỘNG – THƯƠNG BINH VÀ XÃ HỘI THÀNH PHỐ HÀ NỘI**  
**TRƯỜNG TRUNG CẤP TỔNG HỢP MIỀN BẮC.**

**CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO**

**NGÀNH : TẠO MẪU VÀ CHĂM SÓC SẮC ĐẸP**

**TRÌNH ĐỘ : TRUNG CẤP**

**HÌNH THỨC : CHÍNH QUY**  
**ĐÀO TẠO**

**Hà Nội- Năm 2022**

Số: 89 /QĐ- TCTHMB

Hà Nội, ngày 12 tháng 09 năm 2022

**QUYẾT ĐỊNH**  
**Ban hành chương trình đào tạo trình độ Trung cấp**  
**đối với ngành Tạo mẫu và chăm sóc sắc đẹp**

**HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG TRUNG CẤP TỔNG HỢP MIỀN BẮC.**

*Căn cứ quyết định số 5035/QĐ-UB ngày 25/07/2005 về việc thành lập Trường Trung cấp dân lập đào tạo nghề Cờ Đỏ thuộc Công ty cổ phần Cờ Đỏ; quyết định số 642/QĐ-UB ngày 02/07/2007 về việc chuyển Trường dân lập đào tạo nghề Cờ Đỏ thành Trường trung cấp nghề Cờ Đỏ; quyết định số 7696/QĐ-UBND ngày 06/11/2017 của UBND thành phố Hà Nội về việc đổi tên Trường Trung cấp nghề Dân lập Cờ Đỏ thành Trường Trung cấp tổng hợp miền Bắc..*

*Căn cứ Thông tư số 03/2017/TT-BLĐTBXH ngày 01/03/2017 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội quy định về quy trình xây dựng, thẩm định và ban hành chương trình; tổ chức biên soạn, lựa chọn, thẩm định, duyệt và sử dụng giáo trình trong đào tạo trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng.*

*Xét đề nghị của Phòng đào tạo và Quản lý sinh viên – Trường Trung cấp tổng hợp miền Bắc..*

**QUYẾT ĐỊNH**

**Điều 1.** Ban hành kèm theo Quyết định này về chương trình đào tạo chi tiết trình độ Trung cấp ngành Tạo mẫu và chăm sóc sắc đẹp.

*(có chương trình chi tiết kèm theo)*

**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

**Điều 3.** Các ông/bà trưởng các Phòng, Ban, Khoa của Trường có trách nhiệm thi hành quyết định này./.

**Nơi nhận**

- Như điều 3
- Lưu ĐT, VT

**HIỆU TRƯỞNG**



**Lê Mạnh Cường**

## LỜI GIỚI THIỆU

Chương trình đào tạo ngành Tạo mẫu và chăm sóc sắc đẹp trình độ Trung cấp hệ chính quy của Trường Trung cấp tổng hợp miền Bắc, được xây dựng dựa trên cơ sở pháp lý của các văn bản sau đây:

- Luật Giáo dục nghề nghiệp ngày 27/11/2014 ;
- Nghị định số 143/2016/NĐ-CP ngày 14/10/2016 của Chính phủ quy định điều kiện đầu tư và hoạt động trong lĩnh vực giáo dục nghề nghiệp;
- Quyết định số 1982/QĐ-TTg ngày 18/10/2016 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt Khung trình độ quốc gia Việt Nam;
- Thông tư số 03/2017/TT-BLĐTBXH ngày 01/03/2017 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội quy định về quy trình xây dựng, thẩm định và ban hành chương trình; tổ chức biên soạn, lựa chọn, thẩm định, duyệt và sử dụng giáo trình trong đào tạo trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng.
- Công văn số 106/TCDN-DNCQ ngày 19/01/2017 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội về việc hướng dẫn xây dựng, chuyển đổi chương trình đào tạo theo luật giáo dục nghề nghiệp;

Trong quá trình biên soạn, Hội đồng biên soạn chương trình đào tạo đã tham khảo nhiều chương trình đào tạo ngành chăm sóc sắc đẹp trong toàn quốc, đã tham khảo ý kiến của các Giáo sư, Tiến sỹ chuyên gia đầu ngành, các giảng viên có kinh nghiệm, cán bộ quản lý của nhiều trường Đại học, Cao đẳng, Tổng cục giáo dục nghề nghiệp, Bộ Lao động Thương binh và Xã hội để hoàn thành chương trình này.

SỞ LĐ-TBXH TP HÀ NỘI  
TRƯỜNG TC TỔNG HỢP MIỀN BẮC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

## CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO TRÌNH ĐỘ TRUNG CẤP NGÀNH TẠO MẪU VÀ CHĂM SÓC SẮC ĐẸP

(Ban hành kèm theo Quyết định số 89/QĐ-TCTHMB ngày 12 tháng 09 năm 2022

của Hiệu trưởng Trường Trung cấp tổng hợp miền Bắc.)

- Tên nghề: Tạo mẫu và Chăm sóc sắc đẹp**
- Mã nghề: 5810402**
- Trình độ đào tạo: Trung cấp**
- Hình thức đào tạo: Chính quy**
- Đối tượng tuyển sinh: Học sinh tốt nghiệp Trung học cơ sở hoặc tương đương trở lên**
- Thời gian đào tạo: 2 năm chia thành 4 học kỳ**
- Số lượng môn học, mô đun đào tạo: 27 Môn học = 66 tín chỉ**
- Bằng cấp sau khi tốt nghiệp: Bằng tốt nghiệp Trung cấp chính quy**

### I. MỤC TIÊU ĐÀO TẠO:

#### 1. Mục tiêu đào tạo chung:

- Ngành Tạo mẫu và Chăm sóc sắc đẹp trình độ Trung cấp là ngành, nghề trực tiếp cải thiện, chăm sóc vẻ đẹp của con người, đáp ứng yêu cầu bậc 4 trong Khung trình độ quốc gia Việt Nam.

- Các công việc của nghề được thực hiện tại các bộ phận trong các spa, salon hoặc các cơ sở làm đẹp lưu trú nên môi trường và điều kiện làm việc thuận lợi, đảm bảo an toàn - vệ sinh và sức khỏe. Cường độ làm việc không cao nhưng chịu áp lực lớn về thời gian phục vụ và yêu cầu đảm bảo sự hài lòng đa dạng của khách làm đẹp.

- Để hành nghề, người lao động phải có sức khỏe tốt, có ngoại hình phù hợp, đạo đức nghề nghiệp tốt, cần có đủ kiến thức chuyên môn và kỹ năng nghề đáp ứng với vị trí công việc. Ngoài ra, cần phải thường xuyên học tập để nâng cao khả năng giao tiếp bằng ngoại ngữ, mở rộng kiến thức xã hội, rèn luyện tính cẩn thận, chi tiết, rõ ràng, xây dựng ý thức nghề và sự say mê nghề.

#### 2. Kiến thức:

- Mô tả được vị trí, vai trò của nghề Chăm sóc sắc đẹp và đặc trưng của hoạt động Chăm sóc sắc đẹp;

- Mô tả được hoạt động của các nhiệm vụ của các dịch vụ trong dịch vụ làm đẹp, mối quan hệ giữa các dịch vụ làm đẹp trong các spa, salon;

- Trình bày được các quy trình kỹ thuật cơ bản của Chăm sóc sắc đẹp: Chăm sóc da, chăm sóc móng, trang điểm, chăm sóc khách hàng, chăm sóc chuyên sâu về da, quy trình massage bấm huyệt và các dịch vụ khác;

- Tiếp nhận, hiểu rõ các yêu cầu phản hồi của khách hàng về dịch vụ;
- Liệt kê được các loại trang thiết bị, dụng cụ, mỹ phẩm chủ yếu của các kỹ thuật trong cơ sở chăm sóc sắc đẹp và giải thích công dụng của chúng;
- Trình bày được các nguyên tắc bảo đảm an ninh, an toàn, giải thích được lý do phải tuân thủ các quy định về an ninh, an toàn trong Cơ sở làm đẹp để nhận diện được các nguy cơ và biện pháp phòng ngừa;
- Trình bày được các tiêu chuẩn 5S tại nơi làm việc;
- Mô tả quy trình vận hành kết nối mạng tại cơ sở làm việc;
- Trình bày được những kiến thức cơ bản về chính trị, văn hóa, xã hội, pháp luật, quốc phòng an ninh, giáo dục thể chất theo quy định.

### **3. Kỹ năng:**

- Phục vụ được khách hàng tại các vị trí công việc của các dịch vụ chăm sóc da;
- Thực hiện các kỹ thuật chăm sóc toàn thân;
- Thực hiện các kỹ thuật chăm sóc móng;
- Thực hiện các kỹ thuật trang điểm thẩm mỹ theo đúng tiêu chuẩn;
- Thực hiện các kỹ thuật chăm sóc chuyên sâu về da;
- Thực hiện các kỹ thuật Massage bấm huyệt;
- Sử dụng đúng, an toàn các loại trang thiết bị, mỹ phẩm của cơ sở làm đẹp;
- Xây dựng được các kế hoạch về tiếp thị dịch vụ;
- Thực hiện công việc hàng ngày và quản lý thời gian làm việc hiệu quả;
- Giải quyết được các yêu cầu và tình huống trong quá trình phục vụ khách;
- Ứng dụng thành thạo ít nhất một phần mềm quản lý cơ sở làm đẹp trong công việc hàng ngày.
- Sử dụng công nghệ thông tin cơ bản theo quy định; khai thác, xử lý, ứng dụng công nghệ thông tin trong một số công việc chuyên môn của ngành, nghề.
- Sử dụng được ngoại ngữ cơ bản, đạt bậc 1/6 trong Khung năng lực ngoại ngữ của Việt Nam, ứng dụng được ngoại ngữ vào một số công việc chuyên môn của ngành, nghề;

### **4. Mức độ tự chủ và trách nhiệm**

- Làm việc độc lập, làm việc theo nhóm;
- Có ý thức học tập, rèn luyện và nâng cao trình độ chuyên môn;
- Có ý thức trách nhiệm trong việc sử dụng, bảo quản tài sản trong cơ sở làm đẹp;
- Quan tâm, chăm sóc khách hàng với thái độ lịch sự, thân thiện;
- Tuân thủ các quy định về pháp luật trong kinh doanh dịch vụ làm đẹp;
- Tuân thủ các quy định về vệ sinh an toàn lao động, phòng cháy chữa cháy.

### **5. Vị trí việc làm sau khi tốt nghiệp**

Sau khi tốt nghiệp người học có năng lực đáp ứng các yêu cầu tại các vị trí việc làm của ngành, nghề bao gồm:

- Tiếp đón, chăm sóc khách hàng;
- Tư vấn chăm sóc sắc đẹp;
- Chăm sóc da mặt;
- Chăm sóc da toàn thân;
- Chăm sóc chuyên sâu về da;

- Chăm sóc móng;
- Trang điểm;
- Massage bấm huyệt;

### 6. Khả năng học tập, nâng cao trình độ

- Khối lượng kiến thức tối thiểu, yêu cầu về năng lực mà người học phải đạt được sau khi tốt nghiệp ngành, nghề Chăm sóc sắc đẹp trình độ Trung cấp có thể tiếp tục phát triển ở các trình độ cao hơn;

- Người học sau tốt nghiệp có năng lực tự học, tự cập nhật những tiến bộ khoa học công nghệ trong phạm vi ngành, nghề để nâng cao trình độ hoặc học liên thông lên trình độ cao hơn trong cùng ngành, nghề hoặc trong nhóm ngành nghề hoặc trong cùng lĩnh vực đào tạo.

### II. THỜI GIAN CỦA KHOÁ HỌC VÀ THỜI GIAN THỰC HỌC:

- Thời gian đào tạo: 2 năm – 66 tín chỉ (Tổng cộng 1.530 giờ), trong đó:

+ Thời gian đào tạo Lý thuyết: 424 giờ

+ Thời gian đào tạo Thực hành: 1.025 giờ

+ Thời gian kiểm tra: 81 giờ

- Thời gian học các môn học chung bắt buộc: 255 giờ (94/148/13)

- Thời gian học các môn cơ sở ngành, chuyên ngành: 1.275 giờ (330/877/68)

### III. DANH MỤC MÔN HỌC ĐÀO TẠO BẮT BUỘC, THỜI GIAN VÀ PHÂN BỐ THỜI GIAN:

Mã MH	Tên môn học	Số tín chỉ	Thời gian đào tạo (giờ)			
			Tổng số	Trong đó		
				Lý thuyết	Thực hành	Kiểm tra
<b>I</b>	<b>Các môn học chung</b>	<b>12</b>	<b>255</b>	<b>94</b>	<b>148</b>	<b>13</b>
MHC 01	Chính trị	2	30	15	13	2
MHC 02	Tin học	2	45	15	29	1
MHC 03	Pháp luật	1	15	9	5	1
MHC 04	Giáo dục Thể chất	1	30	4	24	2
MHC 05	Giáo dục Quốc phòng – An ninh	2	45	21	21	3
MHC 06	Ngoại ngữ	4	90	30	56	4
<b>II</b>	<b>Các môn học đào tạo cơ sở ngành và chuyên ngành</b>	<b>54</b>	<b>1.275</b>	<b>330</b>	<b>877</b>	<b>68</b>
MHN 07	Giới thiệu về Thẩm mỹ	2	45	13	30	2
MHN 08	Kiểm soát nhiễm khuẩn	2	45	13	30	2
MHN 09	Dược lý trong ngành làm đẹp	2	30	28	0	2
MHN 10	Nghệ thuật giao tiếp và trình bày	2	45	15	28	2
MHN 11	Thiết kế tạo mẫu cơ bản	2	45	15	26	4
MHN 12	Quản trị cơ sở làm đẹp	2	45	13	30	2
MHN 13	Tạo lập cơ sở chăm sóc sắc đẹp	2	45	14	29	2
MHN 14	Khoa học về da	2	30	28	0	2
MHN 15	Chăm sóc da cơ bản	2	45	15	28	2
MHN 16	Ứng dụng chăm sóc da	2	45	13	30	2
MHN 17	Khoa học về tóc, móng	2	30	28	0	2
MHN 18	Trang điểm cơ bản	3	75	15	57	3
MHN 19	Tạo mẫu tóc cơ bản	3	75	15	55	5

MHN 20	Chăm sóc và nghệ thuật móng	3	75	15	57	3
MHN 21	Nối mi thẩm mỹ	3	75	15	57	3
MHN 22	Chăm sóc da nâng cao	3	75	15	52	8
MHN 23	Trang điểm nâng cao	3	75	15	52	8
MHN 24	Chống sóc phản vệ	3	75	15	57	3
MHN 25	Y học cổ truyền	3	75	15	57	3
MHN 26	Massage – Bấm huyệt	3	75	15	57	3
MHN 27	Thực tập tốt nghiệp	5	150	0	145	5
<b>Tổng cộng</b>		<b>66</b>	<b>1.530</b>	<b>424</b>	<b>1.025</b>	<b>81</b>

#### IV. CHƯƠNG TRÌNH MÔN HỌC ĐÀO TẠO BẮT BUỘC:

(Nội dung chi tiết có Phụ lục kèm theo)

**4.1. Hướng dẫn sử dụng chương trình:** Các môn học chung bắt buộc do Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội phối hợp với các Bộ/ ngành tổ chức xây dựng và ban hành để áp dụng thực hiện.

Chương trình gồm 66 tín chỉ.

- 1 TC lý thuyết = 15 giờ.
- 1 TC thực hành = 30 giờ.
- 1 TC có 1 bài kiểm tra học phần

Việc triển khai thực hiện chương trình và giám sát chất lượng chuyên môn do Hiệu trưởng chỉ đạo thực hiện, bao gồm các học phần bắt buộc và tự chọn (kể cả học phần Giáo dục thể chất và học phần Giáo dục quốc phòng – An ninh) theo quy định của Tổng cục Giáo dục nghề nghiệp.

Phòng Đào tạo quản lý, giám sát và theo dõi quá trình thực hiện chương trình, Khoa Chăm sóc sắc đẹp chủ động bố trí và điều hành việc thực hiện các học phần theo đúng phân bố kế hoạch của các học kỳ; đảm bảo tính logic và hệ thống của chương trình căn cứ vào kế hoạch toàn khóa và kế hoạch giảng dạy hàng năm, có thể áp dụng phương pháp mới như lồng ghép, cấu trúc chương trình theo khối lượng thời gian (Block)... theo chương trình đã được phê duyệt.

Phòng Đào tạo và Khoa Chăm sóc sắc đẹp có nhiệm vụ phối hợp thực hiện chương trình theo chuẩn đầu ra.

Sau mỗi hai năm học hoặc sau mỗi khóa học, Khoa lấy ý kiến người học, người sử dụng nguồn nhân lực do Trường đào tạo để làm cơ sở cho việc điều chỉnh đề cương chi tiết học phần.

#### 4.2. Hướng dẫn xác định nội dung và thời gian cho các hoạt động ngoại khóa

- Để sinh viên có nhận thức đầy đủ về nghề nghiệp đang theo học, Trường bố trí cho sinh viên tham quan, học tập tại các Bệnh viện thẩm mỹ, TT Chăm sóc sắc đẹp.

- Để giáo dục truyền thống, mở rộng nhận thức và văn hóa xã hội có thể bố trí cho sinh viên tham quan một số Trường có ngành Chăm sóc sắc đẹp trong và ngoài nước

- Thời gian cho hoạt động ngoại khóa được bố trí ngoài thời gian đào tạo chính khóa vào thời điểm phù hợp:

Số TT	Nội dung	Thời gian
1	Thể dục, thể thao	Ngoài giờ học hàng ngày

2	Văn hoá, văn nghệ: Qua các phương tiện thông tin đại chúng, Sinh hoạt tập thể	Ngoài giờ học hàng ngày 19 giờ đến 21 giờ (một buổi/tuần)
3	Hoạt động thư viện Ngoài giờ học, sinh viên có thể đến thư viện đọc sách và tham khảo tài liệu	Tất cả các ngày làm việc trong tuần
4	Vui chơi, giải trí và các hoạt động đoàn thể	Đoàn thanh niên tổ chức các buổi giao luu, các buổi sinh hoạt vào các tối thứ bảy, chủ nhật
5	Đi thực tế	Theo thời gian bố trí của giáo viên và theo yêu cầu của môn học, mô đun

#### 4.3. Hướng dẫn kiểm tra hết môn học

- Kiểm tra kết thúc môn học thực hiện theo “Quy chế thi, kiểm tra và công nhận tốt nghiệp trong dạy nghề hệ chính quy” hiện hành.

- Hình thức kiểm tra kết thúc môn học: Viết, vấn đáp, trắc nghiệm, bài tập thực hành.

+ Lý thuyết: 60-120 phút.

+ Thực hành: 4-6 tiết

- Hoặc Bài kiểm tra mang tính tích hợp: vừa lý thuyết vừa thực hành, thời gian dành cho phần kiểm tra lý thuyết không quá 30% so với thời gian thực hành.

#### 4.4. Hướng dẫn thi tốt nghiệp

Việc tốt nghiệp thực hiện theo “Quy chế thi, kiểm tra và công nhận tốt nghiệp hệ Trung cấp chính quy” hiện hành.

4.5. Các chú ý khác: Không có

**HIỆU TRƯỞNG**



**Lê Mạnh Cường**



**CHƯƠNG TRÌNH MÔN HỌC BẮT BUỘC**  
**NGÀNH CHĂM SÓC SẮC ĐẸP**  
**TRÌNH ĐỘ TRUNG CẤP**

**I. CÁC MÔN HỌC CHUNG**

<b>MÃ MÔN HỌC</b>	<b>TÊN MÔN HỌC</b>
MHC 01	Chính trị
MHC 02	Tin học
MHC 03	Pháp luật
MHC 04	Giáo dục thể chất
MHC 05	Giáo dục Quốc phòng- AN
MHC 06	Ngoại ngữ

## CHƯƠNG TRÌNH MÔN HỌC

### GIÁO DỤC CHÍNH TRỊ

**Tên môn học: Giáo dục Chính trị**

**Mã môn học: MHC 01**

**Số tín chỉ: 2 TC (1 LT, 1 TH)**

**Thời gian thực hiện môn học: 30 giờ (lý thuyết: 15 giờ; thảo luận: 13 giờ; kiểm tra: 02 giờ)**

#### I. Vị trí, tính chất của môn học

##### 1. Vị trí

Môn học Giáo dục chính trị là môn học bắt buộc thuộc khối các môn học chung trong chương trình đào tạo trình độ trung cấp.

##### 2. Tính chất

Chương trình môn học bao gồm khái quát về chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam; chú trọng về đạo đức công dân, đạo đức nghề nghiệp; góp phần giáo dục người lao động phát triển toàn diện, đáp ứng yêu cầu của sự nghiệp xây dựng, bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa.

#### II. Mục tiêu môn học

Sau khi học xong môn học, người học đạt được:

##### 1. Về kiến thức

Trình bày được một số nội dung khái quát về chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh; quan điểm, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước; yêu cầu và nội dung học tập, rèn luyện để trở thành người công dân tốt, người lao động tốt.

##### 2. Về kỹ năng

Vận dụng được các kiến thức chung được học về quan điểm, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước vào việc học tập, rèn luyện, xây dựng đạo đức, lối sống để trở thành người công dân tốt, người lao động tốt và tham gia xây dựng, bảo vệ Tổ quốc.

##### 3. Về năng lực tự chủ và trách nhiệm

Có năng lực vận dụng các nội dung đã học để rèn luyện phẩm chất chính trị, đạo đức, lối sống; thực hiện tốt quan điểm, đường lối của Đảng; chính sách, pháp luật của Nhà nước.

#### III. Nội dung môn học

##### 1. Nội dung tổng quát và phân bố thời gian

STT	Tên bài	Thời gian (giờ)			
		Tổng số	Lý thuyết	Thảo luận	Kiểm tra
1	Bài mở đầu	1	1		
2	Bài 1: Khái quát về chủ nghĩa Mác - Lê nin	4	2	2	

3	Bài 2: Khái quát về tư tưởng Hồ Chí Minh	5	3	2	
4	Bài 3: Những thành tựu của cách mạng Việt Nam dưới sự lãnh đạo của Đảng	5	3	2	
5	Bài 4: Phát triển kinh tế, xã hội, văn hóa, con người ở Việt Nam	10	5	5	
6	Bài 5: Tu dưỡng, rèn luyện để trở thành người công dân tốt, người lao động tốt	3	1	2	
7	Kiểm tra	2			2
	<b>Tổng cộng</b>	<b>30</b>	<b>15</b>	<b>13</b>	<b>02</b>

## 2. Nội dung chi tiết

### BÀI MỞ ĐẦU

#### 1. Mục tiêu

Sau khi học xong bài này, người học đạt được:

Trình bày được vị trí, tính chất, mục tiêu, nội dung chính, phương pháp dạy học và đánh giá môn học.

#### 2. Nội dung

2.1. Vị trí, tính chất môn học

2.2. Mục tiêu của môn học

2.3. Nội dung chính

2.4. Phương pháp dạy học và đánh giá môn học

#### Bài 1:

### KHÁI QUÁT VỀ CHỦ NGHĨA MÁC - LÊNIN

#### 1. Mục tiêu

Sau khi học xong bài này, người học đạt được:

- Trình bày được khái niệm, nội dung chính và giá trị của chủ nghĩa Mác - Lênin đối với sự phát triển của xã hội;

- Khẳng định được chủ nghĩa Mác - Lênin là nền tảng tư tưởng của Đảng ta.

#### 2. Nội dung

2.1. Khái niệm chủ nghĩa Mác - Lênin

2.2. Các bộ phận cấu thành của chủ nghĩa Mác - Lênin

2.2.1. Triết học Mác - Lênin

2.2.2. Kinh tế chính trị Mác - Lênin

2.2.3. Chủ nghĩa xã hội khoa học

2.3. Vai trò nền tảng tư tưởng, lý luận của chủ nghĩa Mác - Lênin

#### Bài 2:

### KHÁI QUÁT VỀ TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH

## **1. Mục tiêu:**

Sau khi học xong bài này, người học đạt được:

- Trình bày được khái niệm, một số nội dung cơ bản, giá trị của tư tưởng Hồ Chí Minh; sự cần thiết, nội dung học tập, làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh;
- Có nhận thức đúng đắn và bước đầu vận dụng tốt kiến thức đã học vào việc tu dưỡng, rèn luyện đạo đức, phong cách cá nhân.

## **2. Nội dung**

2.1. Khái niệm tư tưởng Hồ Chí Minh

2.2. Nội dung cơ bản của tư tưởng Hồ Chí Minh

2.3. Vai trò của tư tưởng Hồ Chí Minh đối với cách mạng Việt Nam

2.4. Học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh trong giai đoạn hiện nay

2.4.1. Sự cần thiết phải học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh

2.4.2. Nội dung chủ yếu của học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh

### **Bài 3:**

## **NHỮNG THÀNH LỰU CỦA CÁCH MẠNG VIỆT NAM DƯỚI SỰ LÃNH ĐẠO CỦA ĐẢNG**

### **1. Mục tiêu**

Sau khi học xong bài này, người học đạt được:

- Trình bày được quá trình ra đời và những thành tựu của cách mạng Việt Nam do Đảng Cộng sản Việt Nam lãnh đạo;
- Khẳng định, tin tưởng và tự hào về sự lãnh đạo đúng đắn của Đảng đối với sự nghiệp cách mạng ở nước ta.

### **2. Nội dung**

2.1. Sự ra đời và lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam đối với cách mạng Việt Nam

2.1.1. Sự ra đời của Đảng Cộng sản Việt Nam

2.1.2. Vai trò lãnh đạo của Đảng trong các giai đoạn cách mạng

2.2. Những thành tựu của cách mạng Việt Nam dưới sự lãnh đạo của Đảng

2.2.1. Thắng lợi của đấu tranh giành và bảo vệ nền độc lập dân tộc

2.2.2. Thắng lợi của công cuộc đổi mới

### **Bài 4:**

## **PHÁT TRIỂN KINH TẾ, XÃ HỘI, VĂN HÓA, CON NGƯỜI Ở VIỆT NAM**

### **1. Mục tiêu**

Sau khi học xong bài này, người học đạt được:

- Trình bày được một số quan điểm và giải pháp cơ bản xây dựng và phát triển kinh tế, xã hội, văn hóa, con người ở Việt Nam hiện nay;
- Nhận thức được đường lối phát triển kinh tế, xã hội, văn hóa, con người của nước ta trong giai đoạn hiện nay là phù hợp và chủ động thực hiện đường lối đó.

## **2. Nội dung**

2.1. Nội dung của chủ trương phát triển kinh tế, xã hội, văn hóa, con người ở Việt Nam hiện nay

2.2. Giải pháp phát triển kinh tế, xã hội, văn hóa, con người ở Việt Nam hiện nay

2.2.1. Nội dung phát triển kinh tế, xã hội

2.2.2. Nội dung phát triển văn hóa, con người

### **Bài 5:**

## **TU DƯỠNG, RÈN LUYỆN ĐỂ TRỞ THÀNH NGƯỜI CÔNG DÂN TỐT, NGƯỜI LAO ĐỘNG TỐT**

### **1. Mục tiêu**

Sau khi học xong bài này, người học đạt được:

- Trình bày sơ lược được quan niệm, nội dung tu dưỡng và rèn luyện để trở thành người công dân tốt, người lao động tốt;
- Tích cực học tập và rèn luyện để trở thành người công dân tốt, người lao động tốt.

### **2. Nội dung**

2.1. Quan niệm về người công dân tốt, người lao động tốt

2.1.1. Người công dân tốt

2.1.2. Người lao động tốt

2.2. Nội dung tu dưỡng và rèn luyện để trở thành người công dân tốt, người lao động tốt

2.2.1. Phát huy truyền thống yêu nước, trung thành với sự nghiệp cách mạng của nhân dân Việt Nam

2.2.2. Phần đấu học tập nâng cao năng lực và rèn luyện phẩm chất cá nhân

### **IV. Điều kiện thực hiện môn học**

- Phòng học, máy tính, máy chiếu và các thiết bị dạy học khác;
- Chương trình môn học, giáo trình, tài liệu tham khảo, giáo án, phim ảnh, và các tài liệu liên quan;
- Khuyến khích các cơ sở giáo dục nghề nghiệp, cơ sở giáo dục đại học có đăng ký hoạt động giáo dục nghề nghiệp đầu tư phòng học và các điều kiện khác để có thể tổ chức giảng dạy môn học theo hình thức trực tuyến.

### **V. Phương pháp đánh giá**

Việc đánh giá kết quả học tập của người học được thực hiện theo quy định tại Thông tư số 09/2017/TT-BLĐTBXH ngày 13 tháng 3 năm 2017 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội quy định việc tổ chức thực hiện chương trình đào tạo trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng theo niên chế hoặc theo phương thức tích lũy mô đun hoặc tín chỉ; quy chế kiểm tra, thi, xét công nhận tốt nghiệp.

### **VI. Miễn trừ, bảo lưu kết quả học tập**

Việc miễn trừ, bảo lưu kết quả học tập môn học được thực hiện theo Thông tư số 09/2017/TT-BLĐTBXH.

Người học là đối tượng tuyển sinh hệ tốt nghiệp trung học cơ sở bắt buộc học toàn bộ chương trình môn học này. Người học đã có bằng tốt nghiệp trung học phổ thông, Hiệu trưởng nhà trường xem xét, quyết định cho người học được miễn học những nội dung đã được học ở chương trình trình phổ thông.

## **VII. Một số hướng dẫn khác**

Khuyến khích các trường trong danh sách trường nghề được ưu tiên đầu tư tập trung, đồng bộ theo tiêu chí trường nghề chất lượng theo Quyết định số 761/QĐ-TTg ngày 23 tháng 5 năm 2014 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt "Đề án phát triển trường nghề chất lượng cao đến năm 2020" tổ chức thí điểm giảng dạy trực tuyến môn học này. Đối với các trường khác, chỉ tổ chức giảng dạy trực tuyến môn học sau khi có văn bản hướng dẫn của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội.

### **Tài liệu tham khảo**

1. Ban Bí thư Trung ương Đảng (2014), Kết luận số 94-KL/TW, ngày 28/3/2014 của Ban Bí thư Trung ương Đảng “về tiếp tục đổi mới, học tập lý luận chính trị trong hệ thống giáo dục quốc dân”.
2. Ban Tuyên giáo Trung ương (2014), Hướng dẫn số 127-HD/BTGTW ngày 30/6/2014 của Ban Tuyên giáo Trung ương về việc triển khai thực hiện Kết luận số 94-KL/TW ngày 28/3/2014 của Ban Bí thư Trung ương Đảng “về tiếp tục đổi mới, học tập lý luận chính trị trong hệ thống giáo dục quốc dân”.
3. Ban Tuyên giáo Trung ương (2016), Những điểm mới trong văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII của Đảng, Nhà xuất bản Chính trị quốc gia.
4. Ban Tuyên giáo Trung ương (2018), Sổ tay các văn bản hướng dẫn thực hiện Chỉ thị số 05-CT/TW ngày 15/5/2016 của Bộ Chính trị về đẩy mạnh học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức phong cách Hồ Chí Minh, Nhà xuất bản Chính trị quốc gia Sự thật.
5. Bộ Chính trị (2016), Chỉ thị số 05-CT/TW, ngày 15/5/2016 của Bộ Chính trị về đẩy mạnh học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh.
6. Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội (2008), Quyết định số 03/2008/QĐ-BLĐTBXH, ngày 18/2/2008 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội ban hành chương trình môn học Chính trị dùng cho các trường trung cấp nghề, trường cao đẳng nghề.
7. Bộ Giáo dục và Đào tạo (2008), Quyết định số 52/2008/QĐ-BGDĐT, ngày 18/9/2008 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về Ban hành chương trình các môn lý luận chính trị trình độ đại học, cao đẳng dùng cho sinh viên khối không chuyên ngành Mác - Lênin, Tư tưởng Hồ Chí Minh.
8. Bộ Giáo dục và Đào tạo (2012), Thông tư số 11/2012/TT-BGDĐT, ngày 07/3/2012 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành chương trình môn học Giáo dục chính trị dùng trong đào tạo trình độ trung cấp chuyên nghiệp.
9. Bộ Giáo dục và Đào tạo (2017), Giáo trình Đường lối cách mạng của Đảng cộng sản Việt Nam, Nhà xuất bản Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội.

10. Bộ Giáo dục và Đào tạo (2017), Giáo trình Tư tưởng Hồ Chí Minh, Nhà xuất bản Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội.
  11. Bộ Giáo dục và Đào tạo (2018), Giáo trình Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác - Lênin, Nhà xuất bản Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội.
  12. Đảng Cộng sản Việt Nam, Văn kiện Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ XII của Đảng.
  13. Đảng Cộng sản Việt Nam (2017), Điều lệ Đảng Cộng sản Việt Nam, Nhà xuất bản Chính trị quốc gia sự thật, Hà Nội.
  14. Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh (2017), Giáo trình Trung cấp Lý luận - Hành chính: Những vấn đề cơ bản về quản lý nhà nước, Nhà xuất bản Lý luận chính trị, Hà Nội.
  15. Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh (2017), Giáo trình Trung cấp Lý luận - Hành chính: Những vấn đề cơ bản của Chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, Nhà xuất bản Lý luận chính trị, Hà Nội.
  16. Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh (2017), Giáo trình Trung cấp Lý luận- Hành chính: Đường lối chính sách của Đảng, Nhà nước Việt Nam về các lĩnh vực của đời sống xã hội, Nhà xuất bản Lý luận chính trị, Hà Nội.
  17. Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh (2017), Giáo trình Trung cấp Lý luận - Hành chính: Nghiệp vụ công tác đảng ở cơ sở, Nhà xuất bản Lý luận chính trị, Hà Nội.
  18. Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh (2017), Giáo trình Trung cấp Lý luận - Hành chính: Những vấn đề cơ bản về Đảng Cộng sản và lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam, Nhà xuất bản Lý luận chính trị, Hà Nội;
  19. Hội đồng Lý luận Trung ương (2017), Phê phán các quan điểm sai trái, bảo vệ nền tảng tư tưởng, cương lĩnh, đường lối của Đảng Cộng sản Việt Nam, nhà xuất bản Chính trị quốc gia Sự thật.
  20. Quốc hội (2013), Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam, 2013.
- Các tài liệu liên quan khác./.

## CHƯƠNG TRÌNH MÔN HỌC

### TIN HỌC

**Tên môn học: Tin học**

**Mã môn học: MHC 02**

**Số tín chỉ: 2 TC (1 LT, 1 TH)**

**Thời gian thực hiện:** 45 giờ (lý thuyết: 15 giờ; thực hành, thảo luận, bài tập: 29 giờ; kiểm tra: 1 giờ).

#### **I. Vị trí, tính chất của môn học**

##### **1. Vị trí**

Môn học Tin học là môn học bắt buộc thuộc khối các môn học chung trong chương trình đào tạo trung cấp.

##### **2. Tính chất**

Chương trình môn học bao gồm một số nội dung cơ bản về máy tính, công nghệ thông tin, cũng như việc sử dụng máy tính trong đời sống, học tập và hoạt động nghề nghiệp sau này.

#### **II. Mục tiêu của môn học**

Sau khi học xong môn học này, người học đạt được một số nội dung trong Chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin cơ bản theo quy định của Bộ Thông tin và Truyền thông, cụ thể:

##### **1. Về kiến thức**

Trình bày được một số kiến thức về công nghệ thông tin cơ bản, sử dụng máy tính, xử lý văn bản; sử dụng bảng tính, trình chiếu, Internet.

##### **2. Về kỹ năng**

- Nhận biết được các thiết bị cơ bản của máy tính, phân loại phần mềm;
- Sử dụng được hệ điều hành Windows để tổ chức, quản lý thư mục, tập tin trên máy tính và sử dụng máy in;
- Sử dụng được phần mềm soạn thảo để soạn thảo được văn bản đơn giản theo mẫu;
- Sử dụng được phần mềm xử lý bảng tính để tạo trang tính và các hàm cơ bản để tính toán các bài toán đơn giản;
- Sử dụng được phần mềm trình chiếu để xây dựng và trình chiếu các nội dung đơn giản;
- Sử dụng được một số dịch vụ Internet cơ bản như: Trình duyệt Web, thư điện tử, tìm kiếm thông tin;
- Nhận biết và áp dụng biện pháp phòng tránh các loại nguy cơ đối với an toàn dữ liệu, mối nguy hiểm tiềm năng khi sử dụng các trang mạng xã hội, an toàn và bảo mật, bảo vệ thông tin.

##### **3. Về năng lực tự chủ và trách nhiệm**

- Nhận thức được tầm quan trọng, có trách nhiệm trong việc sử dụng máy tính và công nghệ thông tin trong đời sống, học tập và nghề nghiệp;
- Có thể làm việc độc lập hoặc theo nhóm trong việc áp dụng một số nội dung trong chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin cơ bản vào học tập, lao động và các hoạt động khác.



**III. Nội dung môn học****1. Nội dung tổng quát và phân bổ thời gian**

Số TT	Tên chương	Tổng số	Thời gian (giờ)		
			Lý thuyết	Thực hành, thảo luận, bài tập	Kiểm tra
1	Chương I. Hiểu biết về công nghệ thông tin cơ bản	4	3	1	
2	Chương II. Sử dụng máy tính cơ bản	4	2	2	
3	Chương III. Xử lý văn bản cơ bản	15	3	12	
4	Chương IV. Sử dụng bảng tính cơ bản	9	3	6	
5	Chương V. Sử dụng trình chiếu cơ bản	8	2	6	
6	Chương VI. Sử dụng Internet cơ bản	4	2	2	
7	Kiểm tra	1			1
	<b>Tổng cộng</b>	<b>45</b>	<b>15</b>	<b>29</b>	<b>1</b>

**2. Nội dung chi tiết****Chương I. HIỂU BIẾT VỀ CÔNG NGHỆ THÔNG TIN CƠ BẢN****1. Mục tiêu**

Học xong chương này, người học có khả năng:

- Trình bày được một số kiến thức cơ bản về máy tính, phần mềm, biểu diễn thông tin trong máy tính;
- Nhận biết được các thiết bị phần cứng, phần mềm hệ thống, phần mềm ứng dụng.

**2. Nội dung****2.1. Kiến thức cơ bản về máy tính**

## 2.1.1. Thông tin và xử lý thông tin

## 2.1.1.1. Thông tin

## 2.1.1.2. Dữ liệu

## 2.1.1.3. Xử lý thông tin

## 2.1.2. Phần cứng

## 2.1.2.1. Đơn vị xử lý trung tâm

## 2.1.2.2. Thiết bị nhập

## 2.1.2.3. Thiết bị xuất

## 2.1.2.4. Bộ nhớ và thiết bị lưu trữ

**2.2. Phần mềm**

## 2.2.1. Phần mềm hệ thống

## 2.2.2. Phần mềm ứng dụng

2.2.3. Một số phần mềm ứng dụng thông dụng

2.2.4. Phần mềm nguồn mở

### **2.3. Biểu diễn thông tin trong máy tính**

2.3.1. Biểu diễn thông tin trong máy tính

2.3.2. Đơn vị thông tin và dung lượng bộ nhớ

## **Chương II. SỬ DỤNG MÁY TÍNH CƠ BẢN**

### **1. Mục tiêu**

*Học xong chương này, người học có khả năng:*

- Trình bày sơ lược được một số kiến thức cơ bản về hệ điều hành Windows, phần mềm tiện ích, tiếng Việt trong máy tính, máy in;
- Khởi động, tắt được máy tính, máy in theo đúng quy trình. Tạo và xóa được thư mục, tập tin; sử dụng được một số phần mềm tiện ích thông dụng.

### **2. Nội dung**

#### **2.1. Làm việc với hệ điều hành**

2.1.1. Windows là gì?

2.1.2. Khởi động và thoát khỏi Windows

2.1.3. Desktop

2.1.4. Thanh tác vụ (Taskbar)

2.1.5. Menu Start

2.1.6. Khởi động và thoát khỏi một ứng dụng

2.1.7. Chuyển đổi giữa các cửa sổ ứng dụng

2.1.8. Thu nhỏ một cửa sổ, đóng cửa sổ một ứng dụng

2.1.9. Sử dụng chuột

#### **2.2. Quản lý thư mục và tập tin**

2.2.1. Khái niệm thư mục và tập tin

2.2.2. Xem thông tin, di chuyển, tạo đường tắt đến nơi lưu trữ thư mục và tập tin

2.2.3. Tạo, đổi tên tập tin và thư mục, thay đổi trạng thái và hiển thị thông tin về tập tin

2.2.4. Chọn, sao chép, di chuyển tập tin và thư mục

2.2.5. Xóa, khôi phục tập tin và thư mục

2.2.6. Tìm kiếm tập tin và thư mục

#### **2.3. Một số phần mềm tiện ích**

2.3.1. Phần mềm nén, giải nén tập tin

2.3.2. Phần mềm diệt virus

#### **2.4. Sử dụng tiếng Việt**

2.4.1. Các bộ mã tiếng Việt

2.4.2. Cách thức nhập tiếng Việt

2.4.3. Chọn phần mềm nhập tiếng Việt

## **2.5. Sử dụng máy in**

### 2.5.1. Lựa chọn máy in

### 2.5.2. In

## **Chương III. XỬ LÝ VĂN BẢN CƠ BẢN**

### **1. Mục tiêu**

*Học xong chương này, người học có khả năng:*

- Trình bày sơ lược được một số kiến thức cơ bản về văn bản và xử lý văn bản, sử dụng phần mềm Microsoft Word trong soạn thảo văn bản;
- Sử dụng được phần mềm soạn thảo Microsoft Word để soạn thảo được văn bản đơn giản theo mẫu, in được văn bản.

### **2. Nội dung**

#### **2.1. Khái niệm văn bản và xử lý văn bản**

##### 2.1.1. Khái niệm văn bản

##### 2.1.2. Khái niệm xử lý văn bản

#### **2.2. Sử dụng Microsoft Word**

##### 2.2.1. Giới thiệu Microsoft Word

###### 2.2.1.1. Mở, đóng Microsoft Word

###### 2.2.1.2. Giới thiệu giao diện Microsoft Word

##### 2.2.2. Thao tác với tập tin Microsoft Word

###### 2.2.2.1. Mở một tập tin có sẵn

###### 2.2.2.2. Tạo một tập tin mới

###### 2.2.2.3. Lưu tập tin

###### 2.2.2.4. Đóng tập tin

##### 2.2.3. Định dạng văn bản

###### 2.2.3.1. Định dạng văn bản (Text)

###### 2.2.3.2. Định dạng đoạn văn

###### 2.2.3.2.1. Định dạng đoạn (Paragraph)

###### 2.2.3.2.2. Định dạng Bullets, Numbering

###### 2.2.3.2.3. Thiết lập điểm dừng (Tab)

###### 2.2.3.2.4. Định dạng khung và nền (Borders and Shading)

###### 2.2.3.3. Kiểu dáng (Style)

###### 2.2.3.4. Chèn (Insert) các đối tượng vào văn bản

###### 2.2.3.4.1. Bảng (Table)

###### 2.2.3.4.2. Chèn hình ảnh (Picture)

###### 2.2.3.4.3. Chèn chữ nghệ thuật (WordArt)

###### 2.2.3.4.4. Chèn ký tự đặc biệt

###### 2.2.3.4.5. Chèn đối tượng Shapes

2.2.3.5. Hộp văn bản (Textbox)

2.2.3.6. Tạo tiêu đề trang (Header & Footer)

2.2.4. In văn bản

## **Chương IV. SỬ DỤNG BẢNG TÍNH CƠ BẢN**

### **1. Mục tiêu**

*Học xong chương này, người học có khả năng:*

- Trình bày sơ lược được một số kiến thức cơ bản về bảng tính, trang tính; về sử dụng phần mềm Microsoft Excel;
- Sử dụng được phần mềm Microsoft Excel để tạo bảng tính, trang tính; nhập và định dạng dữ liệu; sử dụng các biểu thức toán học, các hàm cơ bản để tính toán các bài toán đơn giản.

### **2. Nội dung**

#### **2.1. Kiến thức cơ bản về bảng tính (Workbook)**

2.2.1. Khái niệm bảng tính

2.2.2. Các bước xây dựng bảng tính thông thường

#### **2.2. Sử dụng Microsoft Excel**

2.2.1. Làm việc với phần mềm Microsoft Excel

2.2.1.1. Mở, đóng phần mềm

2.2.1.2. Giao diện Microsoft Excel

2.2.2. Thao tác trên tập tin bảng tính

2.2.2.1. Mở tập tin bảng tính

2.2.2.2. Lưu bảng tính

2.2.2.3. Đóng bảng tính

#### **2.3. Thao tác với ô**

2.3.1. Các kiểu dữ liệu

2.3.2. Cách nhập dữ liệu

2.3.3. Chỉnh sửa dữ liệu

2.3.3.1. Xóa dữ liệu

2.3.3.2. Khôi phục dữ liệu

#### **2.4. Làm việc với trang tính (Worksheet)**

2.4.1. Dòng và cột

2.4.1.1. Thêm dòng và cột

2.4.1.2. Xoá dòng và cột

2.4.1.3. Hiệu chỉnh kích thước ô, dòng, cột

2.4.2. Trang tính

2.4.2.1. Tạo, xóa, di chuyển, sao chép các trang tính

2.4.2.2. Thay đổi tên trang tính

2.4.2.3. Mở nhiều trang tính

#### 2.4.2.4. Tính toán trên nhiều trang tính

### **2.5. Biểu thức và hàm**

#### 2.5.1. Biểu thức số học

##### 2.5.1.1. Khái niệm biểu thức số học

##### 2.5.1.2. Tạo biểu thức số học đơn giản

##### 2.5.1.3. Các lỗi thường gặp

#### 2.5.2. Hàm

##### 2.5.2.1. Khái niệm hàm, cú pháp hàm, cách nhập hàm

##### 2.5.2.2. Toán tử so sánh =, <, >

##### 2.5.2.3. Các hàm cơ bản (SUM, AVERAGE, MIN, MAX, COUNT, COUNTA, ROUND)

##### 2.5.2.4. Hàm điều kiện IF

##### 2.5.2.5. Các hàm ngày (DAY, MONTH, YEAR)

##### 2.5.2.6. Các hàm tìm kiếm (VLOOKUP, HLOOKUP)

### **2.6. Định dạng ô, dãy ô**

#### 2.6.1. Định dạng kiểu số, ngày, tiền tệ

#### 2.6.2. Định dạng văn bản

#### 2.6.3. Căn chỉnh, hiệu ứng viền

### **2.7. Kết xuất và phân phối trang tính, bảng tính**

#### 2.7.1. Trình bày trang tính để in

#### 2.7.2. Kiểm tra và in

#### 2.7.3. Phân phối trang tính

## **Chương V. SỬ DỤNG TRÌNH CHIẾU CƠ BẢN**

### **1. Mục tiêu**

*Học xong chương này, người học có khả năng:*

- Trình bày sơ lược được một số kiến thức cơ bản về sử dụng máy tính và phần mềm Microsoft PowerPoint trong việc thiết kế và trình chiếu thông tin;
- Sử dụng được phần mềm trình chiếu Microsoft PowerPoint để soạn thảo nội dung, thiết kế và trình chiếu một số nội dung đơn giản.

### **2. Nội dung**

#### **2.1. Kiến thức cơ bản về bài thuyết trình**

##### 2.1.1. Khái niệm bài thuyết trình

##### 2.1.2. Các bước cơ bản để tạo một bài thuyết trình

#### **2.2. Sử dụng phần mềm Microsoft PowerPoint**

##### 2.2.1. Các thao tác tạo trình chiếu cơ bản

##### 2.2.1.1. Giới thiệu Microsoft PowerPoint

##### 2.2.1.2. Tạo một bài thuyết trình cơ bản

##### 2.2.1.3. Các thao tác trên slide

#### 2.2.1.4. Chèn Picture

#### 2.2.1.5. Chèn Shapes, WordArt và Textbox

#### 2.2.1.6. Chèn Table, Chart, SmartArt

### 2.2.2. Hiệu ứng, trình chiếu và in bài thuyết trình

#### 2.2.2.1. Tạo các hiệu ứng hoạt hình cho đối tượng

#### 2.2.2.2. Tạo các hiệu ứng chuyển slide

#### 2.2.2.3. Cách thực hiện một trình diễn

#### 2.2.2.4. Lặp lại trình diễn

#### 2.2.2.5. In bài thuyết trình

## **Chương VI. SỬ DỤNG INTERNET CƠ BẢN**

### **1. Mục tiêu**

*Học xong chương này, người học có khả năng:*

- Trình bày sơ lược được một số kiến thức cơ bản về Internet, WWW (World Wide Web), các thao tác với thư điện tử;
- Sử dụng được các thao tác đơn giản trong trình duyệt Web, nhận và soạn thảo trả lời thư điện tử; tìm kiếm thông tin.
- Nhận biết và thực hiện được các biện pháp an toàn bảo mật thông tin khi sử dụng các thiết bị, trang thông tin liên quan đến Internet.

### **2. Nội dung**

#### **2.1. Kiến thức cơ bản về Internet**

##### 2.1.1. Tổng quan về Internet

##### 2.1.2. Dịch vụ WWW (World Wide Web)

#### **2.2. Khai thác và sử dụng Internet**

##### 2.2.1. Sử dụng trình duyệt Web

##### 2.2.3. Thư điện tử (Email)

##### 2.2.3. Tìm kiếm thông tin (Search)

##### 2.2.4. Bảo mật khi làm việc với Internet

#### **2.3. Kiến thức cơ bản về an toàn và bảo mật thông tin trên mạng**

##### 2.3.1. Nguồn gốc các nguy cơ đối với việc đảm bảo an toàn dữ liệu và thông tin

##### 2.3.2. Tác dụng và hạn chế chung của phần mềm diệt virus, phần mềm an ninh mạng

##### 2.3.3. An toàn thông tin khi sử dụng các loại thiết bị di động và máy tính trên internet

##### 2.3.4. An toàn khi sử dụng mạng xã hội

### **IV. Điều kiện thực hiện môn học**

#### 1. Phòng học chuyên môn/nhà xưởng

- Phòng máy tính có cấu hình phù hợp (đảm bảo mỗi sinh viên 1 máy). Phòng được trang bị hệ thống đèn đủ ánh sáng và máy điều hòa.
- Bàn, ghế cho sinh viên (mỗi bàn đặt 1 bộ máy tính).

- Bàn ghế giáo viên, bảng, máy chiếu, bút bảng.

## 2. Trang thiết bị máy móc

- Máy tính cài hệ điều hành Windows, Microsoft Office (Microsoft Word, Microsoft Excel, Microsoft PowerPoint), phần mềm tiện ích và có kết nối Internet.

- Các thiết bị phần cứng máy tính gồm: Mainboard, CPU, Ram, Ổ cứng, Card màn hình, Card âm thanh, Card mạng, Vỏ máy tính, Nguồn máy tính, Màn hình, Bàn phím, Chuột, Loa.

- Có một máy server quản lý toàn bộ máy con có kết nối mạng LAN và một máy cho giáo viên.

## 3. Học liệu, dụng cụ, nguyên vật liệu:

Giáo trình, bài giảng, hệ thống bài tập, tài liệu tham khảo.

## 4. Các điều kiện khác

Khuyến khích các cơ sở giáo dục nghề nghiệp, cơ sở giáo dục đại học có đăng ký hoạt động giáo dục nghề nghiệp trang bị phòng học và các điều kiện khác để có thể tổ chức giảng dạy môn học theo hình thức trực tuyến.

## V. Phương pháp đánh giá

Việc đánh giá kết quả học tập của người học được thực hiện theo quy định tại Thông tư số 09/2017/TT-BLĐTBXH ngày 13/3/2017 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội quy định việc tổ chức thực hiện chương trình đào tạo trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng theo niên chế hoặc theo phương thức tích lũy mô-đun hoặc tín chỉ; quy chế kiểm tra, thi, xét công nhận tốt nghiệp.

## VI. Miễn trừ, bảo lưu kết quả học tập

Việc miễn trừ, bảo lưu kết quả học tập môn học được thực hiện theo Thông tư số 09/2017/TT-BLĐTBXH. Ngoài ra, Hiệu trưởng quy định cụ thể và quyết định miễn trừ học tập môn học như sau:

- Miễn trừ học tập môn học đối với người học có:

+ Chứng chỉ chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin cơ bản hoặc Chứng chỉ chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin nâng cao theo quy định của Bộ Thông tin và Truyền thông;

+ Chứng chỉ công nghệ thông tin của tổ chức nước ngoài sử dụng ở Việt Nam đáp ứng chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin cơ bản hoặc Chứng chỉ chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin nâng cao theo quy định của Bộ Thông tin và Truyền thông;

- Người học là đối tượng tuyển sinh hệ tốt nghiệp trung học cơ sở bắt buộc học toàn bộ chương trình môn học này. Người học đã có bằng tốt nghiệp trung học phổ thông, Hiệu trưởng xem xét, quyết định cho người học được miễn học những nội dung đã được học ở chương trình trung học phổ thông.

## Tài liệu tham khảo

1. Quyết định số 392/QĐ-TTg ngày 27/3/2015 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt “Chương trình mục tiêu phát triển công nghiệp công nghệ thông tin đến 2020, tầm nhìn 2025”.

2. Quyết định số 1982/QĐ-TTg ngày 31/10/2014 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt đề án “Ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý, hoạt động dạy và học nghề đến năm 2020”.
3. Thông tư số 03/2014/TT-BTTTT ngày 11/3/2014 của Bộ Thông tin và Truyền thông quy định chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin.
4. Thông tư liên tịch số 17/2016/TTLT-BGDĐT-BTTTT ngày 21/06/2016 của Bộ Giáo dục và Đào tạo và Bộ Thông tin và Truyền thông quy định tổ chức thi và cấp chứng chỉ ứng dụng công nghệ thông tin.
5. Thông tư số 44/2017/TT-BTTTT ngày 29/12/2017 của Bộ Thông tin và Truyền thông Quy định về việc công nhận chứng chỉ công nghệ thông tin của tổ chức nước ngoài sử dụng ở Việt Nam đáp ứng chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin
6. Nguyễn Đăng Ty, Hồ Thị Phương Nga, Giáo trình Tin học Đại cương, NXB Đại học Quốc gia TP. Hồ Chí Minh, 2015.
7. Huyền Trang, Sử dụng Internet an toàn, NXB Phụ nữ, 2014.
8. Phạm Phương Hoa, Phạm Quang Hiến, Giáo trình thực hành Microsoft Word, NXB Thanh Niên, 2016.
9. Phạm Phương Hoa, Phạm Quang Hiến, Giáo trình thực hành Excel, NXB Thanh Niên, 2017.
10. [Joan Lambert](#) and Curtis Frye, Microsoft Office 2016 Step by Step 1st Edition, Microsoft, 2015.
11. [Peter Weverka](#), Office 2016 All-In-One For Dummies 1st Edition, John Wiley & Sons, 2016./.



**CHƯƠNG TRÌNH MÔN HỌC**  
**PHÁP LUẬT**

**Tên môn học: Pháp luật**

**Mã môn học: MHC 03**

**Số tín chỉ: 1 TC (1 LT, 0 TH)**

**Thời gian thực hiện môn học: 15 giờ (lý thuyết: 9 giờ; thảo luận, bài tập: 5 giờ; kiểm tra: 1 giờ)**

**I. Vị trí, tính chất của môn học**

**1. Vị trí**

Môn học Pháp luật là môn học bắt buộc thuộc khối các môn học chung trong chương trình đào tạo trình độ trung cấp.

**2. Tính chất**

Chương trình môn học bao gồm một số nội dung về nhà nước và pháp luật; giúp người học có nhận thức đúng và thực hiện tốt các quy định của pháp luật.

**II. Mục tiêu môn học**

Sau khi học xong môn học này, người học đạt được:

**1. Về kiến thức**

- Trình bày được một số nội dung cơ bản về Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và hệ thống pháp luật của Việt Nam;
- Trình bày được một số nội dung cơ bản về Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam; pháp luật lao động; phòng, chống tham nhũng và bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng.

**2. Về kỹ năng**

- Nhận biết được cấu trúc, chức năng của các cơ quan trong bộ máy nhà nước và các tổ chức chính trị, chính trị - xã hội ở Việt Nam; các thành tố của hệ thống pháp luật và các loại văn bản quy phạm pháp luật của Việt Nam;
- Phân biệt được khái niệm, đối tượng, phương pháp điều chỉnh và vận dụng được các kiến thức được học về pháp luật lao động; phòng, chống tham nhũng; bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng vào việc xử lý các vấn đề liên quan trong các hoạt động hàng ngày.

**3. Về năng lực tự chủ và trách nhiệm**

Tôn trọng, sống và làm việc theo Hiến pháp và pháp luật; tự chủ được các hành vi của mình trong các mối quan hệ liên quan đến các nội dung đã được học, phù hợp với quy định của pháp luật và các quy tắc ứng xử chung của cộng đồng và của xã hội.

**III. Nội dung môn học**

**1. Nội dung tổng quát và phân bổ thời gian**

TT	Tên chương/ bài	Thời gian (giờ)			
		Tổng số	Lý thuyết	Thảo luận/ bài tập	Kiểm tra

1	Bài 1: Một số vấn đề chung về nhà nước và pháp luật	2	1	1	
2	Bài 2: Hiến pháp	2	1	1	
3	Bài 3: Pháp luật lao động	7	5	2	
4	Bài 4: Pháp luật phòng, chống tham nhũng	2	1	1	
5	Bài 5: Pháp luật bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng	1	1	0	
6	Kiểm tra	1			1
	<b>Cộng</b>	<b>15</b>	<b>9</b>	<b>5</b>	<b>1</b>

## 2. Nội dung chi tiết:

### Bài 1:

#### MỘT SỐ VẤN ĐỀ CHUNG VỀ NHÀ NƯỚC VÀ PHÁP LUẬT

##### 1. Mục tiêu

- Nhận biết được bản chất, chức năng, nguyên tắc tổ chức và hoạt động của các cơ quan trong bộ máy Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam;
- Nhận biết được các thành tố của hệ thống pháp luật và hệ thống văn bản quy phạm pháp luật Việt Nam.

##### 2. Nội dung

###### 2.1. Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam

###### 2.1.1. Bản chất, chức năng của Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam

###### 2.1.2. Nguyên tắc tổ chức và hoạt động của bộ máy Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

###### 2.1.3. Bộ máy Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam

###### 2.2. Hệ thống pháp luật Việt Nam

###### 2.2.1. Các thành tố của hệ thống pháp luật

###### 2.2.1.1. Quy phạm pháp luật

###### 2.2.1.2. Chế định pháp luật

###### 2.2.1.3. Ngành luật

###### 2.2.2. Các ngành luật trong hệ thống pháp luật Việt Nam

###### 2.2.3. Hệ thống văn bản quy phạm pháp luật

###### 2.2.3.1. Khái niệm văn bản quy phạm pháp luật

###### 2.2.3.2. Hệ thống văn bản quy phạm pháp luật của Việt Nam hiện nay

### Bài 2:

#### HIẾN PHÁP

##### 1. Mục tiêu

- Trình bày được khái niệm, vị trí của hiến pháp và một số nội dung cơ bản của Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam;

- Nhận thức được trách nhiệm của các tổ chức, cá nhân trong việc thi hành và bảo vệ Hiến pháp.

## **2. Nội dung**

2.1. Hiến pháp trong hệ thống pháp luật Việt Nam

2.1.1. Khái niệm hiến pháp

2.1.2. Vị trí của hiến pháp trong hệ thống pháp luật Việt Nam

2.2. Một số nội dung cơ bản của Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam năm 2013

2.2.1. Chế độ chính trị

2.2.2. Quyền con người, quyền và nghĩa vụ cơ bản của công dân

2.2.3. Kinh tế, xã hội, văn hóa, giáo dục, khoa học, công nghệ và môi trường

### **Bài 3:**

## **PHÁP LUẬT LAO ĐỘNG**

### **1. Mục tiêu**

- Trình bày được một số nội dung cơ bản về Luật lao động.

- Nhận biết được quyền, nghĩa vụ của người lao động, người sử dụng lao động và một số vấn đề cơ bản khác trong pháp luật lao động.

### **2. Nội dung**

2.1. Khái niệm, đối tượng và phương pháp điều chỉnh của Luật lao động

2.2. Các nguyên tắc cơ bản của Luật lao động

2.3. Một số nội dung của Bộ luật lao động

2.3.1. Quyền và nghĩa vụ của người lao động

2.3.2. Quyền và nghĩa vụ của người sử dụng lao động

2.3.3. Hợp đồng lao động

2.3.4. Tiền lương

2.3.5. Bảo hiểm xã hội

2.3.6. Thời gian làm việc, thời gian nghỉ ngơi

2.3.7. Kỷ luật lao động

2.3.8. Tranh chấp lao động

2.3.9. Công đoàn

### **Bài 4:**

## **PHÁP LUẬT PHÒNG, CHỐNG THAM NHŨNG**

### **1. Mục tiêu**

- Trình bày được một số nội dung cơ bản về phòng, chống tham nhũng và các điểm chính của Luật Phòng, chống tham nhũng;

- Nhận thức đúng quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của công dân trong công tác phòng, chống tham nhũng.

## **2. Nội dung**

- 2.1. Khái niệm tham nhũng
- 2.2. Nguyên nhân, hậu quả của tham nhũng
- 2.3. Ý nghĩa, tầm quan trọng của công tác phòng, chống tham nhũng
- 2.4. Trách nhiệm của công dân trong việc phòng, chống tham nhũng
- 2.5. Giới thiệu Luật Phòng, chống tham nhũng

### **Bài 5:**

## **PHÁP LUẬT BẢO VỆ QUYỀN LỢI NGƯỜI TIÊU DÙNG**

### **1. Mục tiêu**

- Trình bày được quyền và nghĩa vụ của người tiêu dùng;
- Nhận thức được trách nhiệm của tổ chức, cá nhân đối với người tiêu dùng và bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng.

### **2. Nội dung**

- 2.1. Quyền và nghĩa vụ của người tiêu dùng
- 2.2. Trách nhiệm của tổ chức, cá nhân đối với người tiêu dùng và bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng

### **IV. Điều kiện thực hiện môn học:**

1. Phòng học chuyên môn hóa/nhà xưởng: Phòng học.
2. Trang thiết bị máy móc: Máy tính, máy chiếu Projector.
3. Học liệu, dụng cụ, nguyên vật liệu: Phim, tranh ảnh minh họa các tình huống pháp luật, tài liệu phát tay cho học sinh, tài liệu tham khảo.
4. Các điều kiện khác:

Khuyến khích các cơ sở giáo dục nghề nghiệp, cơ sở giáo dục đại học có đăng ký hoạt động giáo dục nghề nghiệp trang bị phòng học và các điều kiện khác để có thể tổ chức giảng dạy môn học hoặc một số nội dung của môn học theo hình thức trực tuyến.

### **V. Phương pháp đánh giá**

Việc đánh giá kết quả học tập của người học được thực hiện theo quy định tại Thông tư số 09/2017/TT-BLĐTBXH ngày 13/3/2017 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội quy định việc tổ chức thực hiện chương trình đào tạo trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng theo niên chế hoặc theo phương thức tích lũy mô-đun hoặc tín chỉ; quy chế kiểm tra, thi, xét công nhận tốt nghiệp.

### **VI. Miễn trừ, bảo lưu kết quả học tập**

Việc miễn trừ, bảo lưu kết quả học tập môn học được thực hiện theo Thông tư số 09/2017/TT-BLĐTBXH.

### **Tài liệu tham khảo**

1. Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam, 2013.
2. Bộ Luật lao động, 2012.

3. Luật Bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng, 2010.
4. Luật Phòng, chống tham nhũng, 2005.
5. Quyết định số 1309/QĐ-TTg ngày 05/9/2017 của Thủ tướng Chính phủ Phê duyệt Đề án đưa nội dung quyền con người vào chương trình giáo dục trong hệ thống giáo dục quốc dân.
6. Quyết định số 1997/QĐ-TTg ngày 18/10/2016 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình phát triển các hoạt động bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng giai đoạn 2016 – 2020.
7. Chỉ thị số 10/CT- TTg ngày 12/06/2013 của Thủ tướng Chính phủ về việc đưa nội dung phòng, chống tham nhũng vào giảng dạy tại các cơ sở giáo dục, đào tạo từ năm học 2013-2014.
8. Thông tư số 08/2014/TT-BLĐTBXH ngày 22/04/2014 của Bộ trưởng Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội ban hành chương trình, giáo trình môn học Pháp luật dùng trong đào tạo trung cấp nghề, trình độ cao đẳng nghề.
9. Bộ Giáo dục và Đào tạo: Giáo trình Pháp luật đại cương, Nhà Xuất bản Đại học Sư phạm, 2017.
10. Bộ Giáo dục và Đào tạo: Tài liệu giảng dạy về phòng, chống tham nhũng dùng cho các trường đại học, cao đẳng không chuyên về luật (Phê duyệt kèm theo Quyết định số 3468/QĐ-BGDĐT ngày 06 tháng 9 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo, năm 2014).
11. Đại học Quốc gia thành phố Hồ Chí Minh - Trường Đại học Kinh tế - Luật: Giáo trình Luật Lao động, năm 2016.
12. Trường Đại học Luật Hà Nội: Giáo trình Lý luận chung về Nhà nước và Pháp luật, Nhà Xuất bản Tư pháp, năm 2018.
13. Trường Đại học Luật Hà Nội: Giáo trình Luật Hiến pháp Việt Nam, Nhà Xuất bản Công an nhân dân, năm 2017.
14. Trường Đại học Luật Hà Nội: Giáo trình Luật Lao động Việt Nam, Nhà Xuất bản Công an nhân dân, năm 2018.
15. Trường Đại học Luật Hà Nội: Giáo trình Xây dựng văn bản pháp luật, Nhà Xuất bản Tư pháp, năm 2016.
16. Trường Đại học Luật TP. Hồ Chí Minh: Giáo trình Luật Hiến pháp Việt Nam, năm 2017.
17. Trường Đại học Luật TP. Hồ Chí Minh: Giáo trình Pháp luật về hợp đồng và bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng, năm 2017./.

## CHƯƠNG TRÌNH MÔN HỌC

### GIÁO DỤC THỂ CHẤT

**Tên môn học: Giáo dục thể chất**

**Mã môn học: MHC 04**

**Số tín chỉ: 1 TC (0 LT, 1 TH)**

**Thời gian thực hiện: 30 giờ (lý thuyết: 04 giờ; thực hành: 24 giờ; kiểm tra: 02 giờ)**

#### I. Vị trí, tính chất của môn học

##### 1. Vị trí

Môn học Giáo dục thể chất là môn học điều kiện, bắt buộc thuộc khối các môn học chung trong chương trình đào tạo trình độ trung cấp.

##### 2. Tính chất

Chương trình môn học bao gồm một số nội dung cơ bản về thể dục, thể thao; giúp người học tập luyện để nâng cao sức khỏe, phát triển thể lực, tầm vóc, góp phần thực hiện mục tiêu giáo dục toàn diện.

#### II. Mục tiêu môn học

Sau khi học xong môn học này, người học đạt được:

##### 1. Về kiến thức

Trình bày được tác dụng, các kỹ thuật chính và một số quy định của luật môn thể dục thể thao được học để rèn luyện sức khỏe, phát triển thể lực chung.

##### 2. Về kỹ năng

Tự tập luyện, rèn luyện đúng các yêu cầu về kỹ thuật, quy định của môn thể dục thể thao được học.

##### 3. Về năng lực tự chủ và trách nhiệm

Có ý thức tự giác và hình thành thói quen tập luyện thể dục thể thao hàng ngày để góp phần bảo đảm sức khỏe trong học tập, lao động và trong các hoạt động khác.

#### III. Nội dung môn học

##### 1. Nội dung tổng quát và phân bổ thời gian

TT	Chương/ bài	Thời gian (giờ)			
		Tổng số	Lý thuyết	Thực hành	Kiểm tra
I	BÀI MỞ ĐẦU	1	1		
II	Chương I: GIÁO DỤC THỂ CHẤT CHUNG				
1	Bài 1: Thể dục cơ bản	6	1	5	
2	Bài 2: Điền kinh	8	1	7	
3	Kiểm tra giáo dục thể chất chung	1			1
III	Chương II: CHUYÊN ĐỀ THỂ DỤC	14	1	12	1

	<b>THỂ THAO TỰ CHỌN (chọn 1 trong các chuyên đề sau)</b>				
1	Chuyên đề 1: Môn bơi lội	14	1	12	1
2	Chuyên đề 2: Môn cầu lông	14	1	12	1
3	Chuyên đề 3: Môn bóng chuyền	14	1	12	1
4	Chuyên đề 4: Môn bóng rổ	14	1	12	1
5	Chuyên đề 5: Môn bóng đá	14	1	12	1
6	Chuyên đề 6: Môn bóng bàn	14	1	12	1
7	Chuyên đề 7: Môn thể dục thể thao khác	14	1	12	1
	<b>Cộng</b>	<b>30</b>	<b>4</b>	<b>24</b>	<b>2</b>

## 2. Nội dung chi tiết

### BÀI MỞ ĐẦU

#### 1. Mục tiêu

Sau khi học xong bài này, người học đạt được:

Trình bày được vị trí, tính chất, mục tiêu, nội dung chính, phương pháp dạy học và đánh giá môn học.

#### 2. Nội dung

2.1. Vị trí, tính chất môn học

2.2. Mục tiêu của môn học

2.3. Nội dung chính

2.4. Tổ chức dạy học và đánh giá kết quả học tập

### Chương I: GIÁO DỤC THỂ CHẤT CHUNG

#### Bài 1: THỂ DỤC CƠ BẢN

#### 1. Mục tiêu

Sau khi học xong bài này, người học đạt được:

- Trình bày được tác dụng, kỹ thuật cơ bản đối với bài thể dục tay không liên hoàn;
- Thực hiện được đúng động tác kỹ thuật của bài thể dục tay không liên hoàn.

#### 2. Nội dung

2.1. Giới thiệu về thể dục cơ bản

2.2. Thể dục tay không liên hoàn

2.2.1. Tác dụng của thể dục tay không liên hoàn

2.2.2. Các động tác kỹ thuật

#### Bài 2: ĐIỀN KINH

#### 1. Mục tiêu

Sau khi học xong bài này, người học đạt được:

- Trình bày được tác dụng, kỹ thuật cơ bản và một số nội dung trong Luật Điền kinh như: Chạy cự ly ngắn, chạy cự ly trung bình;

- Thực hiện đúng động tác kỹ thuật và bảo đảm các yêu cầu khác của môn điền kinh được học.

## **2. Nội dung**

### **2.1. Chạy cự ly ngắn**

#### **2.1.1. Tác dụng của chạy cự ly ngắn**

#### **2.1.2. Các động tác kỹ thuật**

#### **2.1.3. Một số quy định trong Luật Điền kinh về chạy cự ly ngắn**

### **2.2. Chạy cự ly trung bình**

#### **2.2.1. Tác dụng của chạy cự ly trung bình**

#### **2.2.2. Các động tác kỹ thuật**

#### **2.2.3. Một số quy định trong Luật Điền kinh về chạy cự ly trung bình**

## **Chương II: CHUYÊN ĐỀ THỂ DỤC THỂ THAO TỰ CHỌN**

*(Chọn 1 trong các chuyên đề sau)*

### **Chuyên đề 1: MÔN BƠI LỘI**

#### **1. Mục tiêu**

Sau khi học xong chuyên đề này, người học đạt được:

- Trình bày được tác dụng, kỹ thuật chính và một số quy định trong Luật bơi;
- Thực hiện đúng một số động tác kỹ thuật của môn Bơi lội.

#### **2. Nội dung**

##### **2.1. Tác dụng của môn Bơi lội**

##### **2.2. Các động tác kỹ thuật**

###### **2.2.1. Làm quen với nước, phương pháp thở nước và thả nổi**

###### **2.2.2. Động tác chân và tay**

###### **2.2.3. Phối hợp tay - chân**

###### **2.2.4. Phối hợp tay - chân - thở**

##### **2.3. Một số quy định của Luật bơi**

### **Chuyên đề 2: MÔN CẦU LÔNG**

#### **1. Mục tiêu**

Sau khi học xong chuyên đề này, người học đạt được:

- Trình bày được tác dụng, kỹ thuật chính và một số quy định trong Luật Cầu lông;
- Thực hiện đúng một số động tác kỹ thuật của môn Cầu lông.

#### **2. Nội dung**

##### **2.1. Tác dụng của môn Cầu lông**

##### **2.2. Các động tác kỹ thuật**

###### **2.2.1. Tư thế cơ bản và cách cầm vợt**

###### **2.2.2. Các bước di chuyển (phải trái, trước, sau, chéo), bước đơn, kép, đệm**

###### **2.2.3. Kỹ thuật đánh cầu phải, trái cao tay**

###### **2.2.4. Kỹ thuật đánh cầu phải, trái thấp tay**



2.2.5. Kỹ thuật đánh cầu sắt lưới và bỏ nhỏ

2.2.6. Kỹ thuật phát cầu (thấp gần, cao sâu)

2.3. Một số quy định của Luật Cầu lông

### **Chuyên đề 3: MÔN BÓNG CHUYỀN**

#### **1. Mục tiêu**

Sau khi học xong chuyên đề này, người học đạt được:

- Trình bày được tác dụng, kỹ thuật chính và một số quy định trong Luật Bóng chuyền;
- Thực hiện đúng một số động tác kỹ thuật của môn Bóng chuyền.

#### **2. Nội dung**

2.1. Tác dụng của môn Bóng chuyền

2.2. Các động tác kỹ thuật

2.2.1. Tư thế cơ bản, các bước di chuyển

2.2.2. Kỹ thuật chuyền bóng cao tay cơ bản (chuyền bước 2)

2.2.3. Kỹ thuật chuyền bóng thấp tay cơ bản (chuyền bước 1)

2.2.4. Kỹ thuật phát bóng thấp tay trước mặt

2.2.5. Kỹ thuật phát bóng cao tay trước mặt

2.3. Một số quy định của Luật Bóng chuyền

### **Chuyên đề 4: MÔN BÓNG RỔ**

#### **1. Mục tiêu**

Sau khi học xong chuyên đề này, người học đạt được:

- Trình bày được tác dụng, kỹ thuật chính và một số quy định trong Luật Bóng rổ;
- Thực hiện đúng một số động tác kỹ thuật của môn Bóng rổ.

#### **2. Nội dung**

2.1. Tác dụng của môn Bóng rổ

2.2. Các động tác kỹ thuật

2.2.1. Cách cầm bóng và tư thế chuẩn bị và di chuyển

2.2.2. Kỹ thuật dẫn bóng

2.2.3. Kỹ thuật chuyền bóng và bắt bóng hai tay trước ngực

2.2.4. Kỹ thuật ném rổ bằng một tay trên vai

2.2.5. Kỹ thuật hai bước ném rổ

2.3. Một số quy định của Luật Bóng rổ

### **Chuyên đề 5: MÔN BÓNG ĐÁ**

#### **1. Mục tiêu**

Sau khi học xong chuyên đề này, người học đạt được:

- Trình bày được tác dụng, kỹ thuật chính và một số quy định trong Luật Bóng đá;
- Thực hiện đúng một số động tác kỹ thuật của môn Bóng đá.

#### **2. Nội dung**

- 2.1. Tác dụng của môn Bóng đá
- 2.2. Các động tác kỹ thuật
  - 2.2.1. Kỹ thuật di chuyển
  - 2.2.2. Kỹ thuật dẫn bóng
  - 2.2.3. Kỹ thuật giữ/ không chế bóng
  - 2.2.4. Kỹ thuật đá bóng bằng lòng bàn chân
  - 2.2.5. Kỹ thuật đá biên hoặc ném biên
- 2.3. Một số quy định của Luật Bóng đá

### **Chuyên đề 6: MÔN BÓNG BÀN**

#### **1. Mục tiêu**

Sau khi học xong chuyên đề này, người học đạt được:

- Trình bày được tác dụng, kỹ thuật chính và một số quy định trong Luật Bóng bàn;
- Thực hiện đúng một số động tác kỹ thuật của môn Bóng bàn.

#### **2. Nội dung**

- 2.1. Tác dụng của môn Bóng bàn
- 2.2. Các động tác kỹ thuật
  - 2.2.1. Cách cầm vợt và tư thế chuẩn bị và di chuyển
  - 2.2.2. Kỹ thuật giao bóng, đỡ giao bóng thuận tay và trái tay
  - 2.2.3. Kỹ thuật lúp bóng thuận tay và trái tay
  - 2.2.4. Kỹ thuật gò bóng thuận và trái tay
- 2.3. Một số quy định của Luật Bóng bàn

### **Chuyên đề 7: MÔN THỂ DỤC THỂ THAO KHÁC**

Căn cứ vào điều kiện thực tế và nhu cầu của người học, Hiệu trưởng nhà trường có thể xem xét, quyết định xây dựng và thực hiện các chuyên đề thể dục thể thao tự chọn khác như: Võ thuật, đẩy tạ, tennis, đá cầu...bảo đảm yêu cầu về mục tiêu, nội dung và thời lượng của chuyên đề thể dục thể thao.

#### **IV. Điều kiện thực hiện môn học**

1. Điều kiện chung: Nhà tập luyện/ thi đấu đa năng; video/clip, tranh ảnh, máy chiếu, loa, đài, còi, cờ lệnh, đồng hồ bấm giờ; bàn, ghế; quần áo tập luyện, dụng cụ y tế.

2. Trang thiết bị

2.1. Đối với giáo dục thể chất chung

- Thể dục cơ bản: Sân tập, còi, tranh động tác, thảm tập; dụng cụ tập như gậy, bóng, hoa; nhạc tập và các thiết bị khác.

- Điền kinh:

Chạy cự ly ngắn và trung bình: Sân chạy, dụng cụ phát lệnh, bàn đạp xuất phát và các thiết bị khác;

2.2. Đối với chuyên đề thể dục thể thao tự chọn:

- Môn bơi lội: Hồ bơi, phao bơi, nón bơi, kính bơi và các thiết bị khác;
- Môn cầu lông: Sân cầu lông, bộ trụ; lưới, vợt, quả cầu lông, bảng lật tỷ số và các và các thiết bị khác;
- Môn bóng chuyền: Sân bóng chuyền; trụ, lưới, bóng chuyền; bảng lật tỷ số, sa bàn chiến thuật và các thiết bị khác;
- Môn bóng rổ: Sân bóng rổ, trụ bóng rổ; bảng lật tỷ số, sa bàn chiến thuật và các thiết bị khác;
- Môn bóng đá: Sân bóng đá, khung thành, bóng đá, thẻ phạt, bảng lật tỷ số, sa bàn chiến thuật và các thiết bị khác;
- Môn bóng bàn: Phòng tập; bàn, vợt, bóng, bảng lật tỷ số và các thiết bị khác.

### 3. Các điều kiện khác

Khuyến khích các cơ sở giáo dục nghề nghiệp, cơ sở giáo dục đại học có đăng ký hoạt động giáo dục nghề nghiệp đầu tư phòng học và các điều kiện khác để có thể tổ chức giảng dạy môn học hoặc một số nội dung của môn học theo hình thức trực tuyến.

### V. Phương pháp đánh giá

Việc đánh giá kết quả học tập của người học được thực hiện theo quy định tại Thông tư số 09/2017/TT-BLĐTBXH ngày 13/3/2017 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội quy định việc tổ chức thực hiện chương trình đào tạo trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng theo niên chế hoặc theo phương thức tích lũy mô-đun hoặc tín chỉ; quy chế kiểm tra, thi, xét công nhận tốt nghiệp.

### VI. Miễn trừ, bảo lưu kết quả học tập

Việc miễn trừ, bảo lưu kết quả học tập môn học được thực hiện theo Thông tư số 09/2017/TT-BLĐTBXH.

Người học là đối tượng tuyển sinh hệ tốt nghiệp trung học cơ sở bắt buộc học toàn bộ chương trình môn học này. Người học đã có bằng tốt nghiệp trung học phổ thông, Hiệu trưởng nhà trường xem xét, quyết định cho người học được miễn học những nội dung đã được học ở chương trình trung học phổ thông.

### Tài liệu tham khảo

1. Nghị định số 11/2015/NĐ-CP ngày 32/01/2015 của Chính phủ Quy định về Giáo dục thể chất và hoạt động thể thao trong nhà trường.
2. Quyết định số 1076/QĐ-TTg ngày 17/6/2016 của Thủ tướng Chính phủ Phê duyệt đề án tổng thể phát triển giáo dục thể chất và thể thao trường học giai đoạn 2016 - 2020, định hướng đến năm 2025;
3. Trường Đại học Thể dục thể thao Bắc Ninh: Giáo trình Cầu lông, Nhà Xuất bản Thể dục thể thao, năm 2000.
4. Trường Đại học Thể dục thể thao Bắc Ninh: Giáo trình Bơi thể thao, Nhà Xuất bản Thể dục thể thao, năm 2015.

5. Trường Đại học Thể dục thể thao Bắc Ninh: Giáo trình Thể dục, Nhà Xuất bản Thể dục thể thao, năm 2009.
6. Trường Đại học Thể dục thể thao Bắc Ninh: Giáo trình Bóng chuyền, Nhà xuất bản Thể dục thể thao, năm 2006.
7. Trường Đại học Thể dục thể thao Bắc Ninh: Điền kinh (sách giáo khoa), năm 2006.
8. Trường Đại học Thể dục thể thao Bắc Ninh: Giáo trình Bóng đá, Nhà Xuất bản Thể dục thể thao, năm 2007.
9. Trường Đại học Thể dục thể thao Bắc Ninh: Giáo trình Bơi thể thao, Nhà Xuất bản Thể dục thể thao, năm 2015.
10. Trường Đại học Thể dục thể thao TP. Hồ Chí Minh: Giáo trình điền kinh, Nhà Xuất bản Đại học Quốc gia TP. Hồ Chí Minh, năm 2016.
11. Trường Đại học Thể dục thể thao TP. Hồ Chí Minh: Giáo trình bóng rổ, Nhà Xuất bản Đại học Quốc gia TP. Hồ Chí Minh, năm 2016.
12. Trường Đại học Thể dục thể thao TP. Hồ Chí Minh: Giáo trình bóng đá, Nhà Xuất bản Đại học Quốc gia TP. Hồ Chí Minh, năm 2017.
13. Trường Đại học Thể dục thể thao TP. Hồ Chí Minh: Giáo trình bơi lội (tập 1, tập 2), Nhà Xuất bản Đại học Quốc gia TP. Hồ Chí Minh, năm 2016.
14. Trường Đại học Thể dục thể thao TP. Hồ Chí Minh: Giáo trình bóng bàn, Nhà Xuất bản Đại học Quốc gia TP. Hồ Chí Minh, năm 2014.
15. Trường Đại học Sư phạm thể dục thể thao TP. Hồ Chí Minh: Giáo trình Điền kinh, năm 2016.
16. Trường Đại học Sư phạm thể dục thể thao Thành phố Hồ Chí Minh: Giáo trình Bóng chuyền, Nhà Xuất bản Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh, năm 2014.
17. Trường Đại học Thể dục thể thao Đà Nẵng: Giáo trình thể dục (tập 1, tập 2) Nhà Xuất bản Thể dục thể thao, năm 2014.
18. Trường Đại học Thể dục thể thao Đà Nẵng: Giáo trình điền kinh, Nhà Xuất bản Thể dục thể thao, năm 2014.
19. Trường Đại học Thể dục thể thao Đà Nẵng: Giáo trình bóng bàn, Nhà Xuất bản Thể dục thể thao, năm 2015.
20. Luật các môn thể thao và các tài liệu tham khảo khác./.

## **CHƯƠNG TRÌNH MÔN HỌC**

### **GIÁO DỤC QUỐC PHÒNG – AN NINH**

**Tên môn học: Giáo dục Quốc phòng – An ninh**

**Mã môn học: MHC 05**

**Số tín chỉ: 2 TC (1 LT, 1 TH)**

**Thời gian thực hiện:** 45 giờ (lý thuyết: 21 giờ; thực hành, thảo luận, bài tập: 21 giờ; kiểm tra: 03 giờ)

#### **I. Vị trí, tính chất của môn học**

##### **1. Vị trí**

Môn học Giáo dục quốc phòng và an ninh là môn học điều kiện, bắt buộc thuộc khối các môn học chung trong chương trình đào tạo trung cấp.

##### **2. Tính chất**

Chương trình môn học bao gồm những nội dung cơ bản về xây dựng nền quốc phòng toàn dân, an ninh nhân dân; lực lượng vũ trang nhân dân; có kiến thức cơ bản về phòng thủ dân sự, rèn luyện kỹ năng quân sự, sẵn sàng tham gia bảo vệ Tổ quốc.

#### **II. Mục tiêu môn học**

Sau khi học xong môn học, người học đạt được:

##### **1. Về kiến thức**

- Trình bày được những nội dung cơ bản về chiến lược “Diễn biến hoà bình”, bạo loạn lật đổ của các thế lực thù địch đối với Việt Nam;
- Trình bày được những kiến thức cơ bản về xây dựng lực lượng dân quân tự vệ, dự bị động viên; xây dựng và bảo vệ chủ quyền lãnh thổ, biên giới quốc gia;
- Trình bày được một số nội dung cơ bản về dân tộc và tôn giáo; phòng chống tội phạm và tệ nạn xã hội;
- Trình bày được một số nội dung cơ bản về đội ngũ đơn vị cấp tiểu đội, trung đội; tác dụng, tính năng, cấu tạo và cách thức sử dụng của một số loại vũ khí bộ binh thông thường; kỹ thuật cấp cứu chuyên thương.

##### **2. Về kỹ năng**

- Nhận biết được một số biểu hiện, hoạt động về “Diễn biến hoà bình”, bạo loạn lật đổ của các thế lực thù địch đối với Việt Nam hiện nay;
- Nhận biết được trách nhiệm của tổ chức và cá nhân trong xây dựng lực lượng dân quân tự vệ, dự bị động viên; xây dựng và bảo vệ chủ quyền lãnh thổ, biên giới quốc gia;
- Xác định được một số vấn đề cơ bản về dân tộc và tôn giáo; phòng chống tội phạm và tệ nạn xã hội;
- Thực hiện đúng các động tác trong đội ngũ đơn vị; kỹ thuật sử dụng một số loại vũ khí bộ binh; cấp cứu chuyên thương.

### 3. Về năng lực tự chủ và trách nhiệm

- Luôn có tinh thần cảnh giác cao trước những âm mưu thủ đoạn của các thế lực thù địch; chấp hành tốt mọi đường lối chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước về công tác quốc phòng và an ninh;
- Rèn luyện bản lĩnh chính trị, đạo đức, hình thành lối sống có kỷ luật, có ý thức tự giác và tác phong nhanh nhẹn trong các hoạt động;
- Sẵn sàng tham gia xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, các hoạt động xã hội góp phần xây dựng khối đại đoàn kết toàn dân tộc.

### III. Nội dung môn học

#### 1. Nội dung tổng quát và phân bổ thời gian

STT	Tên bài	Thời gian (giờ)			
		Tổng số	Lý thuyết	Thực hành/ thảo luận	Kiểm tra
1	Bài 1: Nhập môn Giáo dục quốc phòng và an ninh	2	2		
2	Bài 2: Phòng chống chiến lược "Diễn biến hòa bình", bạo loạn lật đổ của các thế lực thù địch đối với Việt Nam	4	3	1	
3	Bài 3: Xây dựng lực lượng dân quân tự vệ, lực lượng dự bị động viên	4	3	1	
4	Bài 4: Xây dựng và bảo vệ chủ quyền lãnh thổ, biên giới quốc gia	4	3	1	
5	Bài 5: Một số vấn đề cơ bản về dân tộc và tôn giáo	4	3	1	
6	Bài 6: Những vấn đề cơ bản về phòng chống tội phạm và tệ nạn xã hội	4	3	1	
7	Kiểm tra	1			1
8	Bài 7: Đội ngũ đơn vị	4	1	3	
9	Bài 8: Giới thiệu và hướng dẫn kỹ thuật sử dụng một số loại vũ khí bộ binh	10	2	8	
10	Bài 9: Kỹ thuật cấp cứu và chuyển thương	6	1	5	
11	Kiểm tra	2			2
	<b>CỘNG</b>	<b>45</b>	<b>21</b>	<b>21</b>	<b>3</b>

#### 2. Nội dung chi tiết

## **Bài 1:**

### **NHẬP MÔN GIÁO DỤC QUỐC PHÒNG VÀ AN NINH**

#### **1. Mục tiêu**

Sau khi học xong bài học, người học đạt được:

- Trình bày được vị trí, tính chất, mục tiêu, nội dung chính, điều kiện thực hiện, yêu cầu về kiểm tra đánh giá môn học; các yêu cầu tối thiểu về lễ tiết tác phong quân nhân cho người học môn học Giáo dục quốc phòng và an ninh;
- Nâng cao ý thức, trách nhiệm của người học trong học tập môn học, nhận thức được tầm quan trọng của công tác quốc phòng và an ninh, bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa.

#### **2. Nội dung**

- 2.1. Vị trí, tính chất, mục tiêu của môn học
- 2.2. Các nội dung chính
- 2.3. Một số yêu cầu cơ bản về lễ tiết tác phong quân nhân cho người học
- 2.4. Điều kiện thực hiện môn học
- 2.5. Tổ chức dạy, học và đánh giá kết quả học tập

## **Bài 2:**

### **PHÒNG CHỐNG CHIẾN LƯỢC “DIỄN BIẾN HÒA BÌNH”, BẠO LOẠN LẬT ĐỔ CỦA CÁC THỂ LỰC THÙ ĐỊCH ĐỐI VỚI VIỆT NAM**

#### **1. Mục tiêu**

Sau khi học xong bài học, người học đạt được:

- Trình bày được những nội dung cơ bản về chiến lược “Diễn biến hoà bình”, bạo loạn lật đổ của các thế lực thù địch đối với các nước xã hội chủ nghĩa và Việt Nam;
- Nhận biết được một số biểu hiện, hoạt động về “Diễn biến hoà bình”, bạo loạn lật đổ của các thế lực thù địch đối với Việt Nam hiện nay.

#### **2. Nội dung**

- 2.1. Chiến lược “Diễn biến hoà bình”, bạo loạn lật đổ của các thế lực thù địch chống phá chủ nghĩa xã hội
  - 2.1.1. Khái niệm chiến lược "Diễn biến hoà bình"
  - 2.1.2. Khái niệm bạo loạn lật đổ
- 2.2. Chiến lược “Diễn biến hoà bình”, bạo loạn lật đổ của các thế lực thù địch đối với Việt Nam
  - 2.2.1. Âm mưu, thủ đoạn của chiến lược "Diễn biến hoà bình" đối với Việt Nam
  - 2.2.2. Bạo loạn lật đổ của các thế lực thù địch chống phá Việt Nam
- 2.3. Quan điểm và phương châm của Đảng, Nhà nước về phòng chống chiến lược “Diễn biến hoà bình”, bạo loạn lật đổ
  - 2.3.1. Quan điểm chỉ đạo
  - 2.3.2. Phương châm tiến hành

2.4. Những giải pháp phòng chống chiến lược “Diễn biến hòa bình”, bạo loạn lật đổ ở Việt Nam hiện nay

2.4.1. Nâng cao nhận thức về âm mưu, thủ đoạn của các thế lực thù địch, nắm chắc mọi diễn biến không để bị động và bất ngờ

2.4.2. Đẩy lùi tệ quan liêu, tham nhũng, tiêu cực trong xã hội, giữ vững định hướng xã hội chủ nghĩa trên các lĩnh vực, chống nguy cơ tụt hậu về kinh tế

2.4.3. Xây dựng ý thức bảo vệ Tổ quốc cho toàn dân

2.4.4. Xây dựng cơ sở chính trị - xã hội vững mạnh về mọi mặt

2.4.5. Chăm lo xây dựng lực lượng vũ trang ở địa phương vững mạnh

2.4.6. Xây dựng, luyện tập các phương án, các tình huống chống "Diễn biến hoà bình", bạo loạn lật đổ của địch

2.4.7. Đẩy mạnh sự nghiệp công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước và chăm lo nâng cao đời sống vật chất, tinh thần cho nhân dân lao động

2.5. Thảo luận

### **Bài 3:**

## **XÂY DỰNG LỰC LƯỢNG DÂN QUÂN TỰ VỆ, LỰC LƯỢNG DỰ BỊ ĐỘNG VIÊN**

### **1. Mục tiêu**

Sau khi học xong bài học, người học đạt được:

- Trình bày được những kiến thức cơ bản về xây dựng lực lượng dân quân tự vệ, dự bị động viên;
- Phân biệt được trách nhiệm của tổ chức và cá nhân trong việc tham gia xây dựng lực lượng dân quân tự vệ, dự bị động viên.

### **2. Nội dung**

2.1. Xây dựng lực lượng dân quân tự vệ

2.1.1. Khái niệm, vị trí vai trò và nhiệm vụ của lực lượng dân quân tự vệ

2.1.2. Nội dung xây dựng lực lượng dân quân tự vệ

2.1.3. Một số biện pháp xây dựng lực lượng dân quân tự vệ trong giai đoạn hiện nay

2.2. Xây dựng lực lượng dự bị động viên

2.2.1. Khái niệm, vị trí, vai trò xây dựng lực lượng dự bị động viên

2.2.2. Những quan điểm, nguyên tắc xây dựng lực lượng dự bị động viên

2.2.3. Nội dung xây dựng lực lượng dự bị động viên

2.2.4. Một số biện pháp xây dựng lực lượng dự bị động viên trong giai đoạn hiện nay

2.3. Thảo luận

### **Bài 4:**

## **XÂY DỰNG VÀ BẢO VỆ CHỦ QUYỀN LÃNH THỔ, BIÊN GIỚI QUỐC GIA**

### **1. Mục tiêu**

Sau khi học xong bài học, người học đạt được:



- Trình bày được những kiến thức cơ bản về chủ quyền lãnh thổ, biển đảo và biên giới quốc gia, quan điểm của Đảng, Nhà nước về xây dựng và bảo vệ chủ quyền lãnh thổ, biển đảo và biên giới quốc gia;

- Phân biệt được trách nhiệm của tổ chức và cá nhân trong việc xây dựng và bảo vệ chủ quyền lãnh thổ, biển đảo và biên giới quốc gia.

## **2. Nội dung**

2.1. Xây dựng và bảo vệ chủ quyền lãnh thổ, biên giới quốc gia

2.1.1. Chủ quyền lãnh thổ quốc gia

2.1.2. Chủ quyền biên giới quốc gia

2.2. Quan điểm của Đảng, Nhà nước về xây dựng và bảo vệ chủ quyền lãnh thổ, biển đảo và biên giới quốc gia

2.3. Một số giải pháp cơ bản của Đảng, Nhà nước về xây dựng và bảo vệ chủ quyền lãnh thổ, biển đảo và biên giới quốc gia

2.4. Trách nhiệm của tổ chức và cá nhân trong việc bảo vệ chủ quyền lãnh thổ, biển đảo và biên giới quốc gia

2.5. Thảo luận

## **Bài 5:**

### **MỘT SỐ VẤN ĐỀ CƠ BẢN VỀ DÂN TỘC VÀ TÔN GIÁO**

#### **1. Mục tiêu**

Sau khi học xong bài học, người học đạt được:

- Trình bày được những nội dung chính về dân tộc, tôn giáo; vấn đề dân tộc, tôn giáo theo quan điểm của chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh; quan điểm, chính sách của Đảng và Nhà nước hiện nay;
- Xác định rõ quan điểm, chính sách của Đảng và Nhà nước về vấn đề dân tộc, tôn giáo ở Việt Nam hiện nay.

#### **2. Nội dung**

##### 2.1. Một số vấn đề cơ bản về dân tộc

###### 2.1.1. Một số vấn đề chung về dân tộc

###### 2.1.2. Đặc điểm các dân tộc ở Việt Nam

##### 2.2. Một số vấn đề cơ bản về tôn giáo

###### 2.2.1. Một số vấn đề chung về tôn giáo

###### 2.2.2. Tình hình tôn giáo ở Việt Nam

##### 2.3. Quan điểm, chính sách của Đảng và Nhà nước về vấn đề dân tộc, tôn giáo ở Việt Nam

###### 2.3.1. Quan điểm, chính sách về dân tộc của Đảng và Nhà nước

###### 2.3.2. Quan điểm, chính sách về tôn giáo của Đảng và Nhà nước

###### 2.3.3. Một số giải pháp nâng cao nhận thức xây dựng khối đại đoàn kết toàn dân tộc

##### 2.4. Thảo luận

## **Bài 6:**

### **NHỮNG VẤN ĐỀ CƠ BẢN VỀ PHÒNG CHỐNG TỘI PHẠM VÀ TỆ NẠN XÃ HỘI**

#### **1. Mục tiêu**

Sau khi học xong bài học, người học đạt được:

- Trình bày được những nội dung cơ bản về công tác phòng chống tội phạm và tệ nạn xã hội;
- Xác định được trách nhiệm của tổ chức và cá nhân trong công tác phòng chống tội phạm và tệ nạn xã hội hiện nay.

#### **2. Nội dung**

##### 2.1. Những vấn đề cơ bản về phòng chống tội phạm

###### 2.1.1. Khái niệm tội phạm và phòng chống tội phạm

###### 2.1.2. Nội dung nhiệm vụ hoạt động phòng chống tội phạm

###### 2.1.3. Chủ thể và nguyên tắc tổ chức hoạt động phòng chống tội phạm

###### 2.1.4. Phòng chống tội phạm trong nhà trường

##### 2.2. Công tác phòng chống tệ nạn xã hội

2.2.1. Khái niệm, mục đích công tác phòng chống tệ nạn xã hội và đặc điểm đối tượng hoạt động tệ nạn xã hội

2.2.2. Chủ trương, quan điểm và các quy định của pháp luật về phòng chống tệ nạn xã hội

2.2.3. Trách nhiệm của tổ chức và cá nhân trong phòng chống tệ nạn xã hội

2.3. Thảo luận

## **Bài 7:**

### **ĐỘI NGŨ ĐƠN VỊ**

#### **1. Mục tiêu**

Sau khi học xong bài học, người học đạt được:

- Trình bày được một số nội dung cơ bản về đội ngũ đơn vị cấp tiểu đội, trung đội;
- Thực hiện đúng các động tác trong đội ngũ đơn vị cấp tiểu đội, trung đội.

#### **2. Nội dung**

2.1. Đội hình tiểu đội

2.1.1. Đội hình tiểu đội một hàng ngang

2.1.2. Đội hình tiểu đội hai hàng ngang

2.1.3. Đội hình tiểu đội một hàng dọc

2.1.4. Đội hình tiểu đội hai hàng dọc

2.2. Đội hình trung đội

2.2.1. Đội hình trung đội một hàng ngang

2.2.2. Đội hình trung đội hai hàng ngang

2.2.3. Đội hình trung đội ba hàng ngang

2.2.4. Đội hình trung đội một hàng dọc

2.2.5. Đội hình trung đội hai hàng dọc

2.2.6. Đội hình trung đội ba hàng dọc

2.3. Đổi hướng đội hình

2.3.1. Đổi hướng đội hình khi đứng tại chỗ

2.3.2. Đổi hướng đội hình trong khi đi

2.4. Thực hành

## **Bài 8:**

# **GIỚI THIỆU VÀ HƯỚNG DẪN KỸ THUẬT SỬ DỤNG MỘT SỐ LOẠI VŨ KHÍ BỘ BINH**

### **1. Mục tiêu**

Sau khi học xong bài học, người học đạt được:

- Trình bày được tác dụng, tính năng chiến đấu, cấu tạo, chuyển động của một số loại vũ khí bộ binh;
- Thực hiện đúng động tác tháo lắp súng bộ binh và kỹ thuật sử dụng một số loại vũ khí bộ binh;
- Có ý thức giữ gìn, bảo quản và sử dụng vũ khí bộ binh trong tập luyện và chiến đấu.

### **2. Nội dung**

2.1. Giới thiệu một số loại vũ khí bộ binh

2.1.1. Súng trường CKC

2.1.2. Súng tiểu liên AK

2.2. Hướng dẫn kỹ thuật sử dụng một số loại vũ khí bộ binh

2.2.1. Kỹ thuật tháo và lắp súng tiểu liên AK và súng trường CKC

2.2.2. Kỹ thuật bắn súng tiểu liên AK và súng trường CKC

2.3. Thực hành

## **Bài 9:**

# **KỸ THUẬT CẤP CỨU VÀ CHUYỂN THƯƠNG**

### **1. Mục tiêu**

Sau khi học xong bài học, người học đạt được:

- Trình bày được một số nội dung cơ bản về kỹ thuật cấp cứu, chuyển thương;
- Thực hiện đúng các bước cấp cứu, chuyển thương.

### **2. Nội dung**

2.1. Chăm máu tạm thời

2.1.1. Mục đích

2.1.2. Nguyên tắc chăm máu tạm thời

2.1.3. Phân biệt các loại chảy máu

2.1.4. Các biện pháp chăm máu tạm thời

2.2. Cố định tạm thời xương gãy

2.2.1. Mục đích

2.2.2. Nguyên tắc cố định tạm thời xương gãy

2.2.3. Kỹ thuật cố định tạm thời xương gãy

2.3. Hô hấp nhân tạo

2.3.1. Nguyên nhân gây ngạt thở

2.3.2. Kỹ thuật cấp cứu ban đầu

### 2.3.3. Tiến triển của việc cấp cứu ngạt thở

## 2.4. Kỹ thuật chuyển thương

### 2.4.1. Mang vác bằng tay

### 2.4.2. Chuyển nạn nhân bằng cáng

## 2.5. Thực hành

# IV. Điều kiện thực hiện môn học

## 1. Địa điểm học tập

Phòng học, thao trường, bãi tập và các địa điểm khác đáp ứng điều kiện thực hiện môn học.

## 2. Trang thiết bị

### 2.1. Tài liệu:

Giáo trình Giáo dục quốc phòng và an ninh bậc trung cấp và các tài liệu tham khảo khác do Hiệu trưởng nhà trường quyết định theo quy định của pháp luật.

### 2.2. Tranh, phim ảnh:

- Sơ đồ tổ chức Quân đội và Công an;
- Kỹ thuật băng bó cấp cứu, chuyển thương;
- Súng tiểu liên AK, súng trường CKC;
- Các tư thế, động tác bắn súng AK, CKC;
- Phim ảnh về giáo dục quốc phòng và an ninh.

### 2.3. Mô hình vũ khí:

- Mô hình súng AK-47, CKC;
- Mô hình súng tiểu liên AK-47, CKC luyện tập.

### 2.4. Máy bắn tập:

- Máy bắn MBT-03;
- Thiết bị tạo tiếng nổ và lực giật cho máy bắn tập MBT-03 TNAK-12;
- Thiết bị theo dõi đường ngắm RDS-07.

### 2.5. Thiết bị khác:

- Bao đạn;
- Bộ bia (khung + mặt bia số 4);
- Giá đặt bia đa năng;
- Kính kiểm tra đường ngắm;
- Đồng tiền di động;
- Mô hình đường đạn trong không khí;
- Hộp dụng cụ huấn luyện;
- Thiết bị tạo tiếng súng và tiếng nổ giả;
- Dụng cụ băng bó cứu thương;
- Cáng cứu thương;
- Giá súng và bàn thao tác;

- Tủ đựng súng và thiết bị.

## 2.6. Trang phục:

- Trang phục giáo viên và cán bộ quản lý giáo dục quốc phòng và an ninh

+ Trang phục mùa hè;

+ Trang phục dã chiến;

+ Mũ Kêpi;

+ Mũ cứng;

+ Mũ mềm;

+ Thất lưng;

+ Giày da;

+ Tất sợi;

+ Sao mũ Kêpi giáo dục quốc phòng và an ninh;

+ Sao mũ cứng giáo dục quốc phòng và an ninh;

+ Sao mũ mềm giáo dục quốc phòng và an ninh;

+ Nền cấp hiệu giáo dục quốc phòng và an ninh;

+ Nền phù hiệu giáo dục quốc phòng và an ninh;

+ Biển tên;

+ Ca vát.

- Trang phục học sinh giáo dục quốc phòng và an ninh

+ Trang phục hè;

+ Mũ cứng;

+ Mũ mềm;

+ Giày vải;

+ Tất sợi;

+ Sao mũ cứng giáo dục quốc phòng và an ninh;

+ Thất lưng;

+ Sao mũ mềm giáo dục quốc phòng và an ninh.

## 3. Các điều kiện khác

Khuyến khích các cơ sở giáo dục nghề nghiệp, cơ sở giáo dục đại học có đăng ký hoạt động giáo dục nghề nghiệp trang bị phòng học và các điều kiện khác để có thể tổ chức giảng dạy nội dung lý thuyết theo hình thức trực tuyến.

### Tài liệu tham khảo:

1. Chỉ thị 12-CT/TW ngày 03/05/2007 của Bộ Chính trị về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác Giáo dục quốc phòng và an ninh trong tình hình mới.
2. Văn kiện Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ XII, Văn phòng Trung ương Đảng, Hà Nội, 2016.
3. Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam, 2013.

4. Luật Biên giới quốc gia, 2004.
5. Luật nghĩa vụ quân sự, 2015.
6. Luật an ninh quốc gia, 2004.
7. Bộ luật hình sự, 2015.
8. Luật phòng chống tham nhũng, 2005; sửa đổi, bổ sung năm 2018.
9. Luật tín ngưỡng, tôn giáo, 2016.
10. Luật Quốc phòng, 2006; sửa đổi, bổ sung năm 2018.
11. Luật giáo dục quốc phòng và an ninh, 2013.
12. Luật biển Việt Nam, 2012.
13. Luật Dân quân tự vệ, 2009.
14. Luật phòng, chống ma túy, 2000, sửa đổi, bổ sung năm 2009.
15. Pháp lệnh số 10/2003/PL-UBTVQH11 ngày 17/03/2003 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về phòng, chống mại dâm.
16. Nghị định số 116/2006/NĐ-CP ngày 06/10/2006 của Chính phủ về động viên quốc phòng.
17. Nghị định số 05/2011/NĐ-CP ngày 14/01/2011 của Chính phủ về Công tác dân tộc.
18. Nghị định số 25/2014/NĐ-CP ngày 07/04/2014 quy định về phòng, chống tội phạm và vi phạm pháp luật khác có sử dụng công nghệ cao.
19. Nghị định số 13/2014/NĐ-CP ngày 25/02/2014 của Chính phủ quy định chi tiết về biện pháp thi hành Luật Giáo dục quốc phòng và an ninh.
20. Nghị định số 71/2018/NĐ-CP ngày 15/05/2018 quy định chi tiết một số điều của luật quản lý, sử dụng vũ khí, vật liệu nổ và công cụ hỗ trợ về vật liệu nổ công nghiệp và tiền chất thuốc nổ.
21. Thông tư số 01/2018/TT-BGDĐT ngày 26/01/2018 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Danh mục thiết bị dạy học tối thiểu môn học giáo dục quốc phòng và an ninh trong các trường tiểu học, trung học cơ sở, trung học phổ thông và trường phổ thông có nhiều cấp học (có cấp trung học phổ thông), trung cấp sư phạm, cao đẳng sư phạm và cơ sở giáo dục đại học.
22. Thông tư số 02/2017/TT-BGDĐT ngày 13/01/2017 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Chương trình giáo dục quốc phòng và an ninh trong trường trung học phổ thông.
23. Thông tư số 03/2017/TT-BGDĐT ngày 13/01/2017 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Chương trình giáo dục quốc phòng và an ninh trong trường trung cấp sư phạm, cao đẳng sư phạm và cơ sở giáo dục đại học.
24. Bộ Giáo dục và Đào tạo: Giáo trình Giáo dục quốc phòng – an ninh tập 1, tập 2 dùng cho sinh viên các trường đại học, cao đẳng, Nhà xuất bản Giáo dục 2007.
25. Học viện chính trị: Phòng, chống "diễn biến hòa bình" ở Việt Nam - những vấn đề lý luận và thực tiễn, Nhà xuất bản Chính trị quốc gia, 2009.
26. Giáo trình Giáo dục an ninh - trật tự, Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam 2012.
27. Điều lệnh quản lý bộ đội, Nhà xuất bản Quân đội nhân dân, 2011.
28. Sách dạy bắn súng tiểu liên AK, Cục quân huấn, BTM, năm 1997./.

## CHƯƠNG TRÌNH MÔN HỌC

### NGOẠI NGỮ

**Tên môn học:** Ngoại ngữ

**Mã môn học:** MHC 06

**Số tín chỉ:** 4 TC (2 LT, 2 TH)

**Thời gian thực hiện môn học:** 90 giờ; (Lý thuyết: 30 giờ; Thực hành, thí nghiệm, thảo luận, bài tập: 56 giờ; Kiểm tra 4 giờ)

#### I. Vị trí, tính chất của môn học

**1. Vị trí:** Môn học Tiếng Anh là một trong các môn học ngoại ngữ bắt buộc thuộc khối các môn học chung trong chương trình đào tạo trình độ Trung cấp.

**2. Tính chất:** Chương trình môn học Tiếng Anh bao gồm các kiến thức, kỹ năng sử dụng tiếng Anh cơ bản trong đời sống, học tập và hoạt động nghề nghiệp phù hợp với trình độ được đào tạo.

#### II. Mục tiêu môn học

Sau khi học xong chương trình ở trình độ cao đẳng, người học đạt được trình độ năng lực ngoại ngữ Bậc 1 theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam, cụ thể:

##### 1. Về kiến thức

Nhận biết và giải thích được các cấu trúc ngữ pháp cơ bản về thành phần của câu, cách sử dụng thì hiện tại và quá khứ, phân loại danh từ, đại từ và tính từ; nhận biết được các từ vựng về giới thiệu bản thân và người khác, các hoạt động hàng ngày, sở thích, địa điểm, thực phẩm và đồ uống, các sự kiện đặc biệt và kỳ nghỉ.

##### 2. Về kỹ năng

a) Kỹ năng nghe: Theo dõi và hiểu được lời nói khi được diễn đạt chậm và rõ ràng về các chủ đề liên quan đến các thành viên gia đình, các hoạt động giải trí trong thời gian rảnh rỗi, vị trí đồ đạc trong nhà, các loại thức ăn và đồ uống phổ biến, các hoạt động trong các dịp lễ hoặc sự kiện đặc biệt, du lịch, các hoạt động hàng ngày và sở thích.

b) Kỹ năng nói: Đưa ra và hỏi đáp các nhận định đơn giản liên quan đến các chủ đề rất quen thuộc như tự giới thiệu bản thân, gia đình, nghề nghiệp, trình bày sở thích, đặt câu hỏi về số lượng, trình bày về những ngày lễ hoặc sự kiện đặc biệt, du lịch, các hoạt động hàng ngày và các sở thích.

c) Kỹ năng đọc: Đọc hiểu các đoạn văn bản ngắn và đơn giản về các chủ đề thông qua các bài đọc có liên quan đến giới thiệu bạn bè, các hoạt động trong thời gian rảnh rỗi, nơi chốn, các món ăn và thức uống phổ biến, các ngày lễ đặc biệt và kỳ nghỉ, các hoạt động hàng ngày và các sở thích.

d) Kỹ năng viết: Viết được những cụm từ, câu ngắn về bản thân, gia đình, trường lớp, nơi làm việc, sở thích và các hoạt động trong thời gian rảnh rỗi, mô tả nhà ở, thức ăn và đồ uống, các lễ hội và dịp đặc biệt, các kỳ nghỉ và các sở thích.

##### 3. Về năng lực tự chủ và trách nhiệm

- Nhận thức được tầm quan trọng của ngoại ngữ nói chung và Tiếng Anh nói riêng, có trách nhiệm trong việc sử dụng tiếng Anh trong đời sống, học tập và nghề nghiệp;



- Có thể làm việc độc lập hoặc theo nhóm trong việc áp dụng tiếng Anh vào học tập, lao động và các hoạt động khác.

### III. Nội dung môn học

#### 1. Nội dung tổng quát và phân bổ thời gian

Số TT	Tên đơn vị bài học	Tổng số	Thời gian (giờ)		
			Lý thuyết	Thực hành, thảo luận, bài tập	Kiểm tra & Ôn tập
1	Bài 1: Gia đình và bạn bè (Family and friends)	9	3	6	
2	Bài 2: Thời gian rảnh rỗi (Leisure time)	9	3	6	
3	Bài 3: Địa điểm (Places)	9	3	6	
4	Bài 4: Các loại thực phẩm và đồ uống (Food and drink)	9	3	6	
5	Ôn tập và kiểm tra (Consolidation & test)	9	3	4	2
6	Bài 5: Các sự kiện đặc biệt (Special occasions)	9	3	6	
7	Bài 6: Kỳ nghỉ (Vacation)	9	3	6	
8	Bài 7: Các hoạt động hàng ngày (Activities)	9	3	6	
9	Bài 8: Sở thích (Hobbies and interests)	9	3	6	
10	Ôn tập và kiểm tra (Consolidation & test)	9	3	4	2
	<b>Tổng cộng</b>	<b>90</b>	<b>30</b>	<b>56</b>	<b>4</b>

#### 2. Nội dung chi tiết như sau:

#### Bài 1. GIA ĐÌNH VÀ BẠN BÈ (FAMILY AND FRIENDS)

##### 1. Mục tiêu

- Nhận biết các động từ thông dụng và từ vựng về gia đình;
- Nhận biết và sử dụng được thì hiện tại đơn, tính từ sở hữu, đại từ và đại từ chỉ định;
- Nghe và trả lời câu hỏi về đề tài gia đình;
- Nói về bản thân và gia đình;
- Đọc hiểu bài đọc và trả lời câu hỏi về gia đình;
- Viết đoạn văn giới thiệu bản thân.

##### 2. Nội dung

###### 2.1. Từ vựng (Vocabulary)

###### 2.1.1. Gia đình;

###### 2.1.2. Nghề nghiệp;

###### 2.1.3. Các động từ thông dụng và các hoạt động.

###### 2.2. Ngữ pháp (Grammar)

###### 2.2.1. Động từ “to be”;

###### 2.2.2. Tính từ sở hữu;

###### 2.2.3. Đại từ và đại từ chỉ định;

2.2.4. Thi hiện tại đơn.

2.3. Kỹ năng nghe (Listening)

2.3.1. Nghe và trả lời câu hỏi về thông tin cá nhân và gia đình;

2.3.2. Bài tập True/False.

2.4. Kỹ năng nói (Speaking)

2.4.1. Giới thiệu bản thân và gia đình;

2.4.2. Hỏi và trả lời.

2.5. Kỹ năng đọc (Reading)

2.5.1. Bài đọc: My friend Minh;

2.5.2. Bài tập trắc nghiệm;

2.5.3. Bài tập True/False.

2.6. Kỹ năng viết (Writing)

Viết đoạn văn giới thiệu bản thân (tối thiểu 50 từ).

## **Bài 2. THỜI GIAN RẪNH RỖI (LEISURE TIME)**

### **1. Mục tiêu**

- Nhận biết và đặt ví dụ với các trạng từ chỉ tần suất (Adverbs of frequency), động từ khiếm khuyết can/can't và câu hỏi với How often...?;
- Sử dụng các từ vựng về sở thích, thể thao và hoạt động lúc rảnh rỗi;
- Nghe các cá nhân giới thiệu sở thích và trả lời câu hỏi;
- Trình bày về sở thích và các hoạt động trong thời gian rảnh rỗi;
- Đọc hiểu bài đọc và trả lời câu hỏi về sở thích trong thời gian rảnh rỗi;
- Viết về các hoạt động yêu thích trong thời gian rảnh rỗi.

### **2. Nội dung**

2.1. Từ vựng (Vocabulary)

2.1.1. Các môn thể thao;

2.1.2. Các hoạt động trong thời gian rảnh rỗi.

2.2. Ngữ pháp (Grammar)

2.2.1. Trạng từ chỉ tần suất;

2.2.2. Động từ khiếm khuyết Can/can't;

2.2.3. Cấu trúc How often...?.

2.3. Kỹ năng nghe (Listening)

2.3.1. Nghe các cá nhân giới thiệu sở thích và trả lời câu hỏi;

2.3.2. Bài tập nghe và lựa chọn đáp án chính xác;

2.3.3. Bài tập nghe và kết hợp đúng đối tượng và hoạt động.

2.4. Kỹ năng nói (Speaking)

2.4.1. Trình bày về sở thích và các hoạt động trong thời gian rảnh rỗi;

2.4.2. Phỏng vấn một người bạn trong lớp.

2.5. Kỹ năng đọc (Reading)

2.5.1. Bài đọc: What does she usually do on Saturdays?;

2.5.2. Đọc và trả lời câu hỏi;

2.5.3. Bài tập trắc nghiệm;

2.5.4. Bài tập True/False.

2.6. Kỹ năng viết (Writing)

Viết về các hoạt động yêu thích trong thời gian rảnh rỗi (tối thiểu 50 từ).

### **Bài 3. ĐỊA ĐIỂM (PLACES)**

#### **1. Mục tiêu**

- Nhận biết và đặt ví dụ với There is/there are, giới từ chỉ nơi chốn và các từ vựng về vật dụng trong nhà, các địa điểm phổ biến và các tính từ phổ biến;
- Nghe và trả lời câu hỏi về vị trí các vật dụng trong nhà;
- Hỏi đường và chỉ đường;
- Đọc hiểu bài đọc giới thiệu về thành phố và các địa điểm nổi bật;
- Viết đoạn văn ngắn giới thiệu về quê hương của bạn.

#### **2. Nội dung**

2.1. Từ vựng (Vocabulary)

2.1.1. Các địa điểm trong thành phố;

2.1.2. Các tính từ thông dụng;

2.1.3. Các đồ vật trong nhà;

2.2. Ngữ pháp (Grammar)

2.2.1. Cấu trúc There is/ There are;

2.2.2. Giới từ chỉ nơi chốn.

2.3. Kỹ năng nghe (Listening)

2.3.1. Nghe và trả lời câu hỏi về vị trí các vật dụng trong nhà;

2.3.2. Bài tập nghe và chọn đáp án chính xác.

2.4. Kỹ năng nói (Speaking)

2.4.1. Mô tả vị trí các đồ vật và nơi chốn trong hình ảnh;

2.4.2. Bài tập điền hoàn chỉnh bảng câu hỏi.

2.5. Kỹ năng đọc (Reading)

2.5.1. Bài đọc: Da Nang City - a worth-living city in Viet Nam;

2.5.2. Bài tập đọc và trả lời câu hỏi.

2.6. Kỹ năng viết (Writing)

Viết đoạn văn ngắn mô tả một căn phòng trong nhà bạn (tối thiểu 50 từ).

## **Bài 4. CÁC LOẠI THỰC PHẨM VÀ ĐỒ UỐNG (FOOD AND DRINK)**

### **1. Mục tiêu**

- Nhận biết và đặt ví dụ với danh từ đếm được và không đếm được (Countable and uncountable nouns), cấu trúc How much/how many, động từ khiếm khuyết Should / shouldn't, cấu trúc Would like và các từ vựng về các loại thức ăn và đồ uống;
- Nghe và trả lời câu hỏi về các loại thức ăn, đồ uống;
- Hỏi về số lượng;
- Đọc hiểu một số thức ăn và đồ uống trong thực đơn;
- Viết đoạn văn ngắn nêu những việc nên làm và không nên làm để có sức khỏe tốt.

### **2. Nội dung**

#### 2.1. Từ vựng (Vocabulary)

Các loại thực phẩm và đồ uống.

#### 2.2. Ngữ pháp (Grammar)

2.2.1. Danh từ đếm được và không đếm được;

2.2.2. Cấu trúc How much/ How many;

2.2.3. Cấu trúc Should/ Shouldn't;

2.2.4. Cấu trúc Would like.

#### 2.3. Kỹ năng nghe (Listening)

2.3.1. Nghe và trả lời câu hỏi về các loại thức ăn, đồ uống;

2.3.2. Bài tập True/False;

2.3.3. Bài tập trắc nghiệm.

#### 2.4. Kỹ năng nói (Speaking)

2.4.1. Hỏi về số lượng trong mua sắm;

2.4.2. Bài tập điền hoàn chỉnh câu với much hoặc many;

2.4.3. Bài tập lựa chọn đáp án đúng;

2.4.4. Bài tập sửa lỗi câu.

#### 2.5. Kỹ năng đọc (Reading)

2.5.1. Bài đọc: A restaurant menu;

2.5.2. Bài tập phân loại từ vựng;

2.5.3. Bài tập True/False.

#### 2.6. Kỹ năng viết (Writing)

Viết đoạn văn ngắn nêu những việc nên làm và không nên làm để có sức khỏe tốt (tối thiểu 50 từ).

## **Bài 5. CÁC SỰ KIỆN ĐẶC BIỆT (SPECIAL OCCASIONS)**

### **1. Mục tiêu**

- Sử dụng thì Present simple và Present continuous, giới từ chỉ thời gian (prepositions of time) và các từ vựng về quần áo, màu sắc, lễ hội và sự kiện đặc biệt và tính từ mô tả ngoại hình;
- Nghe và trả lời câu hỏi về lễ hội và các thông tin có liên quan;
- Thực hành nói về các hoạt động của gia đình trong các lễ hội và sự kiện đặc biệt;
- Đọc hiểu và trả lời câu hỏi về các hoạt động trong ngày Tết truyền thống Việt Nam;
- Viết đoạn văn ngắn mô tả một lễ hội hoặc sự kiện đặc biệt.

## **2. Nội dung**

### **2.1. Từ vựng (Vocabulary)**

2.1.1. Các ngày lễ quan trọng;

2.1.2. Từ vựng mô tả ngoại hình;

2.1.3. Quần áo và màu sắc.

### **2.2. Ngữ pháp (Grammar)**

2.2.1. Thì hiện tại đơn;

2.2.2. Thì hiện tại tiếp diễn;

2.2.3. Giới từ chỉ thời gian.

### **2.3. Kỹ năng nghe (Listening)**

2.3.1. Nghe và trả lời câu hỏi về lễ hội và các thông tin có liên quan;

2.3.2. Bài tập lựa chọn đáp án đúng;

2.3.3. Thực hành theo cặp đôi;

2.3.4. Bài tập nghe và điền từ vào chỗ trống.

### **2.4. Kỹ năng nói (Speaking)**

2.4.1. Thực hành nói về các hoạt động của gia đình trong các lễ hội và sự kiện đặc biệt;

2.4.2. Bài tập sắp xếp câu theo trật tự phù hợp;

2.4.3. Thực hành nói với bạn trong lớp.

### **2.5. Kỹ năng đọc (Reading)**

2.5.1. Bài đọc: Tet holiday;

2.5.2. Bài tập đọc và trả lời câu hỏi;

2.5.3. Thảo luận.

### **2.6. Kỹ năng viết (Writing)**

Viết đoạn văn ngắn mô tả một lễ hội hoặc sự kiện đặc biệt (tối thiểu 50 từ).

## **Bài 6. KỲ NGHỈ (VACATION)**

### **1. Mục tiêu**

- Sử dụng thì quá khứ đơn (Past simple), các cụm từ chỉ thời gian, các vật dụng và hoạt động liên quan đến kỳ nghỉ, tính từ mô tả nơi chôn và cảm xúc;
- Nghe và trả lời câu hỏi về kỳ nghỉ;
- Thực hành đặt câu hỏi có liên quan đến kỳ nghỉ;
- Đọc hiểu và trả lời câu hỏi về một chuyến du lịch đã thực hiện;

- Viết đoạn văn ngắn kể về kỳ nghỉ vừa qua của bạn.

## 2. Nội dung

### 2.1. Từ vựng (Vocabulary)

- 2.1.1. Các hoạt động liên quan đến kỳ nghỉ;
- 2.1.2. Các vật dụng liên quan đến kỳ nghỉ;
- 2.1.3. Các tính từ mô tả nơi chốn và cảm xúc.

### 2.2. Ngữ pháp (Grammar)

- 2.2.1. Thì quá khứ đơn;
- 2.2.2. Dạng quá khứ của động từ To be;
- 2.2.3. Dạng quá khứ của động từ Can;
- 2.2.4. Động từ hợp quy tắc.

### 2.3. Kỹ năng nghe (Listening)

- 2.3.1. Nghe và trả lời câu hỏi về kỳ nghỉ;
- 2.3.2. Bài tập nghe và lựa chọn đáp án đúng;
- 2.3.3. Bài tập nghe và kết hợp.

### 2.4. Kỹ năng nói (Speaking)

- 2.4.1. Thực hành đặt câu hỏi có liên quan đến kỳ nghỉ;
- 2.4.2. Bài tập sắp xếp câu theo trật tự phù hợp;
- 2.4.3. Thực hành với bạn trong lớp.

### 2.5. Kỹ năng đọc (Reading)

- 2.5.1. Bài đọc: My first trip to Hanoi;
- 2.5.2. Bài tập đọc và trả lời câu hỏi;
- 2.5.3. Bài tập True/False.

### 2.6. Kỹ năng viết (Writing)

Viết đoạn văn ngắn kể về kỳ nghỉ vừa qua của bạn (tối thiểu 50 từ).

## Bài 7. CÁC HOẠT ĐỘNG HÀNG NGÀY (ACTIVITIES)

### 1. Mục tiêu

- Sử dụng kết hợp thì hiện tại đơn và thì hiện tại tiếp; to infinitive và gerund và từ vựng về các hoạt động hàng ngày; các tính từ chỉ tính cách;
- Nghe và trả lời câu hỏi về đề tài các hoạt động hàng ngày;
- Nói về các hoạt động hàng ngày;
- Đọc hiểu bức thư giới thiệu về một chuyến du lịch;
- Viết đoạn văn mô tả hoạt động đang diễn ra trong một bức tranh.

### 2. Nội dung

#### 2.1. Từ vựng (Vocabulary)

- 2.1.1. Các hoạt động hàng ngày;
- 2.1.2. Tính từ chỉ tính cách.

## 2.2. Ngữ pháp (Grammar)

2.2.1. Kết hợp thì hiện tại đơn và thì hiện tại tiếp diễn;

2.2.2. To infinitive and Gerund.

## 2.3. Kỹ năng nghe (Listening)

2.3.1. Nghe và trả lời câu hỏi về đề tài các hoạt động hàng ngày;

2.3.2. Bài tập nghe và lựa chọn đáp án đúng;

2.3.3. Bài tập nghe và trả lời câu hỏi.

## 2.4. Kỹ năng nói (Speaking)

2.4.1. Nói về các hoạt động hàng ngày;

2.4.2. Thực hành nghe và lặp lại;

2.4.3. Thực hành theo cặp đôi.

## 2.5. Kỹ năng đọc (Reading)

2.5.1. Bài đọc: A letter;

2.5.2. Bài tập đọc và lựa chọn đáp án đúng.

## 2.6. Kỹ năng viết (Writing)

Viết đoạn văn mô tả hoạt động đang diễn ra trong một bức tranh (tối thiểu 50 từ).

# **Bài 8. SỞ THÍCH (HOBBIES AND INTERESTS)**

## **1. Mục tiêu**

- Sử dụng kết hợp thì quá khứ đơn (Past simple) và thì quá khứ tiếp diễn (Past continuous) các từ vựng về sở thích, các môn thể thao đi chung với động từ: play, go và do;
- Nghe các cá nhân nói về sở thích và trả lời câu hỏi;
- Nói về sở thích trong quá khứ và hiện tại;
- Đọc hiểu bài đọc và trả lời câu hỏi về sở thích;
- Viết đoạn văn ngắn mô tả các sở thích của bản thân.

## **2. Nội dung**

### 2.1. Từ vựng (Vocabulary)

2.1.1. Sở thích;

2.1.2. Cấu trúc Play/go/do+ sport.

### 2.2. Ngữ pháp (Grammar)

2.2.1. Thì quá khứ đơn;

2.2.2. Thì quá khứ tiếp diễn;

2.2.3. Kết hợp thì quá khứ đơn và thì quá khứ tiếp diễn.

### 2.3. Kỹ năng nghe (Listening)

2.3.1. Nghe các cá nhân nói về sở thích và trả lời câu hỏi;

2.3.2. Bài tập nghe và lựa chọn đáp án đúng.

### 2.4. Kỹ năng nói (Speaking)

2.4.1. Nói về sở thích trong quá khứ và hiện tại;

2.4.2. Thực hành nghe và lặp lại.

2.5. Kỹ năng đọc (Reading)

2.5.1. Bài đọc: What is a hobby?;

2.5.2. Bài tập True/False/Not given.

2.6. Kỹ năng viết (Writing)

Viết đoạn văn ngắn mô tả các sở thích của bản thân (tối thiểu 80 từ).

#### **IV. Điều kiện thực hiện môn học**

1. Phòng học chuyên môn/nhà xưởng

- Phòng học được trang bị hệ thống đèn đủ ánh sáng;
- Bàn, ghế rời cho từng sinh viên;
- Bàn ghế giáo viên, bảng, máy chiếu, phấn (hoặc bút bảng).

2. Trang thiết bị máy móc

Máy chiếu, hệ thống âm thanh.

3. Học liệu, dụng cụ, nguyên vật liệu

Giáo viên sử dụng giáo trình dùng chung và tham khảo các tài liệu giảng dạy khác hỗ trợ bài giảng.

4. Các điều kiện khác

Khuyến khích các cơ sở giáo dục nghề nghiệp, cơ sở giáo dục đại học có đăng ký hoạt động giáo dục nghề nghiệp trang bị phòng học nghe nhìn và các điều kiện khác để có thể tổ chức giảng dạy môn học hoặc một số nội dung của môn học theo hình thức trực tuyến.

#### **V. Nội dung và phương pháp đánh giá**

1. Nội dung

1.1. Kiến thức: Các kiến thức về từ vựng và cấu trúc ngữ pháp theo từng chủ đề liên quan trong chương trình.

1.2. Về kỹ năng:

- Kỹ năng nghe: Nghe và xác định thông tin về gia đình, bạn bè, các hoạt động hàng ngày và trong các sự kiện đặc biệt, vị trí và nơi chốn, và các sở thích, kế hoạch trong tương lai, ngoại hình, tính cách và mua sắm theo yêu cầu.

- Kỹ năng nói: Tự giới thiệu về bản thân, gia đình, công việc, sở thích và các hoạt động hàng ngày và trong các sự kiện đặc biệt; mô tả tính cách và ngoại hình của bản thân và người khác; giới thiệu các sản phẩm công nghệ và công dụng; mô tả thói quen mua sắm theo yêu cầu.

- Kỹ năng đọc: Đọc hiểu đại ý và thông tin chi tiết của các bài đọc ngắn theo yêu cầu.

- Kỹ năng viết: Viết câu và đoạn văn ngắn về các chủ đề khác nhau theo yêu cầu.

1.3. Năng lực tự chủ và trách nhiệm: Làm việc độc lập hoặc theo nhóm.

2. Phương pháp đánh giá

Việc đánh giá kết quả học tập của người học được thực hiện theo quy định tại Thông tư 09/2017/TT-BLĐTBXH ngày 13 tháng 3 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và



Xã hội quy định việc tổ chức thực hiện chương trình đào tạo trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng theo niên chế hoặc theo phương thức tích lũy mô-đun hoặc tín chỉ.

Phương pháp đánh giá sẽ dựa theo đặc thù ngành, nghề đào tạo và điều kiện của từng cơ sở giáo dục nghề nghiệp, có thể kết hợp kiểm tra nghe, nói và tự luận.

## **VI. Hướng dẫn thực hiện môn học**

### **1. Phạm vi áp dụng môn học**

Môn học Tiếng Anh là một trong các môn học bắt buộc thuộc khối các môn học chung trong chương trình đào tạo trình độ cao đẳng. Tùy theo đặc thù của các ngành, nghề đào tạo, các trường lựa chọn môn học Tiếng Anh hoặc môn học ngoại ngữ khác theo quy định của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội để giảng dạy.

### **2. Miễn trừ, bảo lưu kết quả học tập môn học**

#### **a) Miễn học, miễn thi kết thúc môn học Tiếng Anh**

Người học được miễn học, miễn thi kết thúc môn học Tiếng Anh trong các trường hợp sau:

- Có chứng chỉ Tiếng Anh Bậc 2 trở lên theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam;
- Có chứng chỉ Tiếng Anh tương đương cấp độ A2 trở lên theo Khung tham chiếu chung Châu Âu do các tổ chức nước ngoài cấp.

#### **b) Bảo lưu, công nhận kết quả học tập**

Thực hiện theo quy định tại Thông tư 09/2017/TT-BLĐTBXH của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội.

c) Người học có nhu cầu được miễn trừ, bảo lưu kết quả môn học phải có đơn đề nghị hiệu trưởng xem xét, quyết định khi nhập học và trước mỗi kỳ thi.

### **3. Hướng dẫn về phương pháp giảng dạy, học tập môn học**

- Đối với giáo viên: Giáo viên vận dụng linh hoạt các phương pháp dạy học; chú trọng phương pháp giao tiếp trong giảng dạy; áp dụng đa dạng các kỹ thuật dạy học; lấy người học làm trung tâm; tổ chức các hoạt động nghe, nói, đọc và viết sinh động nhằm tăng cường sự tham gia của người học; tổ chức các hoạt động đa dạng với sự hỗ trợ của các học liệu, giáo cụ trực quan sinh động phục vụ mục tiêu bài học.

- Đối với người học: Quan sát, hoạt động nhóm, thảo luận theo hướng dẫn của giáo viên và làm bài tập về nhà.

- Khuyến khích việc tổ chức dạy và học trực tuyến môn học, kết hợp với các phần mềm tự học trực tuyến nhằm nâng cao chất lượng dạy và học.

- Bên cạnh việc học 90 giờ trên lớp, giáo viên xây dựng nội dung và mục tiêu tự học thêm 110 giờ cho người học thông qua hệ thống bài tập bổ sung, phần mềm hoặc ứng dụng tiếng Anh hỗ trợ tự học, tài liệu tham khảo khác nhằm giúp người học đạt được năng lực A1 ngoại ngữ theo quy định sau khi tốt nghiệp trình độ trung cấp.

## **4. Tài liệu tham khảo**

1. Thông tư số 01/2014/TT-BGDĐT ngày 24 tháng 01 năm 2014 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc Ban hành Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dung cho Việt Nam.
2. Quyết định số 1982/QĐ-TTg ngày 18 tháng 10 năm 2016 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Khung trình độ quốc gia Việt Nam.
3. Thông tư 03/2017/TT-BLĐTĐ ngày 01 tháng 3 năm 2017 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội quy định về quy trình xây dựng, thẩm định và ban hành chương trình; tổ chức biên soạn, lựa chọn, thẩm định giáo trình đào tạo trình độ trung cấp và cao đẳng.
4. Thông tư 09/2017/TT-BLĐTĐ ngày 13 tháng 3 năm 2017 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội quy định việc tổ chức thực hiện chương trình đào tạo trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng theo niên chế hoặc theo phương thức tích lũy mô-đun hoặc tín chỉ; quy chế kiểm tra, thi, xét công nhận tốt nghiệp.
5. Tim Falla and Paul A. Davies, Solutions Elementary (02nd edition), Oxford University Press, 2012.
6. Miles Craven, Breakthrough Plus 1, MacMillan Education, 2013.
7. Herbert Puchta and Jeff Stranks, More! 1, Cambridge University Press, 2008.
8. Jack C. Richards, Tactics for Listening (02nd edition), Oxford University Press, 2015.

**CHƯƠNG TRÌNH MÔN HỌC BẮT BUỘC**  
**NGÀNH CHĂM SÓC SẮC ĐẸP**  
**TRÌNH ĐỘ TRUNG CẤP**

**II. CÁC MÔN HỌC/ MÔ ĐUN CHUYÊN MÔN**

**II. 1. MÔN HỌC/ MÔ ĐUN CƠ SỞ NGÀNH**

<b>MÃ MÔN HỌC</b>	<b>TÊN MÔN HỌC</b>
<b>MHN 07</b>	<b>Giới thiệu về thẩm mỹ</b>
<b>MHN 08</b>	<b>Kiểm soát nhiễm khuẩn</b>
<b>MHN 09</b>	<b>Dược lý trong ngành làm đẹp</b>
<b>MHN 10</b>	<b>Nghệ thuật giao tiếp và trình bày</b>
<b>MHN 11</b>	<b>Thiết kế tạo mẫu cơ bản</b>
<b>NHN 12</b>	<b>Quản trị cơ sở làm đẹp</b>
<b>MHN 13</b>	<b>Tạo lập cơ sở chăm sóc sắc đẹp</b>
<b>MHN 14</b>	<b>Khoa học về da</b>
<b>MHN 15</b>	<b>Chăm sóc da cơ bản</b>
<b>MHN 16</b>	<b>Ứng dụng chăm sóc da</b>
<b>MHN 17</b>	<b>Khoa học về tóc, móng</b>
<b>MHN 18</b>	<b>Trang điểm cơ bản</b>

## CHƯƠNG TRÌNH MÔN HỌC

### GIỚI THIỆU VỀ THẨM MỸ

**Tên môn học:** Giới thiệu về Thẩm mỹ

**Mã số của môn học:** MHN 07

**Số tín chỉ:** 2 TC (1 LT, 1 TH)

**Thời gian môn học:** 45 giờ; (Lý thuyết: 13 giờ; Thực hành, thí nghiệm, thảo luận, bài tập: 30 giờ; Kiểm tra: 2 giờ)

#### I. VỊ TRÍ, TÍNH CHẤT CỦA MÔN HỌC:

- Vị trí: Môn học được bố trí cùng với các môn học chung khác, trước các môn học/ đào tạo chuyên môn nghề.
- Tính chất: Là môn học chung bắt buộc chuyên ngành Chăm sóc sắc đẹp.

#### II. MỤC TIÊU MÔN HỌC:

- Về kiến thức:
  - + Hiểu biết về cấu trúc thẩm mỹ trên da cơ thể người
  - + Vận dụng các kiến thức chăm sóc da và trị liệu thẩm mỹ
  - + Có những kiến thức căn bản nhất về thẩm mỹ làm nền tảng hỗ trợ cho công việc.
- Về kỹ năng:
  - + Hình thành và phát triển các kỹ năng: chăm sóc sắc đẹp.
  - + Có khả năng giao tiếp tốt trong những tình huống cơ bản trong cuộc sống.
- Về năng lực tự chủ và trách nhiệm:
  - + Mạnh dạn, tự tin trong khi giao tiếp.
  - + Tự nâng cao trình độ chuyên môn sau khi kết thúc khóa học.

#### III. NỘI DUNG MÔN HỌC:

1. Nội dung tổng quát và phân bổ thời gian:

Số T T	Tên chương/mục	Thời gian			
		Tổng số	Lý thuyết	Thực hành/ Bài tập	Kiểm tra
1	Những khái niệm cơ bản về thẩm mỹ	2	1	1	
2	Hoạt động của thẩm mỹ	2	1	1	
3	Các giá trị thẩm mỹ	4	1	3	
4	Làm đẹp thẩm mỹ trên cơ thể	5	1	3	1
5	Nhu cầu và thị hiếu về thẩm mỹ	5	2	3	
6	Thẩm mỹ và những vấn đề liên quan trong cuộc sống	8	2	6	
7	Phương pháp tiếp cận tư vấn thẩm mỹ	9	3	6	

8	Dịch vụ thẩm mỹ	10	2	7	1
	<b>Tổng</b>	<b>45</b>	<b>13</b>	<b>30</b>	<b>2</b>

## 2. Nội dung chi tiết:

Bài 1: Những khái niệm cơ bản về thẩm mỹ	<i>Thời gian: 2 giờ</i>
Bài 2: Hoạt động của thẩm mỹ	<i>Thời gian: 2 giờ</i>
Bài 3: Các giá trị thẩm mỹ	<i>Thời gian: 4 giờ</i>
Bài 4: Làm đẹp thẩm mỹ trên cơ thể	<i>Thời gian: 5 giờ</i>
Bài 5: Nhu cầu và thị hiếu về thẩm mỹ	<i>Thời gian: 5 giờ</i>
Bài 6: Thẩm mỹ và những vấn đề liên quan trong cuộc sống	<i>Thời gian: 8 giờ</i>
Bài 7: Phương pháp tiếp cận tư vấn thẩm mỹ	<i>Thời gian: 9 giờ</i>
Bài 8: Dịch vụ thẩm mỹ	<i>Thời gian: 10 giờ</i>

## IV. ĐIỀU KIỆN THỰC HIỆN MÔN HỌC:

### 1. Lớp học/phòng thực hành

- Phòng học lý thuyết: 01 phòng – 120m<sup>2</sup>:
- Phòng thực hành: 01 phòng – 70m<sup>2</sup>

### 2. Trang thiết bị máy móc, dụng cụ, nguyên vật liệu và học liệu

- Hệ thống loa treo + máy tăng âm: 01 bộ.
- Vật liệu: Phấn, giấy...

## V. PHƯƠNG PHÁP VÀ NỘI DUNG ĐÁNH GIÁ:

### 1. Phương pháp đánh giá:

- Vấn đáp, trắc nghiệm, viết: Nêu các câu hỏi trọng tâm trong mỗi bài nhằm kiểm tra mức độ tiếp thu bài học của sinh viên.

### 2. Nội dung đánh giá:

- Kiến thức: Hình thành và rèn luyện tác phong nghiêm túc, thận trọng, chính xác, khoa học trong thực hành tại phòng thực tập.
- Kỹ năng: Ứng dụng các hiểu biết của môn học vào các môn y học khác để phòng bệnh và điều trị bệnh.
- Thái độ: Có ý thức tự giác, trách nhiệm trong học tập, có tinh thần hợp tác, giúp đỡ lẫn nhau: tham gia đầy đủ thời lượng lý thuyết và thực hành môn học.

## VI. HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN MÔN HỌC:

### 1. Phạm vi áp dụng môn học:

- Chương trình môn học được sử dụng để giảng dạy cho trình độ Trung cấp.

### 2. Hướng dẫn một số điểm chính về phương pháp giảng dạy môn học:

- Để giúp sinh viên nắm những kiến thức cơ sở cần thiết, sau mỗi bài cần giao các câu hỏi, bài tập tự làm ngoài giờ. Các câu hỏi chỉ ở mức độ đơn giản, trung bình phù hợp với phần lý thuyết đã học:

- Thực hành trên các mô hình giải phẫu giúp sinh viên có kỹ năng thực hành và bổ sung phần kiến thức lý thuyết đã học, đồng thời trang bị cho sinh viên một phần kiến thức và kỹ năng trước khi học các môn chuyên ngành
- Khi giảng dạy giảng viên có thể sử dụng kết hợp máy vi tính, máy đèn chiếu, áp dụng các loại giáo án điện tử.

3. Những trọng tâm chương trình cần chú ý:

- Trọng tâm môn học là các bài: 6,7,8

4. Tài liệu cần tham khảo:

- Trung tâm thẩm mỹ Bệnh viện ĐKQT Thu Cúc, *Giáo trình thẩm mỹ - làm đẹp*, Xuất bản nội bộ, 2016.

## CHƯƠNG TRÌNH MÔN HỌC

### KIỂM SOÁT NHIỄM KHUẨN

**Tên môn học: Kiểm soát nhiễm khuẩn**

**Mã môn học: MHN 08**

**Số tín chỉ: 2 TC (1 LT, 1 TH)**

**Thời gian thực hiện môn học:** 45 giờ; (Lý thuyết: 13 giờ; Thực hành, thí nghiệm: 30 giờ; Kiểm tra: 2 giờ)

#### I. VỊ TRÍ, TÍNH CHẤT CỦA MÔN HỌC:

- Vị trí: Là môn cơ sở của ngành
- Tính chất: là môn học ngành, môn học bắt buộc

#### II. MỤC TIÊU MÔN HỌC:

- Kiến thức: Trang bị cho sinh viên những kiến thức về: tầm quan trọng của công tác kiểm soát nhiễm khuẩn, qua đó xác định được vai trò của người điều dưỡng trong thực hiện công tác này
- Kỹ năng: Áp dụng công tác vệ sinh buồng bệnh, phân loại chất thải, các phương pháp khử khuẩn, tiệt khuẩn.
- Năng lực tự chủ và trách nhiệm: Trang bị cho sinh viên những kiến thức cụ thể, thiết thực để áp dụng trong quá trình học tập, làm việc đem lại sự an toàn cho bản thân, khách hàng.

#### III. NỘI DUNG MÔN HỌC:

1. Nội dung tổng quát và phân bổ thời gian:

TT	Tên chương, mục	Thời gian (giờ)			
		Tổng số	Lý thuyết	Thực hành, thí nghiệm, thảo luận, bài tập	Kiểm tra
	Bài mở đầu: Đại cương về KSNK trong các sở y tế	2	1	1	
1	Chương I: Hệ thống tổ chức và điều kiện thực hiện công tác kiểm soát nhiễm khuẩn	4	1	3	
2	Chương II: Các đường lây truyền bệnh và biện pháp phòng ngừa	4	1	3	
3	Chương III: Khử khuẩn – tiệt khuẩn dụng cụ y tế	4	1	3	
4	Chương IV: Phòng và xử trí rủi ro do vật sắc nhọn/ do phơi nhiễm với máu và dịch cơ thể	4	1	3	
5	Chương V: Quản lý đồ vải	4	1	3	

6	Chương VI: Vệ sinh môi trường	4	1	3	
7	Chương VII: Quản lý chất thải y tế	4	1	3	
8	Chương VIII: Phòng ngừa và kiểm soát các bệnh nhiễm khuẩn thường gặp	6	2	4	
9	Chương IX: Giám sát nhiễm khuẩn	7	3	4	
10	Kiểm tra/ thi	2	0	0	2
	<b>Cộng</b>	<b>45</b>	<b>13</b>	<b>30</b>	<b>3</b>

## 2. Nội dung chi tiết:

### **Bài mở đầu: Đại cương về KSNK trong các sở y tế**

*Thời gian: 2 giờ*

### **Chương I: Hệ thống tổ chức và điều kiện thực hiện công tác kiểm soát nhiễm khuẩn**

*Thời gian: 4 giờ*

#### Mục tiêu:

- Trình bày được sơ đồ tổ chức bộ máy kiểm soát nhiễm khuẩn.
- Trình bày các điều kiện để thực hiện có hiệu quả công tác KSNK.

#### Nội dung chương:

##### A. Hệ thống tổ chức

##### 2.1. Hội đồng KSNK

##### 2.2. Khoa KSNK

##### 2.3. Mạng lưới KSNK

##### B. Điều kiện thực hiện công tác KSNK

##### 2.4. Cơ sở hạ tầng

##### 2.5. Trang thiết bị

##### 2.6. Kinh phí

### **Chương II: Các đường lây truyền bệnh và biện pháp phòng ngừa**

*Thời gian: 4 giờ*

#### Mục tiêu:

- Trình bày được các đường lây truyền bệnh.
- Áp dụng được các biện pháp phòng ngừa chuẩn.
- Sử dụng đúng các phương tiện phòng hộ.
- Nêu được các nguyên tắc chung của cách ly phòng ngừa.

#### Nội dung chương:

- Các đường lây truyền:
- Phòng ngừa dựa trên đường lây truyền.
- Phòng ngừa chuẩn.



- Sử dụng biện pháp phòng hộ cá nhân.
- Khi vào phòng cách ly.
- Khi rời phòng cách ly.

### **Chương III: Khử khuẩn – tiệt khuẩn dụng cụ y tế**

*Thời gian: 4 giờ*

Mục tiêu:

- Trình bày được những nguyên tắc chung của khử, tiệt khuẩn dụng cụ.
- Thực hành đúng quy trình khử tiệt khuẩn.
- Biết cách tổ chức và thiết kế trung tâm tiệt khuẩn.

Nội dung chương:

- Một số định nghĩa: sát khuẩn, chất sát khuẩn, chất tẩy rửa, làm sạch, tiệt khuẩn, vô khuẩn.
- Quá trình làm sạch.
- Khử khuẩn: bằng hóa chất, phương pháp pasteur, chiếu đèn cực tím.
- Tiệt khuẩn: nguyên tắc, các phương pháp tiệt khuẩn, duy trì sự tiệt khuẩn.

### **Chương IV: Phòng và xử trí rủi ro do vật sắc nhọn/ do phơi nhiễm với máu và dịch cơ thể**

*Thời gian*

Mục tiêu:

- Áp dụng được các biện pháp thực hành để phòng lây nhiễm trong tiêm.
- Trình bày được các bước xử trí phơi nhiễm.

Nội dung chương:

- Cơ chế gây tổn thương qua da thường gặp.
- Phòng lây nhiễm trong thao tác với vật bén nhọn
- Các bước xử trí cần tuân thủ ngay khi bị phơi nhiễm.

### **Chương V: Quản lý đồ vải**

*Thời gian: 4 giờ*

Mục tiêu

- Liệt kê được các nguyên tắc trong quản lý đồ vải
- Trình bày được quy trình quản lý đồ vải trong bệnh viện

Nội dung chương

- Nguyên tắc.
- Các phương tiện cần thiết.
- Quy trình quản lý đồ vải.

### **Chương VI: Vệ sinh môi trường**

*Thời gian: 4 giờ*

Mục tiêu:

- Trình bày được mục đích của công tác vệ sinh.
- Liệt kê đầy đủ các nguyên tắc làm vệ sinh.
- Mô tả được kế hoạch và quy trình vệ sinh.

Nội dung chương:

- Mục đích
- Nguyên tắc làm vệ sinh.

- Phân loại khu vực vệ sinh
- Kế hoạch thực hiện vệ sinh.
- Các qui trình vệ sinh

### **Chương VII: Quản lý chất thải y tế**

*Thời gian: 4 giờ*

Mục tiêu:

- Trình bày được những nguy cơ của chất thải y tế.
- Phân loại được các loại chất thải tại nguồn phát sinh.
- Kể được các công nghệ xử lý chất thải rắn.

Nội dung chương

- Đại cương.
- Nguy cơ của chất thải y tế.
- Xử lý chất thải rắn y tế.
- Các công nghệ xử lý.

### **Chương VIII: Phòng ngừa và kiểm soát các bệnh nhiễm khuẩn thường gặp**

*Thời gian: 6 giờ*

Mục tiêu:

- Kể được các tác nhân gây bệnh, đường lây truyền và yếu tố nguy cơ đưa đến NK
- Áp dụng được các biện pháp thực hành để phòng ngừa các bệnh nhiễm trùng thường gặp.

Nội dung chương:

- Viêm phổi bệnh viện.
- Phòng ngừa nhiễm khuẩn vết mổ.
- Phòng ngừa nhiễm khuẩn huyết liên quan đến Catheter
- Phòng nhiễm khuẩn tiết niệu

### **Chương IX: Giám sát nhiễm khuẩn**

*Thời gian: 7 giờ*

Mục tiêu:

- Nêu ra được các khái niệm cơ bản về giám sát NK
- Trình bày được các phương pháp giám sát NK
- Thực hành được các giám sát thường dùng.

Nội dung chương:

- Đại cương về giám sát nhiễm khuẩn
- Các phương pháp giám sát nhiễm khuẩn

Kiểm tra/ thi

*Thời gian: 2 giờ*

## **IV. ĐIỀU KIỆN THỰC HIỆN MÔN HỌC:**

1. Phòng học chuyên môn: Phòng học, phòng Skill Lab
2. Trang thiết bị máy móc: Máy chiếu, laptop, micro
3. Học liệu, dụng cụ, nguyên vật liệu: Dụng cụ thực hành theo nội dung môn học.

## **V. PHƯƠNG PHÁP VÀ NỘI DUNG ĐÁNH GIÁ:**

1. Phương pháp đánh giá:

- Kiểm tra giữa kỳ/ lý thuyết: 40%
- Thi kết thúc môn học/ thực hành: 60%

## 2. Nội dung: đánh giá:

- Kiến thức: Trang bị cho sinh viên những kiến thức về: tầm quan trọng của công tác kiểm soát nhiễm khuẩn, qua đó xác định được vai trò của người điều dưỡng trong thực hiện công tác này
- Kỹ năng: Áp dụng công tác vệ sinh buồng bệnh, phân loại chất thải, các phương pháp khử khuẩn, tiệt khuẩn trong quá trình thực hành bệnh viện.
- Năng lực tự chủ và trách nhiệm: trang bị cho sinh viên những kiến thức cụ thể, thiết thực để áp dụng trong quá trình học tập, làm việc đem lại sự an toàn cho bản thân, cho người bệnh

## HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN MÔN HỌC:

### 1. Phạm vi áp dụng môn học:

- Chương trình môn học Kiểm soát nhiễm khuẩn được sử dụng để giảng dạy trình độ trung cấp trong các cơ sở đào tạo trên toàn quốc.

### 2. Hướng dẫn về phương pháp giảng dạy, học tập môn học:

- Đối với giáo viên, giảng viên:
  - + Chuẩn bị giáo án.
  - + Chuẩn bị đầy đủ bài giảng, giáo trình, tài liệu tham khảo đi kèm.
  - + Vai trò người hướng dẫn, sử dụng các phương pháp giảng dạy tích cực.
  - + Quản lý lớp.
- Đối với người học:
  - + Chuẩn bị bài trước khi đến lớp.
  - + Dự lớp
  - + Tham gia thảo luận
  - + Bài tập
  - + Kiểm tra giữa kỳ
  - + Thi kết thúc môn học

### 3. Những trọng tâm cần chú ý:

- Trọng tâm của môn học là các bài: 5,6,7

### 4. Tài liệu tham khảo:

- Lê Thị Anh Thư, *Giáo trình Kiểm soát nhiễm khuẩn bệnh viện*, NXB Y Học, 2011.
- Thông tư: Hướng dẫn tổ chức thực hiện công tác kiểm soát nhiễm khuẩn trong các cơ sở khám bệnh chữa bệnh. Số 18/2009/TT-BYT ngày 14/10/2009
- Đặng Đức Anh, *Nhiễm trùng bệnh viện*, NXB Y học Hà Nội, 2010.
- Jennie Wilson, *Infection Control in Clinical Practice*, 2016.
- Jean Lawrence, *Manual of Infection control procedures*, NXB Dee May, 2013.
- Claire Mercier, *Infection Control, Hospital and Community*, NXB Nelson Thomes ([http://books/google.com/books/about/infection\\_control/html/](http://books/google.com/books/about/infection_control/html/)), 2011.
- *British Journal of Nursing*. <http://www.britishjournalofnursing.com/>.



## CHƯƠNG TRÌNH MÔN HỌC

### DƯỢC LÝ TRONG NGÀNH LÀM ĐẸP

**Tên môn học:** Dược lý trong ngành làm đẹp

**Mã môn học:** MHN 09

**Số tín chỉ:** 2 TC (2 LT, 0 TH)

**Thời gian thực hiện môn học:** 30 giờ; (Lý thuyết: 28 giờ; Thực hành, thí nghiệm, thảo luận, bài tập: 0 giờ; Kiểm tra: 2 giờ)

#### I. VỊ TRÍ, TÍNH CHẤT CỦA MÔN HỌC:

- Vị trí: được phân bổ sau khi học các môn đại cương.
- Tính chất: là môn học ngành, môn học bắt buộc.

#### II. MỤC TIÊU MÔN HỌC:

- Kiến thức: Sinh viên có khả năng trình bày được các khái niệm cơ bản về sự hấp thu, phân phối, chuyển hóa và thải trừ thuốc trong cơ thể; trình bày được chất điển hình, tác dụng, công dụng, bảo quản của các hóa dược quy định.
- Kỹ năng: sinh viên trình bày được những kiến thức cơ bản về hướng dẫn sử dụng một số nhóm thuốc thông dụng: kháng sinh, kháng viêm, vitamin.
- Năng lực tự chủ và trách nhiệm: hoàn thành các bài tập, thành tạo về kiến thức trong hướng dẫn sử dụng an toàn và hợp lý những nhóm thuốc thông dụng.

#### III. NỘI DUNG MÔN HỌC:

1. Nội dung tổng quát và phân bổ thời gian:

TT	Tên chương, mục	Thời gian (giờ)			
		Tổng số	Lý thuyết	Thực hành, thí nghiệm, thảo luận, bài tập	Kiểm tra
1	Bài mở đầu: Đại cương về hóa dược- dược lý	3	3	0	0
2	Chương I: Dược động học của thuốc	3	3	0	0
3	Chương II: Tác dụng của thuốc và các nhân tố ảnh hưởng tới tác dụng của thuốc	3	3	0	0
4	Chương III: Thuốc kháng sinh-Sulfamid	4	4	0	0
5	Chương IV: Thuốc sát khuẩn, tẩy uế	1	1	0	0

6	Chương V: Thuốc chống dị ứng	3	3	0	0
7	Chương VI: Thuốc giảm đau, hạ sốt, chống viêm không Steroid	3	3	0	0
8	Chương VII: Thuốc giảm đau thực thể	3	3	0	0
9	Chương VIII: Thuốc nội tiết	2	2	0	0
10	Chương IX: Vitamin	3	3	0	0
11	Kiểm tra/ thi	2	0	0	2
	<b>Cộng</b>	<b>30</b>	<b>28</b>	<b>00</b>	<b>2</b>

## 2. Nội dung chi tiết:

Bài mở đầu: **Đại cương về hóa dược- dược lý**

*Thời gian: 03 giờ*

Mục tiêu:

- Trình bày được khái niệm về dược lý học.
- Áp dụng được các phương pháp học tập phù hợp với môn học.

Nội dung chương

- Đại cương về dược lý
- Khái niệm về dược lý học
- Vị trí môn học
- Mục tiêu môn học
- Phương pháp học tập.

### **Chương I: Dược động học của thuốc**

*Thời gian: 03 giờ*

Mục tiêu:

- Trình bày và mô tả được sự hấp thu, sự phân bố, sự chuyển hóa và sự thải trừ thuốc.

Nội dung chương:

- Sự hấp thu
- Sự phân bố
- Sự chuyển hóa
- Sự thải trừ.

### **Chương II: Tác dụng của thuốc và các nhân tố ảnh hưởng tới tác dụng của thuốc**

*Thời gian: 03 giờ*

Mục tiêu

- Trình bày được cơ chế tác dụng của thuốc.
- Liệt kê được những yếu tố ảnh hưởng đến tác dụng của thuốc.

- Trình bày được những trạng thái tác dụng đặc biệt của thuốc.

Nội dung chương:

- Cơ chế tác dụng của thuốc.
- Các cách tác dụng của thuốc.
- Những yếu tố ảnh hưởng đến tác dụng của thuốc.
- Những trạng thái tác dụng đặc biệt của thuốc.

### **Chương III: Thuốc kháng sinh- Sulfamid**

*Thời gian: 04 giờ*

Mục tiêu:

- Nêu được khái niệm về thuốc kháng sinh.
- Mô tả phân loại kháng sinh
- Trình bày được nguyên tắc chung trong sử dụng kháng sinh.
- Liệt kê một số kháng sinh thông dụng.
- Liệt kê một số Sulfamid thông dụng.

Nội dung chương

- Khái niệm
- Phân loại kháng sinh
- Nguyên tắc chung trong sử dụng kháng sinh
- Một số kháng sinh thông dụng
- Đại cương về Sulfamid
- Một số sulfamid thông dụng.

### **Chương IV: Thuốc sát khuẩn, tẩy uế**

*Thời gian: 01 giờ*

Mục tiêu:

- Trình bày khái niệm và cách sử dụng các chất tẩy trùng thông dụng.
- Trình bày khái niệm và cách sử dụng các chất khử trùng thông dụng.

Nội dung chương:

- Đại cương
- Các chất tẩy trùng và khử trùng thường dùng.

### **Chương V: Thuốc chống dị ứng**

*Thời gian: 03 giờ*

Mục tiêu

- Trình bày được vai trò của Histamin
- Liệt kê được các thuốc chống dị ứng thông dụng.

Nội dung chương

- Đại cương
- Histamin và vai trò sinh bệnh
- Các thuốc chống dị ứng thông dụng.

### **Chương VI: Thuốc giảm đau, hạ sốt, chống viêm không Steroid**

*Thời gian: 03 giờ*

Mục tiêu:



- Liệt kê một số thuốc giảm đau, hạ sốt thường dùng.
- Trình bày được nguyên tắc chung khi sử dụng thuốc giảm đau, hạ sốt, chống viêm không steroid

Nội dung chương

- Đại cương
- Các thuốc thông thường
- Một số nguyên tắc chung khi sử dụng thuốc giảm đau, hạ sốt, chống viêm không steroid.

### **Chương VII: Thuốc giảm đau thực thể**

*Thời gian: 03 giờ*

Mục tiêu

- Liệt kê được một số thuốc giảm đau thực thể thông dụng.
- Trình bày được nhóm thuốc đối kháng với opioid.
- Trình bày được nguyên tắc sử dụng thuốc giảm đau.

Nội dung chương

- Đại cương
- Một số thuốc giảm đau thực thể
- Thuốc đối kháng với opioid
- Nguyên tắc sử dụng thuốc giảm đau

### **Chương VIII: Thuốc nội tiết**

*Thời gian: 02 giờ*

Mục tiêu

- Khái quát được về nhóm thuốc nội tiết
- Mô tả được các thuốc nhóm Glucocorticoid và các thuốc nội tiết khác.

Nội dung chương:

- Đại cương về thuốc nội tiết
- Các thuốc nhóm Glucocorticoid.
- Các thuốc nội tiết khác.

### **Chương IX: Vitamin**

*Thời gian: 03 giờ*

Mục tiêu:

- Phân loại được các loại Vitamin
- Mô tả được các vitamin thân dầu.
- Mô tả được các vitamin thân nước.

Nội dung chương

- Đại cương về Vitamin
- Phân loại vitamin
- Các vitamin thân dầu
- Các Vitamin thân nước.

## **IV. ĐIỀU KIỆN THỰC HIỆN MÔN HỌC:**

1. Phòng học chuyên môn: Phòng học
2. Trang thiết bị máy móc: Máy chiếu, laptop, micro,

3. Học liệu, dụng cụ, nguyên vật liệu: Toa thuốc, Video thực tập hướng dẫn sử dụng thuốc tại bệnh viện,...

## **V. PHƯƠNG PHÁP VÀ NỘI DUNG ĐÁNH GIÁ:**

1. Phương pháp đánh giá:

- Kiểm tra giữa kỳ/ lý thuyết: 40%.
- Thi kết thúc môn học/ thực hành: 60%.

2. Nội dung: đánh giá:

- Kiến thức: Sinh viên có khả năng trình bày được các khái niệm cơ bản về sự hấp thu, phân phối, chuyển hóa và thải trừ thuốc trong cơ thể; trình bày được chất điển hình, tác dụng, công dụng, bảo quản của các hóa dược quy định.
- Kỹ năng: sinh viên trình bày được những kiến thức cơ bản về hướng dẫn sử dụng một số nhóm thuốc thông dụng: kháng sinh, kháng viêm, vitamin.
- Năng lực tự chủ và trách nhiệm: hoàn thành các bài tập, thành tạo về kiến thức trong hướng dẫn sử dụng an toàn và hợp lý những nhóm thuốc thông dụng.

## **VI. HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN MÔN HỌC:**

1. Phạm vi áp dụng môn học:

- Chương trình môn học được sử dụng để giảng dạy cho trình độ Trung cấp.

2. Hướng dẫn về phương pháp giảng dạy, học tập môn học:

- Đối với giáo viên, giảng viên:
  - + Chuẩn bị giáo án.
  - + Chuẩn bị đầy đủ bài giảng, giáo trình, tài liệu tham khảo đi kèm.
  - + Vai trò người hướng dẫn, sử dụng các phương pháp giảng dạy tích cực.
  - + Quản lý lớp.
- Đối với người học:
  - + Chuẩn bị bài trước khi đến lớp.
  - + Dự lớp
  - + Tham gia thảo luận
  - + Làm bài tập
  - + Kiểm tra giữa kỳ
  - + Thi kết thúc môn học

3. Tài liệu tham khảo:

- Giáo trình Hoá dược - Dược lý học của trường Trung học Dược - Bộ Y tế
- Dược lý học, Trường đại học Dược Hà Nội, NXB Y học, 2013.
- Dược Điển Việt Nam IV - Bộ Y tế, NXB Y học, 2010.
- Dược thư quốc gia Việt Nam - Bộ Y tế, NXB Y học, 2012.

**CHƯƠNG TRÌNH MÔN HỌC**  
**NGHỆ THUẬT GIAO TIẾP VÀ TRÌNH BÀY**

**Tên môn học:** Nghệ thuật giao tiếp và trình bày

**Mã môn học:** MHN 10

**Số tín chỉ:** 2 TC (1 LT, 1 TH)

**Thời gian thực hiện môn học:** 45 giờ; (Lý thuyết: 15 giờ; Thực hành, thí nghiệm, thảo luận, bài tập: 28 giờ; Kiểm tra: 2 giờ)

**I. VỊ TRÍ, TÍNH CHẤT CỦA MÔN HỌC:**

- Vị trí: được phân bổ sau khi học các môn đại cương.
- Tính chất: là môn học ngành, môn học bắt buộc.

**II. MỤC TIÊU MÔN HỌC:**

- Mục tiêu: Sau khóa học sinh viên cải thiện được tình trạng giao tiếp của mình và biết cách áp dụng phương pháp giao tiếp và trình bày hiệu quả vào trong việc học cũng như trong cuộc sống hàng ngày.
- Sau khi hoàn tất môn học, sinh viên có thể nắm được:

**III. NỘI DUNG MÔN HỌC:**

1. Nội dung tổng quát và phân bổ thời gian:

TT	Tên chương, mục	Thời gian (giờ)			
		Tổng số	Lý thuyết	Thực hành, thí nghiệm, thảo luận, bài tập	Kiểm tra
1	Bài 1: Những vấn đề chung về giao tiếp và truyền thông	2	2		
2	Bài 2: Cấu trúc giao tiếp	5	1	4	
3	Bài 3: Khám phá bản thân	6	2	4	
4	Bài 4: Các phương tiện giao tiếp và trình bày	6	2	4	
5	Bài 5: Phong cách giao tiếp	6	2	4	
6	Bài 6: Các kỹ năng giao tiếp cơ bản	7	2	4	1
7	Bài 7: Giao tiếp cá nhân và giao tiếp đại chúng	6	2	4	
8	Bài 8: Văn hóa giao tiếp của các nhóm xã hội	7	2	4	1
	<b>Cộng</b>	<b>45</b>	<b>15</b>	<b>28</b>	<b>2</b>

2. Nội dung chi tiết:

Bài 1: Những vấn đề chung về giao tiếp và truyền thông

*Thời gian: 02 giờ*

Mục tiêu: Giúp sinh viên hiểu rõ một số khái niệm cơ bản về giao tiếp, truyền thông, chức năng và phân loại giao tiếp, truyền thông.

Nội dung bài:

- Khái niệm giao tiếp và truyền thông
- Chức năng của giao tiếp
- Phân loại giao tiếp

## **Bài 2: Cấu trúc giao tiếp**

*Thời gian: 05 giờ*

Mục tiêu: Giúp sinh viên hiểu được bản chất, đặc điểm của quá trình truyền thông, nhận thức và ảnh hưởng qua lại của việc giao tiếp

Nội dung bài:

- Truyền thông trong giao tiếp
- Nhận thức trong giao tiếp
- Ảnh hưởng tác động qua lại trong giao tiếp

## **Bài 3: Khám phá bản thân**

*Thời gian: 06 giờ*

Mục tiêu: Qua phần này, sinh viên có thể tự liên hệ bản thân, khám phá về mình, hiểu được nguồn gốc hành vi của mình để có thể tự điều chỉnh hành vi.

Nội dung bài:

- Khi niệm bản thân : Bài tập khám phá bản thân
  - o Các hình thức của khái niệm bản thân
  - o Các khuynh hướng của khái niệm bản thân
  - o Sự chuyển biến của khái niệm bản thân
- Trắc nghiệm DICS
- Cơ chế phòng vệ : Tình huống phòng vệ
  - o Phản ứng hung tính
  - o Phản ứng rút lui
  - o Phản ứng thay thế

## **Bài 4: Các phương tiện giao tiếp và trình bày**

*Thời gian: 06 giờ*

Mục tiêu: Qua phần này sinh viên biết cách sử dụng các phương tiện giao tiếp hiệu quả hơn, đặc biệt là biết chú trọng tới phương tiện giao tiếp phi ngôn ngữ.

Nội dung bài:

- Ngôn ngữ
- Phi ngôn ngữ

## **Bài 5: Phong cách giao tiếp**

*Thời gian: 06 giờ*

Mục tiêu: Qua phần học này sinh viên hiểu được điểm mạnh điểm yếu của các loại phong cách giao tiếp, qua đó biết chọn cho mình một phong cách giao tiếp phù hợp với khả năng của mình cũng như phù hợp với văn hóa, chuẩn mực xã hội.

Nội dung bài:

- Khái niệm phong cách giao tiếp
- Các loại phong cách giao tiếp

### **Bài 6: Các kỹ năng giao tiếp cơ bản**

*Thời gian: 07 giờ*

Mục tiêu: Biết sử dụng các kỹ năng lắng nghe, đặt câu hỏi, nói, đọc, thương lượng hiệu quả hơn khi giao tiếp.

Nội dung bài:

- Kỹ năng lắng nghe
- Kỹ năng đặt câu hỏi
- Kỹ năng thuyết trình
- Kỹ năng đọc/viết
- Kỹ năng thương lượng

### **Bài 7: Giao tiếp cá nhân và giao tiếp đại chúng**

*Thời gian: 06 giờ*

Mục tiêu: Giúp sinh viên phân biệt được cách thức giao tiếp giữa cá nhân với cá nhân, cá nhân với nhóm, nhóm với nhóm và cách thức giao tiếp thông qua các phương tiện truyền thông.

Nội dung bài:

- Giao tiếp liên cá nhân
- Giao tiếp giữa cá nhân với nhóm
- Giao tiếp giữa nhóm với nhóm
- Giao tiếp qua các phương tiện truyền thông
- Ảnh hưởng của phương tiện truyền thông đến hành vi các mối quan hệ cá nhân, nhóm xã hội.

### **Bài 8: Văn hóa giao tiếp của các nhóm xã hội**

*Thời gian: 07 giờ*

Mục tiêu: Giúp sinh viên hiểu được đặc tính văn hóa vùng miền, khu vực, nhóm đối tượng để từ đó có cách nhìn nhận, ứng xử tốt trong quá trình giao tiếp với họ.

Nội dung chương

- Văn hóa giao tiếp của người Việt Nam
- Văn hóa giao tiếp của người nước ngoài
- So sánh văn hóa phong cách giao tiếp phương Đông & phương Tây
- Văn hóa giao tiếp của nhóm nông dân
- Văn hóa giao tiếp của nhóm công nhân
- Văn hóa giao tiếp của nhóm trí thức
- Ảnh hưởng của ngôn ngữ phong tục, tập quán trong giao tiếp

## **IV. ĐIỀU KIỆN THỰC HIỆN MÔN HỌC:**

1. Phòng học chuyên môn: Phòng học
2. Trang thiết bị máy móc: Máy chiếu, laptop, micro,
3. Học liệu, dụng cụ, nguyên vật liệu: Video thực tập hướng dẫn cách trình bày trước công chúng..

## **V. PHƯƠNG PHÁP VÀ NỘI DUNG ĐÁNH GIÁ:**

1. Phương pháp đánh giá:

- Kiểm tra giữa kỳ/ lý thuyết: 40%.
- Thi kết thúc môn học/ thực hành: 60%.

## 2. Nội dung: đánh giá:

- Kiến thức: Trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản nhất về giao tiếp và ứng xử theo truyền thống dân tộc và theo thông lệ quốc tế, phù hợp với sự phát triển kinh tế-xã hội trong giai đoạn hiện nay.
- Kỹ năng: Sinh viên có được một số kỹ năng giao tiếp cơ bản nhất như: nói, viết, nghe, thuyết phục, điều khiển quá trình giao tiếp, kỹ năng giao tiếp với cá nhân, với nhóm, kỹ năng giao tiếp qua phương tiện truyền thông, ngoại giao, giao tiếp với công chúng, kỹ năng phân tích đánh giá tình huống, sử dụng các phương tiện giao tiếp.
- Năng lực tự chủ và trách nhiệm:
  - + Biết tự đánh giá được điểm mạnh, hạn chế trong giao tiếp của bản thân và đề ra những biện pháp để hoàn thiện.
  - + Có thái độ tích cực đổi mới trong giao tiếp để đạt hiệu quả tốt hơn.

## VI. HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN MÔN HỌC:

### 1. Phạm vi áp dụng môn học:

- Chương trình môn học được sử dụng để giảng dạy cho trình độ Trung cấp.

### 2. Hướng dẫn về phương pháp giảng dạy, học tập môn học:

- Đối với giáo viên, giảng viên:
  - + Chuẩn bị giáo án.
  - + Chuẩn bị đầy đủ bài giảng, giáo trình, tài liệu tham khảo đi kèm.
  - + Vai trò người hướng dẫn, sử dụng các phương pháp giảng dạy tích cực.
  - + Quản lý lớp.
- Đối với người học:
  - + Chuẩn bị bài trước khi đến lớp.
  - + Dự lớp
  - + Tham gia thảo luận
  - + Làm bài tập
  - + Kiểm tra giữa kỳ
  - + Thi kết thúc môn học

### 3. Những trọng tâm cần chú ý:

### 4. Tài liệu tham khảo:

- Ampikaipakan & Asnidadaim: Cách ứng xử và xã giao nơi làm việc (Nguyễn Kim Dân biên dịch)
- Nguyễn Thị Oanh 1993: Tâm lý truyền thông và giao tiếp. ĐH Mở Bán công Tp. HCM.
- Allan & Barbara Pease 200: Cuốn sách hoàn hảo về ngôn ngữ cơ thể. NXB Tổng hợp Thành phố Hồ Chí Minh.

- Bích Lĩnh 2007: 100 cách giao tiếp cần học hỏi trong cuộc sống hàng ngày, NXB Thanh Niên. Thành phố Hồ Chí Minh.
- Phong Thiên 2007: Nghệ thuật giao tiếp trong cuộc sống hàng ngày. NXB Thanh Hóa. Thanh Hóa.
- Nguyễn Văn Lê 1992: Bài giảng tâm lý học. Vấn đề giao tiếp. NXB Giáo dục.
- Nguyễn Văn Lê 1996: Giao tiếp bằng ngôn ngữ. NXB. Trẻ. Tp.HCM.
- Nguyễn Văn Lê 1996: Giao tiếp phi ngôn ngữ. NXB. Trẻ. Tp.HCM.
- Minh Sơn 1999: Nghệ thuật ứng xử giữa nam và nữ. NXB. Phụ nữ
- Phan Kế Bính: Việt Nam phong tục. NXB Tp.HCM, 1990
- Chu Văn Đức: Kỹ năng giao tiếp. NXB Hà Nội, 2005
- Trần Ngọc Thêm (1997), Tìm hiểu về bản sắc văn hóa Việt Nam, NXB Tp.HCM.

**CHƯƠNG TRÌNH MÔN HỌC**  
**THIẾT KẾ TẠO MẪU CĂN BẢN**

**Tên Môn Học:** Thiết kế tạo mẫu căn bản

**Mã môn học:** MHN 11

**Số tín chỉ:** 2 TC (1 LT, 1 TH)

**Thời gian thực hiện:** 45 giờ; (Lý thuyết: 15 giờ; Thực hành, thí nghiệm, thảo luận, bài tập: 26 giờ; Kiểm tra: 4 giờ)

**I. VỊ TRÍ, TÍNH CHẤT CỦA MÔN HỌC:**

- Vị trí: vẽ ngoài trời môn hình họa trong phần học cần thiết + trang trí,..và học tại phòng máy (psd,AI). Môn học được bố trí sau môn học MHN 07.
- Tính chất: Là môn học chuyên môn nghề bắt buộc.

**II. MỤC TIÊU MÔN HỌC:**

- Kiến thức: Mỹ Thuật cơ bản,PSD,AI,.
- Kỹ năng: Sử dụng tốt PSD,Ai, Vẽ tay (hình họa+trang trí)
- Năng lực tự chủ và trách nhiệm: theo năng lực của từng học viên,

**III. NỘI DUNG MÔN HỌC:**

1. Nội dung tổng quát và phân bổ thời gian:

Số TT	Tên các bài trong môn học	Thời gian (giờ)			
		Tổng số	Lý thuyết	Thực hành	Kiểm tra*
1	Bài mở đầu: Mỹ Thuật Cơ Bản	4	4		
2	Bài 1: Vẽ mẫu thạch cao các hình khối CB	13	4	8	1
3	Bài 2: Vẽ trang trí: Màu sắc CB+ vẽ mẫu thực+cách điệu	13	4	8	1
4	Bài 3: PSD + AI + Printing + Rập vẽ	15	3	10	2
	<b>Cộng</b>	<b>45</b>	<b>15</b>	<b>26</b>	<b>4</b>

2. Nội dung chi tiết

**Bài mở đầu: Mỹ Thuật Cơ Bản**

*Thời gian: 4 giờ*

**Bài 1: Vẽ mẫu thạch cao các hình khối CB**

*Thời gian: 13 giờ*

1. Mục tiêu của bài: Xác định hình khối cơ bản, sản tối, sắc độ,...bằng chì (2b, 4b)

2. Nội dung bài: Vẽ khối thạch cao (khối vuông, trụ tròn, chóp,..)

2.1. Tên tiêu đề: Hình Họa Khối Cơ Bản

2.1.1. Tên tiêu đề: Dụng hình, sáng tối,..

**Bài 2: Vẽ trang trí: Màu sắc CB+ vẽ mẫu thực+cách điệu**

*Thời gian: 13 giờ*

1. Mục tiêu của bài: Màu sắc, cơ bản về màu sắc,

2. Nội dung bài: Vòng thuần sắc, cách pha màu, phối màu,..

2.1. Tên tiêu đề: Thực hành vẽ vòng thuần sắc (màu bột)



2.1.1. Tên tiêu đề: cách pha màu và sử dụng màu ,.. Một số bài tập về trang trí màu sắc

**Bài 3: PSD + AI + Printing + Rập vẽ**

*Thời gian: 15 giờ*

1. Mục tiêu của bài: Giới thiệu psd và AI

2. Nội dung bài: Giao diện và các công cụ cơ bản psd và Ai,.

2.1. Tên tiêu đề: Giao diện+công cụ psd, AI+ứng dụng các bài tập liên quan,..

2.1.1. Tên tiêu đề: Thực hành bài tập liên quan đến hình xăm và thêu,..

**IV. ĐIỀU KIỆN THỰC HIỆN MÔN HỌC:**

1. Phòng học: phòng máy lạnh và được cài đặt các chương trình ứng dụng đồ họa,.

2. Trang thiết bị máy móc: bàn vẽ (nếu có) + PSD, AI + plugins thường dùng trong thiết kế,..

3. Học liệu, dụng cụ, nguyên vật liệu: Giá vẽ, que đo, dây dọi, gôm viết chì 2b, 4b,..giấy vẽ,..

4. Các điều kiện khác: màu bột pha sẵn,..nước ,..keo,.

**V. PHƯƠNG PHÁP VÀ NỘI DUNG ĐÁNH GIÁ:**

1. Nội dung:

- Kiến thức: nắm được những kiến thức cơ bản về hình khối, bố cục màu sắc,..
- Kỹ năng: sketch, vẽ máy ứng dụng cho việc làm dập hình xăm hoặc vẽ trực tiếp trên giấy
- Năng lực tự chủ và trách nhiệm: làm việc theo năng lực của học viên,..

2. Phương pháp:

- Hướng dẫn trực tiếp trên máy, và bài vẽ, đánh giá đúng năng lực học viên,
- Vừa hướng dẫn lý thuyết+thực hành,.

**VI. HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN MÔN HỌC**

1. Phạm vi áp dụng: tùy theo điều kiện và hoàn cảnh có thể áp dụng phù hợp,.

2. Hướng dẫn về phương pháp giảng dạy, học tập:

- Đối với giáo viên, giảng viên: chuẩn bị nội dung bài giảng+thực hành, ứng dụng thực tế,.
- Đối với người học: tham gia học và làm bài đầy đủ, không vắng quá 3 buổi, thực hiện nghiêm túc các buổi thực hành,.

3. Những trọng tâm cần chú ý:

- Dụng cụ học tập và thực hành phòng máy+ setup đầy đủ các chương trình ứng dụng, máy đủ mạnh để đáp ứng chương trình, đảm bảo đường truyền khi dạy online

4. Tài liệu tham khảo:

- Tạp chí Mỹ Thuật, Digital Painting, được phát hành ở các nhà sách,..

## CHƯƠNG TRÌNH MÔN HỌC QUẢN TRỊ CƠ SỞ LÀM ĐẸP

**Tên môn học:** Quản trị cơ sở làm đẹp

**Mã môn học:** MHN 12

**Số tín chỉ:** 2 TC (1 LT, 1 TH)

**Thời gian thực hiện môn học:** 45 giờ; (Lý thuyết: 13 giờ; Thực hành, thí nghiệm, thảo luận, bài tập: 30 giờ; Kiểm tra: 2 giờ)

### I. VỊ TRÍ, TÍNH CHẤT CỦA MÔN HỌC:

- Vị trí: Là môn học được tổ chức giảng dạy sau các môn học chung và song song với các môn học cơ sở;
- Tính chất: Là môn học cơ sở bắt buộc.

### II. MỤC TIÊU MÔN HỌC:

- Cung cấp cho học viên cái nhìn tổng quát của ngành công nghiệp làm đẹp trong và ngoài nước, bao gồm cả mô hình kinh doanh hiệu quả, sở thích của khách hàng, và nhận diện thiết kế đặc trưng.
- Có khả năng hiểu rõ các quy định pháp luật gồm các pháp lệnh về kinh doanh; lao động; phòng cháy chữa cháy; an toàn lao động; và vệ sinh y tế....
- Phương pháp xây dựng quy trình dịch vụ và làm thế nào để kiểm soát các quy trình một cách khoa học; cách thức ứng dụng kỹ năng mềm trong quản lý nhân sự nhằm giúp cơ sở Cơ sở làm đẹp giữ nhân tài.
- Các kiến thức chuyên sâu về phương pháp lập các bảng tính chi phí; thu nhập; nhập xuất tồn; giá vốn; bảng lương; trích nộp thuế các loại....Có khả năng lập bảng phân tích báo cáo lỗ lãi hàng tháng để hỗ trợ cho việc ra quyết định đầu tư ngắn hạn và dài hạn.
- Tìm hiểu làm thế nào để xác định khách hàng, xây dựng kế hoạch tiếp thị và quảng cáo, phát triển thương hiệu bền vững. Các kỹ thuật và phương pháp tiếp thị bao gồm quảng cáo truyền thống; trực tuyến; tổ chức sự kiện; xây dựng chương trình khuyến mãi; quảng cáo in ấn...

### III. NỘI DUNG MÔN HỌC:

1. Nội dung tổng quát và phân phối thời gian:

Số TT	Tên các bài trong môn học	Thời gian (giờ)			
		Tổng số	Lý thuyết	Thực hành	Kiểm tra*
1	Chương 1: Tổng quan Cơ sở làm đẹp	3	3		
2	Chương 2: Pháp luật Việt Nam trong kinh doanh Cơ sở làm đẹp	2	2		
3	Chương 3: Marketing & PR	6	2	4	

4	Chương 4: Kỹ năng tư vấn và chăm sóc khách hàng	10	2	8	
5	Chương 5: Quản lý nhân sự cơ sở làm đẹp	11	2	8	1
6	Chương 6: Kế toán Cơ sở làm đẹp	13	2	10	1
	<b>Cộng</b>	<b>45</b>	<b>13</b>	<b>30</b>	<b>2</b>

\* Ghi chú: Thời gian kiểm tra lý thuyết được tích hợp giữa lý thuyết với thực hành được tính bằng giờ thực hành.

## 2. Nội dung chi tiết:

### **Chương 1: Tổng quan Cơ sở làm đẹp**

*Thời gian: 3 giờ*

- Kiến thức tổng quan về nghề Cơ sở làm đẹp trên thế giới và tại Việt Nam
- Các mô hình Cơ sở làm đẹp và đặc điểm từng mô hình
- Tiêu chuẩn của một Cơ sở làm đẹp chuyên nghiệp và dịch vụ chuyên nghiệp
- Phân tích điểm mạnh, yếu và rào cản mà đa số các Cơ sở làm đẹp tại Việt Nam thường gặp phải
- Vai trò, nhiệm vụ và kiến thức cần có của Quản lý Cơ sở làm đẹp

### **Chương 2: Pháp luật Việt Nam trong kinh doanh Cơ sở làm đẹp**

*Thời gian: 2 giờ*

- Kinh doanh Cơ sở làm đẹp là gì và kinh doanh dưới hình thức nào?
- Điều kiện trong kinh doanh cơ sở làm đẹp theo quy định pháp luật.
- Thuế trong kinh doanh: thuế (VAT, thuế TNDN, thuế môn bài...) và các thủ tục về thuế liên quan
- Pháp luật lao động trong hoạt động quản lý nhân sự gồm: quy định về thời giờ làm việc và nghỉ ngơi; tiền lương; chế độ đối với người lao động; Bảo hiểm xã hội; kỷ luật lao động; thủ tục, trình tự giải quyết tranh chấp lao động; thử việc, lao động chính thức; quy chế hoạt động và nội quy lao động.

### **Chương 3: Marketing & PR**

*Thời gian: 6 giờ*

- Kiến thức tổng quan về vai trò và nhiệm vụ của Marketing.
- Marketing 7P trong ngành dịch vụ (chiến lược tiếp cận khách hàng và cung cấp dịch vụ thông qua các yếu tố về sản phẩm, giá bán, quảng bá truyền thông, kênh phân phối, quy trình cung ứng dịch vụ, môi trường phục vụ và đội ngũ nhân sự).
- “Customer Insight” hướng dẫn kỹ năng thấu hiểu nhu cầu khách hàng một cách toàn diện thông qua việc phân tích thông số kỹ thuật, số liệu truyền thông, hành vi khách hàng và tiên liệu về sở thích của khách hàng.
- Hướng dẫn thao tác các công cụ Marketing nhằm mục đích khuyến khích trưng, xây dựng hình ảnh thương hiệu và tạo hiệu quả trực tiếp trong việc phát triển thị trường phân phối, thúc đẩy bán lẻ (các hình thức quảng cáo thông qua báo, đài, sự kiện, email, điện thoại, mạng xã hội, google adwords, SEO, các ứng dụng chat ...).
- Phân tích và đo lường hiệu quả marketing.

- Thiết kế chương trình khuyến mãi hiệu quả trong kinh doanh Cơ sở làm đẹp làm đòn bẩy thúc đẩy doanh số.

- Nhận diện thương hiệu.

#### **Chương 4: Kỹ năng tư vấn và chăm sóc khách hàng**

*Thời gian: 10 giờ*

- Tác phong chuyên nghiệp của đội tư vấn viên và chăm sóc khách hàng.
- Kỹ năng giao tiếp
- Kỹ năng thấu hiểu tâm lý khách hàng.
- Kỹ năng xử lý từ chối của khách hàng và chốt sale.
- Quy trình 7 bước bán hàng thành công.
- Thiết kế các biểu mẫu khảo sát nhu cầu, ý kiến, đánh giá mức độ hài lòng của khách hàng.

#### **Chương 5: Quản lý nhân sự CƠ SỞ LÀM ĐẸP**

*Thời gian: 11 giờ*

- Xây dựng cơ cấu nguồn nhân lực.
- Lập kế hoạch nhân sự và tuyển dụng.
- Xây dựng các quy trình làm việc (quy trình quản lý và dịch vụ thẩm mỹ) chuẩn nhằm nâng cao hiệu quả quản lý và giảm tối đa rủi ro nhân sự khi có sự biến động về con người.
- Xây dựng nội quy lao động và chính sách thưởng, thăng tiến, chế tài hợp lý.
- Quản lý nhân sự về chấm công, điều động ca, phân bổ công việc.
- Xây dựng hệ thống quy trình đánh giá nhân sự và đào tạo.
- Hướng dẫn những công cụ quản lý và giám sát nhân sự hiệu quả.
- Kỹ năng mềm trong quản lý nhân sự và lưu giữ nhân tài.

#### **Chương 6: Kế toán Cơ sở làm đẹp**

*Thời gian: 13 giờ*

- Tìm hiểu về chứng từ hoá đơn và luật kế toán.
- Phương pháp lập sổ sách kế toán.
- Phương pháp sử dụng các công cụ tạo bảng tính và lập công thức tính toán.
- Kiến thức chuyên môn về quản lý thu chi, phân tích doanh số, nhập xuất tồn, theo dõi công nợ, trích khấu hao, phân bổ chi phí, tính giá bán sản phẩm dịch vụ, tính lương, bảo hiểm và thuế.
- Lập báo cáo lãi lỗ về hoạt động kinh doanh

### **IV. ĐIỀU KIỆN THỰC HIỆN MÔN HỌC:**

#### 1. Lớp học

- Phòng học thực hành;
- Phòng học lý thuyết.

#### 2. Trang thiết bị dạy học

- Máy chiếu projector;
- Máy vi tính;
- Âm li, loa;
- Micro.

#### 3. Học liệu

- Giáo trình Quản lý cơ sở làm đẹp;
- Đề cương bài giảng, giáo án;
- Tài liệu phát tay, băng đĩa video và các tài liệu liên quan khác;
- Câu hỏi, bài tập thực hành.

## **V. PHƯƠNG PHÁP VÀ NỘI DUNG ĐÁNH GIÁ:**

### 1. Phương pháp đánh giá:

- Đánh giá trong quá trình học: Kiểm tra theo hình thức: Bài tập thảo luận nhóm, bài kiểm tra viết (Tự luận và trắc nghiệm).
- Đánh giá cuối môn học: Bài thi theo hình thức: Bài tập thực hành và bài thi Viết (Tự luận, Trắc nghiệm).

### 2. Nội dung: đánh giá:

- Tìm hiểu về các loại hình Cơ sở làm đẹp, bên cạnh đó điều quan trọng hơn hết là hiểu rõ đặc tính hoạt động và dịch vụ mà từng loại hình Cơ sở làm đẹp cung cấp.
- Các quy định của nhà nước về pháp lý vận hành Cơ sở làm đẹp.
- Tuyển dụng và đào tạo đội ngũ nhân viên Cơ sở làm đẹp thạo nghề chuyên. Duy trì chất lượng dịch vụ để đảm bảo sự hài lòng của khách hàng mà không phụ thuộc vào sự biến động trong đội ngũ nhân sự Cơ sở làm đẹp
- Giảm thiểu chi phí và tối đa hóa lợi nhuận mà không làm sụt giảm chất lượng dịch vụ.
- Marketing và xây dựng thương hiệu: tiếp thị hiệu quả là một yếu tố không thể thiếu trong việc tiếp cận khách hàng và xây dựng thương hiệu.

## **VI. HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN MÔN HỌC:**

### 1. Phạm vi áp dụng môn học:

- Chương trình môn học được sử dụng để giảng dạy cho trình độ Trung cấp.

### 2. Hướng dẫn một số điểm chính về phương pháp giảng dạy môn học:

- Giáo viên trình bày lý thuyết trên lớp những phần căn bản và trọng tâm.
- Giáo viên hướng dẫn sinh viên thực hành nghiệp vụ trên lớp trên nền tảng lý thuyết đã học.
- Giáo viên gợi mở và hướng dẫn những nội dung mở rộng cần nghiên cứu, sinh viên tự đọc tài liệu và làm bài tập để tìm hiểu thêm và củng cố kiến thức đáp ứng yêu cầu kiểm tra của giáo viên.

### 3. Những trọng tâm môn học cần chú ý:

- Chương 3, 4, 5, 6.

### 4. Tài liệu cần tham khảo:

- Edward Tezak, Terry Folawn, *Successful Salon and Cơ sở làm đẹp Management 6th Edition*, Kindle Edition, 2012
- Janet D'Angelo, *Cơ sở làm đẹp Business Strategies: A Plan for Success 2nd Edition*, Erin O'Connor, 2010



## CHƯƠNG TRÌNH MÔN HỌC

### TẠO LẬP CƠ SỞ CHĂM SÓC SẮC ĐẸP

**Tên môn học:** Tạo lập cơ sở chăm sóc sắc đẹp

**Mã số của môn học:** MHN 13

**Số tín chỉ:** 2 TC (1 LT, 1 TH)

**Thời gian của môn học:** 45 giờ; (Lý thuyết: 14 giờ; Thực hành, thí nghiệm, thảo luận, bài tập: 29 giờ; Kiểm tra: 2 giờ)

#### I. VỊ TRÍ, TÍNH CHẤT CỦA MÔN HỌC:

- Vị trí: Môn học Tạo lập Cơ sở Chăm sóc sắc đẹp được bố trí sau các môn học chung về đại cương. Môn học được bố trí sau môn học MH 12.
- Tính chất: Là môn cơ sở chuyên ngành: thuộc môn học đào tạo bắt buộc.

#### II. MỤC TIÊU MÔN HỌC:

- Mô tả được những vấn đề quản lý về kinh doanh cơ sở làm đẹp
- Xác định được đối tượng cần tư vấn và chăm sóc sắc đẹp
- Xác định được các yếu tố cần thiết để thực hiện truyền thông và marketing trong dịch vụ chăm sóc sắc đẹp
- Ứng dụng các hiểu biết của môn học vào các môn chuyên ngành chăm sóc sắc đẹp.

#### III. NỘI DUNG MÔN HỌC:

1. Nội dung tổng quát và phân bổ thời gian

Số TT	Tên các bài trong môn học	Thời gian (giờ)			
		Tổng số	Lý thuyết	Thực hành	Kiểm tra*
1	Kiến thức tổng quát về Spa	2	2		
2	Dự kiến nhân sự, quản lý nhân sự trong Spa	9	3	6	
3	Dự kiến phòng, phân loại phòng	7	2	5	
4	Tiếp khách tại lễ tân, tư vấn, lập bảng tư vấn	9	3	6	
5	Lập menu cho Spa	8	2	6	
6	Dịch vụ hậu mãi, lên kế hoạch cho dịch vụ hậu mãi	8	2	6	
7	Kiểm tra	2			2
	<b>Cộng</b>	<b>45</b>	<b>14</b>	<b>29</b>	<b>2</b>

2. Chương trình chi tiết

**Bài 1: Kiến thức tổng quát về Spa**

*Thời gian: 2 giờ*

1. Spa là gì?
2. Nguồn gốc Spa
3. Spa Châu Á và Spa Châu Âu

**Bài 2: Dự kiến nhân sự và quản lý nhân sự trong Spa**

*Thời gian: 9 giờ*

1. Nhân sự cho quản lý, thu ngân, lễ tân, phục vụ phòng, kỹ thuật viên.
2. Cách phân công sắp xếp nhân sự theo giờ hành chính.
3. Cách phân công sắp xếp nhân sự theo ca, lập sổ bàn giao.
4. Cách phân công nhân sự theo khu vực

**Bài 3: Dự kiến phòng, phân loại phòng trong Spa**

*Thời gian: 7 giờ*

1. Phòng tiếp khách
2. Phòng thay đồ
3. Phòng trà thư giãn
4. Phòng Spa
5. Các loại phòng khác
6. Phân loại phòng cho diện tích 100m<sup>2</sup>, 200m<sup>2</sup>, 300m<sup>2</sup> và lớn hơn 300m<sup>2</sup>

**Bài 4: Tiếp khách tại lễ tân, tư vấn, lập bảng tư vấn**

*Thời gian: 9 giờ*

1. Tiếp khách tại lễ tân
2. Tư vấn – Lập bảng tư vấn, ghi nhận thông tin khách hàng
3. Chào đón khách, bố trí phòng
4. Cách nhận tin nhắn, điện thoại, ghi nhận cuộc hẹn
5. Chăm sóc khách hàng sau Spa – Cách đặt cuộc hẹn cho lần tới

**Bài 5: Lập menu cho Spa**

*Thời gian: 8 giờ*

1. Lập theo từng liệu trình riêng lẻ
2. Lập theo một gói dịch vụ nhỏ, lớn
3. Lập theo chương trình khuyến mãi

**Bài 6: Dịch vụ hậu mãi, lên kế hoạch cho dịch vụ hậu mãi**

*Thời gian: 8 giờ*

1. Chăm sóc khách sau Spa tại Spa
2. Chăm sóc khách hàng tại nhà
3. Cách thông báo cho khách hàng chương trình khuyến mãi

Kiểm tra:

*Thời gian: 2 giờ*

**IV. ĐIỀU KIỆN THỰC HIỆN MÔN HỌC:**

1. Lớp học
  - Phòng học thực hành;
  - Phòng học lý thuyết.
2. Trang thiết bị dạy học
  - Máy chiếu projector;
  - Máy vi tính;
  - Âm li, loa;
  - Micro.
3. Học liệu



- Giáo trình Tạo lập cơ sở chăm sóc sắc đẹp;
- Đề cương bài giảng, giáo án;
- Tài liệu phát tay, băng đĩa video và các tài liệu liên quan khác;
- Câu hỏi, bài tập thực hành.

## **V. PHƯƠNG PHÁP VÀ NỘI DUNG ĐÁNH GIÁ:**

### 1. Phương pháp đánh giá:

- Vấn đáp, trắc nghiệm, viết: Nêu các câu hỏi trọng tâm trong mỗi bài nhằm kiểm tra mức độ tiếp thu bài học của sinh viên.

### 2. Nội dung đánh giá:

- Kiến thức:
  - + Kiến thức cơ bản về kinh doanh cơ sở chăm sóc sắc đẹp
  - + Kiến thức cơ bản về chức năng, hoạt động của một cơ sở làm đẹp
  - + Ứng dụng các hiểu biết của môn học vào thực hiện kỹ năng nghề nghiệp kinh doanh dịch vụ chăm sóc sắc đẹp.
- Kỹ năng: Ứng dụng các hiểu biết của môn học vào các môn học chuyên ngành về chăm sóc sắc đẹp
- Thái độ: Có ý thức tự giác, trách nhiệm trong học tập, có tinh thần hợp tác, giúp đỡ lẫn nhau; tham gia đầy đủ thời lượng lý thuyết và thực hành môn học nghiệp vụ Quản trị kinh doanh chăm sóc sắc đẹp.

## **VI. HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN MÔN HỌC:**

### 1. Phạm vi áp dụng môn học:

- Chương trình môn học được sử dụng để giảng dạy cho trình độ Trung cấp.

### 2. Hướng dẫn một số điểm chính về phương pháp giảng dạy môn học:

- Để giúp sinh viên nắm những kiến thức cơ sở cần thiết, sau mỗi bài cần giao các câu hỏi, bài tập tự làm ngoài giờ. Các câu hỏi chỉ ở mức độ đơn giản, trung bình phù hợp với phần lý thuyết đã học:
- Thực hành trên các mô hình sinh viên có kỹ năng thực hành và bổ sung phần kiến thức lý thuyết đã học, đồng thời trang bị cho sinh viên một phần kiến thức và kỹ năng trước khi học các môn chuyên ngành: Chăm sóc sắc đẹp
- Khi giảng dạy giảng viên có thể sử dụng kết hợp máy vi tính, máy đèn chiếu, áp dụng các loại giáo án điện tử.

### 3. Những trọng tâm chương trình cần chú ý:

- Trọng tâm môn học là các tất cả các bài vì đây là môn trọng tâm để quản lý cơ sở làm đẹp đặc biệt là spa

### 4. Tài liệu cần tham khảo:

- Giáo trình Quản trị kinh doanh chăm sóc sắc đẹp
- Tham khảo một số cơ sở kinh doanh chăm sóc sắc đẹp tại địa bàn TP. Hồ Chí Minh.

**CHƯƠNG TRÌNH MÔN HỌC****KHOA HỌC VỀ DA****Tên môn học: Khoa học về Da****Mã số của môn học: MHN 11****Số tín chỉ: 2 TC (2 LT, 0 TH)****Thời gian của môn học: 30 giờ; (Lý thuyết: 28 giờ; Thực hành: 0 giờ; Kiểm tra: 2 giờ)****I. VỊ TRÍ, TÍNH CHẤT CỦA MÔN HỌC:**

- Vị trí: Môn học hiểu biết về da được bố trí sau các môn học chung về đại cương
- Tính chất: Là môn cơ sở chuyên ngành: thuộc môn học đào tạo bắt buộc.

**II. MỤC TIÊU MÔN HỌC:**

- Mô tả được những đặc điểm cấu trúc cơ bản về da và các thành phần của da
- Xác định được các chi tiết về da mặt, đã học ở phần lý thuyết trên tranh ảnh, trên mô hình, trên người sống.
- Ứng dụng các hiểu biết của môn học vào các môn ứng dụng chăm sóc da để phòng bệnh và điều trị bệnh về da.

**III. NỘI DUNG MÔN HỌC:**

## 1. Nội dung tổng quát và phân bổ thời gian

STT	Tên bài	Thời gian (giờ)			
		TS	LT	TH	KT
1	Lời nói đầu	1	1		
2	Nhận biết cấu trúc da	4	4		
3	Nhận biết cấu tạo da	4	4		
4	Phân loại da	4	4		
5	Soi da và phân tích da	6	5		1
6	Chăm sóc da mặt cơ bản hằng ngày	6	5		1
7	Chăm sóc da mặt bị tổn thương	5	5		
<b>Cộng</b>		<b>30</b>	<b>28</b>		<b>2</b>

## 2. Nội dung chi tiết

Bài mở đầu: **Lời nói đầu***Thời gian: 1 giờ*

- Ảnh hưởng của da đối thẩm mỹ xã hội

Bài 1: **Nhận biết cấu trúc da***Thời gian: 4 giờ**Mục tiêu:*

- Hiểu được cấu trúc của da;
- Nhận biết các đặc điểm, khái niệm da;
- Nhận biết cấu trúc da.

1. Đặc điểm
2. Khái niệm
3. Cấu trúc da

**Bài 2: Nhận biết cấu tạo da**

*Thời gian: 4 giờ*

*Mục tiêu:*

- Hiểu được thành phần nước, tính axit yếu đối với da;
- Nhận biết cấu trúc da.

1. Nước
2. Tính axit yếu
3. Cấu tạo da

**Bài 3: Phân loại da**

*Thời gian: 4 giờ*

*Mục tiêu:*

- Hiểu được các bước xác định da
- Nhận biết các loại da; Xác định được loại da

1. Các bước xác định phân loại da
2. Phân loại da (5 loại da cơ bản: da thường, da dầu, da khô, da hỗn hợp, da nhạy cảm)
3. Các lỗi thường gặp khi chăm sóc da mặt

**Bài 4: Soi da và phân tích da**

*Thời gian: 6 giờ*

*Mục tiêu:*

- Hiểu được công dụng của soi da;
- Nhận dạng và phân tích da thành thạo;
- Thực hiện soi da thành thạo

1. Chuẩn bị trang thiết bị dụng cụ
2. Soi da
3. Phân tích da

**Bài 5: Chăm sóc da mặt cơ bản hằng ngày**

*Thời gian: 6 giờ*

*Mục tiêu:*

- Nhận biết loại da;
- Lựa chọn sản phẩm chăm sóc da mặt phù hợp với từng loại da;
- Thực hiện các thao tác chăm sóc da mặt thành thạo từng loại da;
- Cẩn thận, tỉ mỉ trong quá trình học tập, rèn luyện kỹ năng phân biệt và nhận biết các loại da.

1. Chăm sóc da mặt thường
2. Chăm sóc da mặt dầu
3. Chăm sóc da mặt khô
4. Chăm sóc da mặt hỗn hợp thường
5. Chăm sóc da mặt hỗn hợp khô
6. Chăm sóc da mặt dầu bề mặt khô

## Bài 6: Chăm sóc da mặt bị tổn thương

Thời gian: 5 giờ

### Mục tiêu:

- Hiểu được nguyên nhân da bị tổn thương;
- Thực hiện phương pháp chăm sóc da mặt bị tổn thương thành thạo;

1. Nguyên nhân da bị tổn thương
2. Chăm sóc da mặt bị mụn
3. Chăm sóc da mặt bị nám
4. Chăm sóc da mặt dị ứng
5. Chăm sóc da mặt lão hóa

### IV. ĐIỀU KIỆN THỰC HIỆN MÔN HỌC:

#### 1. Lớp học

- Phòng học thực hành;
- Phòng học lý thuyết.

#### 2. Trang thiết bị dạy học

- Máy chiếu projector;
- Máy vi tính;
- Âm li, loa;
- Micro.

#### 3. Học liệu

- Nguyên vật liệu: bộ sản phẩm chăm sóc da cho mọi loại da, bộ sản phẩm chăm sóc da mặt bị tổn thương
- Dụng cụ và trang thiết bị: máy soi da, tivi, máy chiếu, máy tính,

### V. PHƯƠNG PHÁP VÀ NỘI DUNG ĐÁNH GIÁ:

#### 1. Phương pháp đánh giá:

- Vấn đáp, trắc nghiệm, viết: Nêu các câu hỏi trọng tâm trong mỗi bài nhằm kiểm tra mức độ tiếp thu bài học của sinh viên.

#### 2. Nội dung đánh giá:

- Kiến thức:
  - + Kiến thức cơ bản về vị trí, hình thể, cấu trúc của da và các phần phụ của da trong cơ thể người.
  - + Kiến thức cơ bản về chức năng, hoạt động chức năng của các cơ quan, hệ thống các cơ quan trong mối liên hệ thống nhất giữa các cơ quan với nhau và giữa cơ thể với môi trường.
  - + Ứng dụng các hiểu biết của môn học, sinh lý học vào các môn y học khác để phòng bệnh và điều trị bệnh.
- Kỹ năng: Ứng dụng các hiểu biết của môn học vào các môn y học khác để phòng bệnh và điều trị bệnh về da.

- Thái độ: Có ý thức tự giác, trách nhiệm trong học tập, có tinh thần hợp tác, giúp đỡ lẫn nhau: tham gia đầy đủ thời lượng lý thuyết và thực hành môn học Khoa học về da.

## **VI. HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN MÔN HỌC:**

### 1. Phạm vi áp dụng môn học:

- Chương trình môn học được sử dụng để giảng dạy cho trình độ Trung cấp.

### 2. Hướng dẫn một số điểm chính về phương pháp giảng dạy môn học:

- Để giúp sinh viên nắm những kiến thức cơ sở cần thiết, sau mỗi bài cần giao các câu hỏi, bài tập tự làm ngoài giờ. Các câu hỏi chỉ ở mức độ đơn giản, trung bình phù hợp với phân lý thuyết đã học:
- Thực hành trên các mô hình giải phẫu giúp sinh viên có kỹ năng thực hành và bổ sung phần kiến thức lý thuyết đã học, đồng thời trang bị cho sinh viên một phần kiến thức và kỹ năng trước khi học các môn chuyên ngành: Chăm sóc sắc đẹp
- Khi giảng dạy giảng viên có thể sử dụng kết hợp máy vi tính, máy đèn chiếu, áp dụng các loại giáo án điện tử.

### 3. Những trọng tâm chương trình cần chú ý:

- Phân loại da
- Phân tích da
- Chăm sóc da mặt cơ bản, chăm sóc da mặt bị tổn thương
- Thực hiện thành thạo phương pháp soi da

### 4. Tài liệu cần tham khảo:

- Tài liệu về Da và niêm mạc, do cơ sở thẩm mỹ về Da của bệnh viện Da liễu Trung ương. Xuất bản 2016.
- Giáo trình chăm sóc da mặt Dermalogica;
- Giáo trình toàn khoa Chăm sóc sắc đẹp – Hoa kỳ;
- Giáo trình chăm sóc da mặt Sheeido;
- Giáo trình chăm sóc da mặt Forever The World
- Đông y Nguyễn Hữu Hách;
- Viện nghiên cứu da Á Âu;
- Viện da liễu quốc gia.

## CHƯƠNG TRÌNH MÔN HỌC

### CHĂM SÓC DA CƠ BẢN

**Tên môn học: Chăm sóc da cơ bản**

**Mã số của môn học: MHN 15**

**Số tín chỉ: 2 TC (1 LT, 1 TH)**

**Thời gian của môn học: 45 giờ; (Lý thuyết: 15 giờ; TH: 28 giờ; Kiểm tra: 2 giờ)**

#### I. VỊ TRÍ, TÍNH CHẤT CỦA MÔN HỌC:

- Vị trí: Môn học chăm sóc da được bố trí sau các môn học chung về đại cương. Môn học được bố trí sau môn học MHN 14
- Tính chất: Là môn cơ sở chuyên ngành: thuộc môn học đào tạo bắt buộc.

#### II. MỤC TIÊU MÔN HỌC:

- Mô tả được những đặc điểm cấu trúc cơ bản nhất về da và các phần phụ trên da
- Xác định được các vấn đề phân loại da, các yếu tố tác động lên da, lựa chọn các sản phẩm chăm sóc da phù hợp.
- Ứng dụng các hiểu biết của môn học vào các môn học khác để chăm sóc da một cách cơ bản và tốt nhất.

#### III. NỘI DUNG MÔN HỌC:

##### 1. Nội dung tổng quát và phân phối thời gian

Số TT	Tên các bài trong mô đun	Thời gian			
		Tổng số	Lý thuyết	Thực hành	Kiểm tra *
1	Bài mở đầu	2	2		
2	Giới thiệu trang thiết bị dụng cụ Chuẩn bị trước khi thực hiện chăm sóc da mặt	5	2	3	
3	Chuẩn bị trước khi chăm sóc da mặt	5	2	3	
4	Quấn khăn đầu	4	1	3	
5	Tẩy trang	5	1	3	1
6	Lau bọt biển và làm sạch da mặt và cổ	4	1	3	
7	Xông hơi và hút bã dầu	4	1	3	
8	Tẩy tế bào da mặt và cổ	6	2	3	1
9	Lau khăn	4	1	3	
10	Làm mềm	6	2	4	
	<b>Tổng</b>	<b>45</b>	<b>15</b>	<b>28</b>	<b>2</b>

##### 2. Nội dung chi tiết

###### Bài mở đầu

*Thời gian: 2 giờ*

- Vai trò quan trọng của da
- Ảnh hưởng của da đối với thẩm mỹ

###### Bài 1: Chuẩn bị trang thiết bị dụng cụ

*Thời gian: 5 giờ*

*Mục tiêu:*

- Nắm được trang thiết bị của nghề chăm sóc da mặt;
- Hiểu được công dụng, cách dùng trang thiết bị của nghề chăm sóc da mặt;
- Sử dụng thành thạo trang thiết bị của nghề chăm sóc da mặt;
- Vệ sinh, an toàn thiết bị điện; dụng cụ; đồ nghề chuyên dụng trong ngành chăm sóc da mặt thẩm mỹ

1. Giới thiệu trang thiết bị dụng cụ chăm sóc da mặt
2. Công dụng cách dùng
3. Vệ sinh, an toàn thiết bị điện; dụng cụ; đồ nghề chuyên dụng trong ngành chăm sóc da mặt thẩm mỹ

**Bài 2: Chuẩn bị trước khi thực hiện chăm sóc da mặt**

*Thời gian: 5 giờ*

*Mục tiêu:*

- Khái niệm được nghề chăm sóc da mặt; người thợ làm chăm sóc da mặt giỏi;
- Thực hiện các bước chuẩn bị trước khi thực hiện chăm sóc da mặt

1. Khái niệm về nghề chăm sóc da mặt
2. Khái niệm người thợ làm chăm sóc da mặt giỏi
3. Các bước chuẩn bị trước khi thực hiện chăm sóc da mặt

**Bài 3: Quán khăn đầu**

*Thời gian: 4 giờ*

*Mục tiêu:*

- Chuẩn bị dụng cụ vật liệu cho quá trình quán khăn đầu
- Thực hiện quán khăn đầu theo đúng quy trình kỹ thuật.

1. Chuẩn bị dụng cụ:

STT	Tên dụng cụ	ĐVT	Số lượng	Ghi chú
1	Khăn quấn đầu massage	Chiếc	10	
2	Giường nằm massage gỗ 70x1800m	Chiếc	05	
3	Gối massage 20x40cm	Chiếc	10	
4	Tủ hấp khan RU-23A	Chiếc	01	

2. Quán khăn đầu

3. Kiểm tra

**Bài 4: Tẩy trang**

*Thời gian: 5 giờ*

*Mục tiêu:*

- Chuẩn bị được nguyên liệu, dụng cụ, thiết bị phục vụ quá trình tẩy trang;
- Thực hiện thao tác tẩy trang nhẹ nhàng đúng quy trình kỹ thuật;
- Thành thạo tẩy trang mắt – môi – mặt; lau khăn giấy;
- Đảm bảo an toàn sau khi tẩy trang.

1. Chuẩn bị dụng cụ

STT	Tên dụng cụ	ĐVT	Số lượng	Ghi chú
1	Bông tẩy trang	Bịch	05	
2	Bồn rửa dụng cụ	Chiếc	01	
3	Găng tay vô khuẩn	Hộp	03	

2. Tẩy trang mắt – môi
3. Tẩy trang mặt
4. Lau khăn giấy
5. Kiểm tra tẩy trang da mặt

#### Bài 5: Lau bọt biển và làm sạch da mặt và cổ

Thời gian: 4 giờ

Mục tiêu:

- Chuẩn bị được nguyên liệu, dụng cụ, thiết bị phục vụ quá trình lau bọt biển và làm sạch da mặt và cổ;
- Kiểm tra sản phẩm rửa mặt phù hợp với loại da
- Đảm bảo làn da phải được sạch sẽ sau khi làm sạch da mặt và cổ

##### 1. Chuẩn bị dụng cụ

STT	Tên dụng cụ	ĐVT	Số lượng	Ghi chú
1	Sữa rửa mặt các loại	Chiếc	10	
2	Thau đựng nước rửa mặt nhỏ	Chiếc	10	
3	Găng tay vô khuẩn	Hộp	03	
4	Bồn rửa dụng cụ	Chiếc	01	
5	Miếng bọt biển	Miếng	10	

2. Rửa mặt cho khách
3. Lau bọt biển
4. Kiểm tra

#### Bài 6: Xông hơi và hút bã dầu

Thời gian: 4 giờ

Mục tiêu:

- Thực hiện thao tác xông hơi mặt, hút bã dầu đúng kỹ thuật;
- Đảm bảo an toàn khi sử dụng máy xông hơi.

##### 1. Chuẩn bị dụng cụ

STT	Tên dụng cụ	ĐVT	Số lượng	Ghi chú
1	Tinh dầu	Lọ	03	
2	Máy hút chất nhờn	Chiếc	01	
3	Ghế xoay inox	Chiếc	10	



2. Xông hơi

3. Hút bã dầu

**Bài 7: Tẩy tế bào da mặt và cổ**

*Thời gian: 6 giờ*

*Mục tiêu:*

- Chuẩn bị được nguyên liệu, dụng cụ, thiết bị phục vụ quá trình tẩy tế bào.
- Thực hiện thao tác tẩy tế bào nhẹ nhàng đúng quy định kỹ thuật.
- Đảm bảo làn da mịn màng mềm mại sau khi tẩy tế bào.

1. Chuẩn bị dụng cụ

STT	Tên dụng cụ	ĐVT	Số lượng	Ghi chú
1	Sữa rửa mặt các loại	Chiếc	10	Nhiều loại
2	Máy tẩy tế bào chết	Chiếc	02	
3	Thau đựng nước rửa mặt nhỏ	Chiếc	10	
4	Gel tẩy tế bào chết	Tip	05	Nhiều loại

2. Tẩy tế bào

3. Kiểm tra

**Bài 8: Lau khăn**

*Thời gian: 4 giờ*

*Mục tiêu:*

- Thực hiện lau khăn thành thạo đúng kỹ thuật

1. Chuẩn bị dụng cụ

2. Lau khăn

3. Kiểm tra làn da

**Bài 9: Làm mềm**

*Thời gian: 6 giờ*

*Mục tiêu:*

- Thực hiện làm mềm da thành thạo đúng quy trình kỹ thuật

1. Chuẩn bị dụng cụ

2. Làm mềm

3. Kiểm tra làn da

**IV. ĐIỀU KIỆN THỰC HIỆN MÔN HỌC:**

1. Lớp học

- Phòng học thực hành;
- Phòng học lý thuyết.

2. Trang thiết bị dạy học

- Máy chiếu projector;
- Máy vi tính;

- Âm li, loa;
- Micro.

### 3. Học liệu

- Giáo trình;
- Tẩy trang, nước hoa hồng, sữa rửa mặt, khăn dài, bọt biển, khăn giấy, bông cotton

## V. PHƯƠNG PHÁP VÀ NỘI DUNG ĐÁNH GIÁ:

### 1. Phương pháp đánh giá:

- Vấn đáp, trắc nghiệm, viết: Nêu các câu hỏi trọng tâm trong mỗi bài nhằm kiểm tra mức độ tiếp thu bài học của sinh viên.

### 2. Nội dung đánh giá:

- Kiến thức:
  - + Kiến thức cơ bản về cấu trúc da và các yếu tố ảnh hưởng tới da, đặc biệt là các vùng da tiếp xúc nhiều với môi trường.
  - + Kiến thức cơ bản về chức năng bảo vệ da và phương pháp sử dụng các sản phẩm hỗ trợ da
- Kỹ năng: Ứng dụng các hiểu biết của môn học và chăm sóc da cơ bản
- Thái độ: Có ý thức tự giác, trách nhiệm trong học tập, có tinh thần hợp tác, giúp đỡ lẫn nhau; tham gia đầy đủ thời lượng lý thuyết và thực hành môn học chăm sóc da cơ bản.

## VI. HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN MÔN HỌC:

### 1. Phạm vi áp dụng môn học:

- Chương trình môn học được sử dụng để giảng dạy cho trình độ Trung cấp.

### 2. Hướng dẫn một số điểm chính về phương pháp giảng dạy môn học:

- Để giúp sinh viên nắm những kiến thức cơ sở cần thiết, sau mỗi bài cần giao các câu hỏi, bài tập tự làm ngoài giờ. Các câu hỏi chỉ ở mức độ đơn giản, trung bình phù hợp với phần lý thuyết đã học:
- Thực hành trên các mô hình giải phẫu giúp sinh viên có kỹ năng thực hành và bổ sung phần kiến thức lý thuyết đã học, đồng thời trang bị cho sinh viên một phần kiến thức và kỹ năng trước khi học các môn chuyên ngành: Chăm sóc sắc đẹp
- Khi giảng dạy giảng viên có thể sử dụng kết hợp máy vi tính, máy đèn chiếu, áp dụng các loại giáo án điện tử.

### 3. Những trọng tâm chương trình cần chú ý:

- Trọng tâm môn học là các điểm: tẩy trang, lau bọt biển, tẩy tế bào, lau khăn

### 4. Tài liệu cần tham khảo:

- Giáo trình Chăm sóc da cơ bản của nhà trường biên soạn năm 2017
- Tài liệu: Chăm sóc da cơ bản. Trung tâm thẩm mỹ spa Lisa. Xuất bản năm 2016.
- Giáo trình chăm sóc da mặt Dermalogica;
- Giáo trình toàn khoa Chăm sóc sắc đẹp – Hoa kỳ;

- Giáo trình chăm sóc da mặt Sheeido;
- Giáo trình chăm sóc da mặt Forever The World
- Đông y Nguyễn Hữu Hách;
- Viện nghiên cứu da Á Âu;
- Viện da liễu quốc gia.

## CHƯƠNG TRÌNH MÔN HỌC

### ỨNG DỤNG CHĂM SÓC DA

**Tên môn học:** Ứng dụng chăm sóc da

**Mã số của môn học:** MHN 16

**Số tín chỉ:** 2 TC (1 LT, 1 TH)

**Thời gian của môn học:** 45 giờ; (Lý thuyết: 13 giờ; Thực hành, thí nghiệm, thảo luận, bài tập: 30 giờ; Kiểm tra: 2 giờ)

#### I. VỊ TRÍ, TÍNH CHẤT CỦA MÔN HỌC:

- Vị trí: Môn học ứng dụng chăm sóc da được bố trí sau các môn học chung về đại cương. Môn học được bố trí sau môn học MHN 15.
- Tính chất: Là môn cơ sở chuyên ngành: thuộc môn học đào tạo bắt buộc.

#### II. MỤC TIÊU MÔN HỌC:

- Tìm hiểu về công dụng cách dùng của các loại mặt nạ, hoàn thiện quy trình chăm sóc da mặt
- Tìm hiểu về cách vẽ lông mày, môi và mí mắt
- Hoàn thiện quy trình chăm sóc da mặt
- Rèn luyện tính cẩn thận, ý thức tổ chức kỷ luật, tiết kiệm nguyên vật liệu, thực hiện an toàn vệ sinh

#### III. NỘI DUNG MÔN HỌC:

1. Nội dung tổng quát và phân bố thời gian

Số TT	Tên các bài trong mô đun	Thời gian (giờ)			
		Tổng số	Lý thuyết	Thực hành	Kiểm tra
1	Bài 1: Giới thiệu quy trình hoàn thiện chăm sóc da mặt	2	2		
2	Bài 2: Giới thiệu các loại mặt nạ	2	2		
3	Bài 3: Đắp mặt nạ bột dạng dẻo	6	2	4	
4	Bài 4: Đắp mặt nạ bột dạng cứng	5	1	4	
5	Bài 5: Đắp mặt nạ dạng gel và dạng kem	6	1	4	1
6	Bài 6: Đắp mặt nạ Collagen (dạng lá, miếng, serum, gel )	5	1	4	
7	Bài 7: Đắp mặt nạ parafin	5	1	4	
8	Bài 8: Se khít lỗ chân lông	7	1	5	1
9	Bài 9: Quy trình hoàn thiện chăm sóc da mặt	7	2	5	
	<b>Tổng</b>	<b>45</b>	<b>13</b>	<b>30</b>	<b>2</b>

2. Nội dung chi tiết

**Bài 1: Giới thiệu quy trình hoàn thiện chăm sóc da mặt**

*Thời gian: 2 giờ*

- Dưỡng chất đối với bề mặt da

## **Bài 2: Giới thiệu các loại mặt nạ**

*Thời gian: 2 giờ*

*Mục tiêu:*

- Mô tả các loại mặt nạ các dạng;
- Nhận dạng các loại mặt nạ thành thạo.

1. Chuẩn bị dụng cụ
2. Giới thiệu các loại mặt nạ
3. Nhận dạng mặt nạ

## **Bài 3: Đắp mặt nạ bột dạng dẻo**

*Thời gian: 6 giờ*

*Mục tiêu:*

- Trình bày được quy trình đắp mặt nạ bột dạng dẻo
- Tìm hiểu về công dụng của mặt nạ bột dạng dẻo;
- Thực hiện đắp mặt nạ trên người mẫu.

1. Chuẩn bị dụng cụ
2. Công dụng
3. Các bước thực hiện:
  - 3.1. Làm sạch da
  - 3.2. Làm mềm da
  - 3.3. Pha mặt nạ
  - 3.4. Đắp mặt nạ
  - 3.5. Tháo mặt nạ
  - 3.6. Kiểm tra mặt nạ

## **Bài 4: Đắp mặt nạ bột dạng cứng**

*Thời gian: 5 giờ*

*Mục tiêu:*

- Trình bày được quy trình đắp mặt nạ bột dạng cứng
- Tìm hiểu về công dụng của mặt nạ bột dạng cứng;
- Thực hiện đắp mặt nạ trên người mẫu.
- Rèn luyện kỹ năng đắp mặt nạ, đảm bảo an toàn và vệ sinh.

1. Chuẩn bị dụng cụ
2. Công dụng
3. Các bước thực hiện:
  - 3.1. Làm sạch da
  - 3.2. Làm mềm da
  - 3.3. Pha mặt nạ
  - 3.4. Đắp mặt nạ

3.5.Tháo mặt nạ

3.6.Kiểm tra mặt nạ

**Bài 5: Đắp mặt nạ dạng kem và dạng gel**

*Thời gian: 6 giờ*

*Mục tiêu:*

- Trình bày được quy trình đắp mặt nạ dạng kem và dạng gel
- Tìm hiểu về công dụng của mặt nạ dạng kem và dạng gel;
- Thực hiện đắp mặt nạ trên người mẫu.
- Rèn luyện kỹ năng đắp mặt nạ, đảm bảo an toàn và vệ sinh.

1. Chuẩn bị dụng cụ

2. Công dụng

3. Các bước thực hiện:

3.1. Làm sạch da

3.2. Làm mềm da

3.3. Đắp mặt nạ

3.4.Kiểm tra mặt nạ

**Bài 6: Đắp mặt nạ Collagen (dạng lá, miếng,serum,gel )**

*Thời gian: 5 giờ*

*Mục tiêu:*

- Tìm hiểu về công dụng của mặt nạ Collagen;
- Thực hiện đắp mặt nạ trên người mẫu thành thạo;
- Thực hiện quy trình đắp mặt nạ đúng kỹ thuật.
- Rèn luyện kỹ năng đắp mặt nạ.

1. Chuẩn bị dụng cụ

2. Công dụng

3. Các bước thực hiện:

3.1. Làm sạch da

3.2. Làm mềm da

3.3. Đắp mặt nạ

3.4. Kiểm tra mặt nạ

**Bài 7: Đắp mặt nạ parafin**

*Thời gian: 5 giờ*

*Mục tiêu:*

- Tìm hiểu về công dụng của mặt nạ parafin;
- Thực hiện đắp mặt nạ trên người mẫu thành thạo;
- Thực hiện quy trình đắp mặt nạ đúng kỹ thuật.

1. Chuẩn bị dụng cụ

2. Công dụng

3. Các bước thực hiện:

3.1. Làm sạch da

3.2. Làm mềm da

3.3. Nấu mặt nạ parafin

3.4. Đắp mặt nạ

3.5. Kiểm tra mặt nạ

**Bài 8: Se khít lỗ chân lông**

*Thời gian: 7 giờ*

*Mục tiêu:*

- Hiểu được công dụng se khít lỗ chân lông;
- Thực hiện thành thạo se khít lỗ chân lông;

1. Chuẩn bị dụng cụ
2. Công dụng se khít lỗ chân lông
3. Các bước thực hiện se khít lỗ chân lông

**Bài 9: Quy trình hoàn thiện chăm sóc da mặt**

*Thời gian: 7 giờ*

*Mục tiêu:*

- Trình bày được quy trình hoàn thiện chăm sóc da mặt
- Thực hiện quy trình chăm sóc da mặt hoàn thiện trên người mẫu.
- Thực hiện quy trình đắp mặt nạ đúng kỹ thuật.
- Rèn luyện kỹ năng, đảm bảo an toàn và vệ sinh.

1. Chuẩn bị dụng cụ
2. Chuẩn bị cho khách hàng
3. Chuẩn bị cho nhân viên
4. Tẩy trang
5. Rửa mặt
6. Xông hơi
7. Hút chân không
8. Tẩy tế bào
9. Lau khăn nóng
10. Làm mềm
11. Massage bằng tay
12. Massage bằng máy
13. Lau khăn giấy
14. Lau khăn nóng
15. Đắp mặt nạ
16. Thư giãn đầu – tay
17. Tháo mặt nạ - lau khăn lạnh
18. Phun sương – đánh pad
19. Dưỡng da

**IV. ĐIỀU KIỆN THỰC HIỆN MÔN HỌC:**

**1. Lớp học**

- Phòng học thực hành;
- Phòng học lý thuyết.

**2. Trang thiết bị dạy học**

- Máy chiếu projector;
- Máy vi tính;
- Âm li, loa;
- Micro.

STT	Tên dụng cụ	ĐVT	Số lượng	Ghi chú
1	Bộ dụng cụ tẩy trang	Bộ	5	
2	Bồn rửa dụng cụ	Chiếc	01	
3	Găng tay vô khuẩn	Hộp	03	
4	Sữa rửa mặt các loại	Chiếc	10	
5	Thau đựng nước rửa mặt nhỏ	Chiếc	10	
6	Tinh dầu	Lọ	03	
7	Máy hút chất nhờn	Chiếc	01	
8	Ghế xoay inox	Chiếc	10	
9	Máy tẩy tế bào chết	Chiếc	02	
10	Thau đựng nước rửa mặt nhỏ	Chiếc	10	
11	Mặt nạ giấy	Chiếc	20	Nhiều loại
12	Mặt nạ dạng gel	Tip	03	Nhiều loại
13	Máy phun sương	Chiếc	01	
14	Gel lột mụn	Tip	03	Nhiều loại
15	Dao cạo lông mặt	Chiếc	02	
16	Dao lam	Hộp	02	

**3. Học liệu**

- Giáo trình Ứng dụng chăm sóc da;
- Đề cương bài giảng, giáo án;
- Tài liệu phát tay, băng đĩa video và các tài liệu liên quan khác;
- Câu hỏi, bài tập thực hành.

**V. PHƯƠNG PHÁP VÀ NỘI DUNG ĐÁNH GIÁ:****1. Phương pháp đánh giá:**

- Đánh giá kiểm tra vấn đáp kết hợp giữa lý thuyết và thực hành, yêu cầu đạt được các mục tiêu của từng bài học.



## 2. Nội dung đánh giá:

- Kiến thức:
  - + Trình bày hoàn thiện chăm sóc da mặt
  - + Các thao tác đắp mặt nạ
- Kỹ năng:
  - + Massage và ấn huyệt
  - + Kỹ năng đắp mặt nạ
- Thái độ:
  - + Có ý thức tự giác, trách nhiệm trong học tập, có tinh thần hợp tác, giúp đỡ lẫn nhau: tham gia đầy đủ thời lượng lý thuyết và thực hành môn học.

## **VI. HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN MÔN HỌC:**

### 1. Phạm vi áp dụng môn học:

- Chương trình môn học được sử dụng để giảng dạy cho trình độ Trung cấp.

### 2. Hướng dẫn một số điểm chính về phương pháp giảng dạy môn học:

- Đề giúp sinh viên nắm những kiến thức cơ sở cần thiết, sau mỗi bài cần giao các câu hỏi, bài tập tự làm ngoài giờ. Các câu hỏi chỉ ở mức độ đơn giản, trung bình phù hợp với phần lý thuyết đã học:
- Thực hành trên các mô hình giải phẫu giúp sinh viên có kỹ năng thực hành và bổ sung phần kiến thức lý thuyết đã học, đồng thời trang bị cho sinh viên một phần kiến thức và kỹ năng trước khi học các môn chuyên ngành: Chăm sóc sắc đẹp
- Khi giảng dạy giảng viên có thể sử dụng kết hợp máy vi tính, máy đèn chiếu, áp dụng các loại giáo án điện tử.

### 3. Những trọng tâm chương trình cần chú ý:

- Trọng tâm môn học là các điểm: chuẩn bị dụng cụ , nguyên liệu đầy đủ.
- Đắp mặt nạ tất cả các thể loại

### 4. Tài liệu cần tham khảo:

- Giáo trình Chăm sóc da cơ bản của nhà trường biên soạn năm 2017
- Tài liệu: Chăm sóc da cơ bản. Trung tâm thẩm mỹ spa Lisa. Xuất bản năm 2016.
- Giáo trình chăm sóc da mặt Dermalogica;
- Giáo trình toàn khoa Chăm sóc sắc đẹp – Hoa kỳ;
- Giáo trình chăm sóc da mặt Sheeido;
- Giáo trình chăm sóc da mặt Forever The World
- Đông y Nguyễn Hữu Hách;
- Viện nghiên cứu da Á Âu;
- Viện da liễu quốc gia.

**CHƯƠNG TRÌNH MÔN HỌC**  
**KHOA HỌC VỀ TÓC, MÓNG**

**Tên môn học: Khoa học về tóc, móng**

**Mã môn học: MHN 17**

**Số tín chỉ: 2 TC (2 LT, 0 TH)**

**Thời gian thực hiện môn học:** 30 giờ; (Lý thuyết: 28 giờ; Thực hành, thí nghiệm, thảo luận, bài tập: 0 giờ; Kiểm tra: 2 giờ)

**I. VỊ TRÍ, TÍNH CHẤT CỦA MÔN HỌC:**

- Vị trí: Là môn học được tổ chức giảng dạy sau các môn học chung và song song với các môn học cơ sở;
- Tính chất: Là môn học cơ sở nghề bắt buộc.

**II. MỤC TIÊU MÔN HỌC:**

- Cung cấp kiến thức về tóc
- Cấu tạo móng
- Hiểu biết về các loại tóc
- Các bệnh của tóc và cách xử lý
- Những điều cần biết về tóc rụng
- Nguyên nhân và yếu tố của tóc bạc sớm

**III. NỘI DUNG MÔN HỌC:**

1. Nội dung tổng quát và phân phối thời gian:

Số TT	Tên các bài trong môn học	Thời gian (giờ)			
		Tổng số	Lý thuyết	Bài tập	Kiểm tra*
1	Bài 1: Tổng quan da đầu	2	2		
2	Bài 2: Nang tóc, tuyến bã nhờn, cơ dựng lông & tuyến mồ hôi	2	2		
3	Bài 3: Nang tóc, chân tóc và thân tóc	3	3		
4	Bài 4: Cấu tạo và sinh lý của móng	4	4		
5	Bài 5: Các loại tóc thông dụng	4	3		1
6	Bài 6: Các vấn đề về da đầu thường gặp	4	3		1
7	Bài 7: Các bệnh của tóc và cách xử lý	4	4		
8	Bài 8: Tóc rụng – Những điều cần biết	3	3		
9	Bài 9: Tóc bạc sớm	3	3		
	<b>Cộng</b>	<b>30</b>	<b>28</b>	<b>0</b>	<b>2</b>

\* Ghi chú: Thời gian kiểm tra lý thuyết được tích hợp giữa lý thuyết với thực hành được tính bằng giờ thực hành.

2. Nội dung chi tiết:

**Bài 1: Tổng quan da đầu**

*Thời gian: 2 giờ*

- Lớp biểu bì (Epidemis)
- Lớp hạ bì (Dermis)
- Mô dưới da (Subcutaneous)

**Bài 2: Nang tóc, tuyến bã nhờn, cơ dựng lông & tuyến mồ hôi**

*Thời gian: 2 giờ*

- Nang tóc (Hair Follicle)
- Tuyến bã nhờn (Sebaceous Glands)
- Cơ dựng lông
- Tuyến mồ hôi

**Bài 3: Nang tóc, chân tóc và thân tóc**

*Thời gian: 3 giờ*

- Nang tóc và chân tóc (Hair bulb and root)
- Thân tóc (Hair Shaft)

**Bài 4: Cấu tạo và sinh lý của móng**

*Thời gian: 4 giờ*

- Cấu tạo móng
- Sinh lý bình thường của móng

**Bài 5: Các loại tóc thông dụng**

*Thời gian: 4 giờ*

- Tóc thường:
- Tóc hỗn hợp
- Tóc dầu
- Tóc khô
- Tóc đã qua xử lý hóa chất như uốn, nhuộm, tẩy
- Cách nhận biết các loại tóc

**Bài 6: Các vấn đề về da đầu thường gặp**

*Thời gian: 4 giờ*

- Nấm tóc
- Hói đầu

**Bài 7: Các bệnh của tóc và cách xử lý**

*Thời gian: 4 giờ*

- Nguyên nhân và cách xử lý tóc khô
- Nguyên nhân và cách xử lý tóc chẻ
- Nguyên nhân và cách xử lý tóc gàu
- Nguyên nhân và cách xử lý tóc dầu

**Bài 8: Tóc rụng – Những điều cần biết**

*Thời gian: 3 giờ*

- Chu kỳ sinh trưởng của sợi tóc
- Nguyên nhân gây rụng tóc
- Rụng tóc do yếu tố cơ – lý – hóa
- Rụng tóc Pelade
- Rụng tóc liên quan androgen
- Viêm chân tóc

- 4 loại vitamin ngăn rụng tóc

**Bài 9: Tóc bạc sớm***Thời gian: 3 giờ*

- Yếu tố, nguyên nhân
- Những bài thuốc chữa

**IV. ĐIỀU KIỆN THỰC HIỆN MÔN HỌC:**

## 1. Lớp học

- Phòng học thực hành;
- Phòng học lý thuyết.

## 2. Trang thiết bị dạy học

- Máy chiếu projector;
- Máy vi tính;
- Âm li, loa;
- Micro.

## 3. Học liệu

- Giáo trình Khoa học về tóc;
- Đề cương bài giảng, giáo án;
- Tài liệu phát tay, băng đĩa video và các tài liệu liên quan khác;
- Câu hỏi, bài tập thực hành.

**V. PHƯƠNG PHÁP VÀ NỘI DUNG ĐÁNH GIÁ:**

## 1. Phương pháp đánh giá:

- Đánh giá trong quá trình học: Trong quá trình thực hành, chụp ngoài trời với điều kiện ánh sáng tự nhiên các SV sẽ có dịp hiểu sâu sắc về cường độ- hướng chiếu sáng- làm quen với các phối cảnh xa gần – các phong nền trong tự nhiên – chọn góc bấm máy – tạo dáng cho nhân vật ....

- Đánh giá cuối môn học: Việc báo cáo đề án. Thuyết trình là việc của cả tập thể và cá nhân. Các thành viên trong nhóm có quyền phân công nhau việc thuyết trình trước lớp. tuy nhiên mỗi thành viên phải thông hiểu hết các vấn đề của báo cáo. Các thành viên trong trình bày thường được hỏi nhiều hơn. Điểm của mỗi thành viên trong nhóm khi trình bày có thể khác nhau do việc trình bày báo cáo và trả lời câu hỏi phản biện.

Thời gian trình bày tối đa là 15 phút, thời gian trả lời tối đa là 5 phút cho mỗi nhóm.

Các thành viên khác trong lớp có quyền đặt ra câu hỏi sau khi nhóm trình bày xong. Các câu hỏi có giá trị được giảng viên xác nhận sẽ được thưởng 0,5 điểm, tối đa của phần điểm cộng này cho một sinh viên là 2 điểm. Điểm này được xem là điểm báo cáo của sinh viên chứ không phải điểm cuối cùng của sinh viên.

## 2. Nội dung: đánh giá:

- Cung cấp kiến thức về tóc
- Cấu tạo móng

- Hiểu biết về các loại tóc
- Các bệnh của tóc và cách xử lý
- Những điều cần biết về tóc rụng
- Nguyên nhân và yếu tố của tóc bạc sớm

## **VI. HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN MÔN HỌC:**

### 1. Phạm vi áp dụng môn học:

- Chương trình môn học được sử dụng để giảng dạy cho trình độ Trung cấp.

### 2. Hướng dẫn một số điểm chính về phương pháp giảng dạy môn học:

- Giáo viên trình bày lý thuyết trên lớp những phần căn bản và trọng tâm.
- Giáo viên hướng dẫn sinh viên thực hành nghiệp vụ trên lớp trên nền tảng lý thuyết đã học.
- Giáo viên gợi mở và hướng dẫn những nội dung mở rộng cần nghiên cứu, sinh viên tự đọc tài liệu và làm bài tập để tìm hiểu thêm và củng cố kiến thức đáp ứng yêu cầu kiểm tra của giáo viên.

### 3. Những trọng tâm môn học cần chú ý:

- Chương 3, 4, 5, 6.

### 4. Tài liệu cần tham khảo:

- <https://tuanart.wordpress.com/2012/06/22/cac-van-de-ve-toc-va-da-dau-thuong-gap-2/>
- <https://tuoitre.vn/phong-chua-benh-cho-toc-va-da-dau-1129006.htm>
- <http://www.utemshop.com/cham-soc-toc/tim-hieu-cau-truc-co-ban-cua-toc-va-da-dau/>

**CHƯƠNG TRÌNH MÔN HỌC****TRANG ĐIỂM CƠ BẢN****Tên môn học: Trang điểm cơ bản****Mã số của môn học: MHN 18****Số tín chỉ: 3 TC (1 LT, 2 TH)****Thời gian của môn học: 75 giờ (Lý thuyết: 15 giờ; Thực hành: 57 giờ; Kiểm tra: 3 giờ)****I. VỊ TRÍ, TÍNH CHẤT CỦA MÔN HỌC:**

- Vị trí: Môn học trang điểm cơ bản được bố trí sau các môn học chung về đại cương. Môn học được bố trí sau môn học MHN 17
- Tính chất: Là môn cơ sở chuyên ngành: thuộc môn học đào tạo bắt buộc.

**II. MỤC TIÊU MÔN HỌC:**

- Nhận thức được vai trò đạo đức của người nhân viên chăm sóc sắc đẹp, trang điểm thẩm mỹ.
- Hiểu được đạo đức, tác phong chuyên nghiệp của nhân viên chăm sóc sắc đẹp, trang điểm thẩm mỹ.
- Hiểu được kiến thức trang điểm theo dạng khuôn mặt: trang điểm cơ bản.
- Nhận dạng và mô tả được quá trình chỉnh sửa khuyết điểm theo dạng khuôn mặt
- Phân tích được loại da, chăm sóc da trước và sau khi trang điểm

**III. NỘI DUNG MÔN HỌC:**

## 1. Nội dung tổng quát và phân bổ thời gian

Số TT	Tên các bài trong mô đun	Thời gian			
		Tổng số	Lý thuyết	Thực hành	Kiểm tra
1	Bài mở đầu: Lời nói đầu	1	1		
2	Bài 1: Khái luận trang điểm	1	1		
3	Bài 2: Dụng cụ trang điểm	1	1		
4	Bài 3: Sinh lý da	2	1		1
5	Bài 4: Sắp xếp dụng cụ	3		3	
6	Bài 5: Chăm sóc da	10	1	9	
7	Bài 6: Giới thiệu quy trình trang điểm	2	2		
8	Bài 7: Đánh nền	10	1	9	1
9	Bài 8: Đánh mắt	10	1	9	
10	Bài 9: Vẽ lông mày	10	1	9	
11	Bài 10: Vẽ môi	10	1	9	
12	Bài 11: Đánh má hồng, tạo khối	14	4	9	1
	<b>Tổng cộng</b>	<b>75</b>	<b>15</b>	<b>57</b>	<b>3</b>

## 2. Nội dung chi tiết

### **Bài mở đầu: Lời nói đầu**

*Thời gian: 1 giờ*

- Giới thiệu đôi nét về giáo viên, học viên và trường. Giới thiệu về tâm niệm của nhân viên trang điểm, triển vọng ngành trang điểm và phân phát dụng cụ.

### **Bài 1: Khái luận trang điểm**

*Thời gian: 1 giờ*

*Mục tiêu:*

- Trang bị cho học viên kiến thức ban đầu cần thiết đối với nhân viên trang điểm.

*Nội dung:*

1. Sự cuốn hút của phái đẹp
2. Những yếu tố cần phải có của nhân viên trang điểm
3. Giới thiệu các phong cách trang điểm

### **Bài 2: Dụng cụ trang điểm**

*Thời gian: 1 giờ*

*Mục tiêu:*

- Học viên nắm được kiến thức về các loại dụng cụ dùng trong trang điểm;

*Nội dung:*

1. Các loại dụng cụ, vai trò, đặc tính của từng loại
2. Phương pháp vệ sinh và bảo quản từng loại
3. Những điều cần lưu ý khi sử dụng
4. Dụng cụ sử dụng:

### **Bài 3: Sinh lý da**

*Thời gian: 2 giờ*

*Mục tiêu:*

- Trang bị cho học viên kiến thức về chức năng sinh lý da, phân loại da, biện pháp chăm sóc da, kiến thức về cơ, xương vùng mặt.

*Nội dung:*

1. Kiến thức về da:
  - Cấu tạo da
  - Phân loại da
  - Biện pháp chăm sóc cho từng loại da
2. Xương và cơ biểu cảm
  - Cấu tạo khung xương mặt
  - Cơ và các biểu cảm của từng loại cơ trên vùng mặt
  - Phân chia vùng trên khuôn mặt
3. Thiết bị sử dụng

STT	Tên dụng cụ	ĐVT	Số lượng	Ghi chú
1	Mô hình da, cơ mặt	Bộ	02	

2	Tranh giải phẫu sinh lý mắt, môi, long mày	Tờ	02	
3	Tranh giải phẫu cơ đầu, mặt, cổ	Tờ	02	
4	Tranh giải phẫu sinh lý da	Tờ	02	

**Bài 4: Sắp xếp dụng cụ***Thời gian: 3 giờ**Mục tiêu:*

Trang bị cho học viên kỹ năng về sắp xếp dụng cụ khoa học, chuyên nghiệp giúp cho học viên tiến hành kỹ thuật trang điểm trôi chảy, đạt hiệu quả cao.

*Nội dung:*

1. Ý nghĩa, mục đích của việc sắp xếp dụng cụ
2. Phân loại, công dụng, cách sử dụng từng loại dụng cụ
3. Công đoạn sắp xếp dụng cụ
4. Tư thế chuẩn bị khi thực hiện kỹ thuật
5. Tác phong của nhân viên trang điểm
6. Những điều cần lưu ý khi thực hiện

**Bài 5: Chăm sóc da***Thời gian: 10 giờ**Mục tiêu:*

Trang bị cho học viên kiến thức, kỹ năng chăm sóc da trước và sau khi trang điểm để nâng cao và duy trì hiệu quả việc trang điểm cho khách hàng.

*Nội dung:*

1. Ý nghĩa, mục đích của việc chăm sóc da
2. Công đoạn chăm sóc da trước khi trang điểm
3. Công đoạn tẩy trang:
  - Tẩy trang mắt môi
  - Tẩy trang nền
  - Rửa mặt
4. Công đoạn chăm sóc da
  - Kỹ thuật vỗ nước hoa hồng
  - Kỹ thuật thoa kem dưỡng da
  - Kỹ thuật đắp mặt nạ nước
  - Kỹ thuật mát xa
5. Thiết bị sử dụng:

STT	Tên dụng cụ	ĐVT	Số lượng	Ghi chú
1	Giường nằm massage gỗ 70x1800m	Chiếc	05	
2	Gối massage 20x40cm	Chiếc	05	
3	Sữa rửa mặt các loại	Chiếc	10	



4	Bông tẩy trang	Bịch	05	
5	Nước tẩy trang hoa hồng	Lọ	03	Nhiều loại
6	Kem dưỡng da	Tip	03	Nhiều loại
7	Mặt nạ nước	Tip	03	Nhiều loại

**Bài 6: Giới thiệu quy trình trang điểm***Thời gian: 2 giờ**Mục tiêu:*

Trang bị cho học viên kiến thức của một quy trình trang điểm hoàn thiện giúp học viên hình dung được công việc của nhân viên trang điểm.

*Nội dung:*

1. Các bước trong trang điểm: gồm 7 bước
2. Ý nghĩa, công dụng của từng bước

**Bài 7: Đánh nền***Thời gian: 10 giờ**Mục tiêu:*

Trang bị cho học viên kiến thức, kỹ năng tạo một lớp nền hoàn hảo, phù hợp với tác phong cách trang điểm và màu, loại da của từng khách hàng, hoàn tất công đoạn không thể thiếu trong trang điểm.

*Nội dung:*

1. Giới thiệu quy trình đánh nền
2. Ý nghĩa, công dụng của từng bước
3. Phân loại mỹ phẩm
4. Cách chọn mỹ phẩm phù hợp với từng loại da
5. Công đoạn đánh nền
  - Thoa nước hoa hồng
  - Thoa kem dưỡng
  - Thoa kem điều chỉnh sắc tố da
  - Thoa phấn nền
  - Thoa phấn phủ
6. Thiết bị sử dụng

STT	Tên dụng cụ	ĐVT	Số lượng	Ghi chú
1	Ghế tròn xoay inox	Chiếc	05	
2	Nước hoa hồng	Lọ	05	
3	Kem dưỡng	Lọ	05	
4	Kem điều chỉnh sắc tố da	Tip	05	Nhiều loại
5	Phấn nền	Tip	05	Nhiều loại
6	Phấn phủ	Hộp	05	Nhiều loại

7	Giường nằm massage gỗ 70x1800m	Chiếc	05	
8	Gối massage 20x40cm	Chiếc	05	

**Bài 8: Đánh mắt***Thời gian: 10 giờ**Mục tiêu:*

Trang bị cho học viên kiến thức, kỹ năng đánh các kiểu mắt phù hợp với các phong cách trang điểm khác nhau, phù hợp với các đối tượng khách hàng.

*Nội dung:*

1. Giới thiệu quy trình đánh mắt
2. Ý nghĩa, công dụng của từng bước
3. Phân loại mỹ phẩm dùng cho trang điểm mắt
4. Giới thiệu các kiểu đánh mắt
5. Công đoạn đánh mắt:
  - Đánh mốc mắt phù hợp với các kiểu trang điểm
  - Vẽ viền mắt phù hợp với các kiểu trang điểm
  - Kỹ thuật bấm mí
  - Kỹ thuật chải mascara
6. Thiết bị sử dụng

STT	Tên dụng cụ	ĐVT	Số lượng	Ghi chú
1	Kim bấm mí	Cái	10	
2	Bàn chải Mascara	Cái	10	
3	Phấn đánh mắt	Cái		
4	Chì kẻ mắt	Cây	20	Nhiều màu

**Bài 9: Vẽ lông mày***Thời gian: 10 giờ**Mục tiêu:*

Trang bị cho học viên kiến thức, kỹ năng vẽ các kiểu lông mày phù hợp với các phong cách trang điểm khác nhau, phù hợp với các đối tượng khách hàng.

*Nội dung:*

1. Giới thiệu quy trình vẽ lông mày
2. Ý nghĩa, công dụng của từng bước
3. Phân loại mỹ phẩm dùng cho lông mày
4. Giới thiệu các kiểu vẽ lông mày
5. Công đoạn vẽ lông mày
  - Đánh mốc mắt phù hợp với các kiểu trang điểm
  - Vẽ lông mày phù hợp với các kiểu trang điểm

**6. Thiết bị sử dụng**

STT	Tên dụng cụ	ĐVT	Số lượng	Ghi chú
1	Chì kẻ lông mày	Cái	10	
2	Phấn kẻ lông mày	Hộp	10	
3	Gel kẻ lông mày	Lọ	10	Nhiều loại

**Bài 10: Vẽ môi***Thời gian: 10 giờ**Mục tiêu:*

Trang bị cho học viên kiến thức, kỹ năng kỹ năng vẽ các kiểu môi phù hợp với các phong cách trang điểm khác nhau, phù hợp với các đối tượng khách hàng.

*Nội dung:*

1. Giới thiệu quy trình vẽ môi
2. Ý nghĩa, công dụng của từng bước
3. Phân loại mỹ phẩm dùng cho trang điểm môi
4. Giới thiệu các kiểu vẽ môi
5. Công đoạn trang điểm môi
6. Thiết bị sử dụng

STT	Tên dụng cụ	ĐVT	Số lượng	Ghi chú
1	Son môi các loại	Cây	15	
2	Dưỡng môi	Lọ	03	
3	Tẩy trang (tẩy môi)	Lọ	03	

**Bài 11: Đánh má hồng, tạo khối***Thời gian: 14 giờ**Mục tiêu:*

Trang bị cho học viên kiến thức, kỹ năng kỹ năng đánh các kiểu má hồng phù hợp với các phong cách trang điểm khác nhau, phù hợp với các đối tượng khách hàng.

*Nội dung:*

1. Giới thiệu quy trình đánh má hồng
2. Ý nghĩa, công dụng của từng bước
3. Phân loại mỹ phẩm dùng cho đánh má hồng
4. Giới thiệu các kiểu đánh má hồng
5. Công đoạn đánh má hồng
6. Công đoạn tạo khối – điểm sáng tối.
7. Thiết bị sử dụng

STT	Tên dụng cụ	ĐVT	Số lượng	Ghi chú
1	Bộ cọ đa năng	Bộ	03	
2	Phấn nền	Tip	05	Nhiều loại
3	Phấn phủ	Hộp	05	Nhiều loại
4	Phấn má hồng	Hộp nén	03	Nhiều loại

#### IV. ĐIỀU KIỆN THỰC HIỆN MÔN HỌC:

##### 1. Lớp học

- Phòng học thực hành;
- Phòng học lý thuyết.

##### 2. Trang thiết bị dạy học

- Máy chiếu projector;
- Máy vi tính;
- Âm li, loa;
- Micro.

##### 3. Học liệu

- Giáo trình trang điểm cơ bản;
- Đề cương bài giảng, giáo án;
- Tài liệu phát tay, băng đĩa video và các tài liệu liên quan khác;
- Câu hỏi, bài tập thực hành.

#### V. PHƯƠNG PHÁP VÀ NỘI DUNG ĐÁNH GIÁ:

##### 1. Phương pháp đánh giá:

- Vấn đáp, trắc nghiệm, viết: Nêu các câu hỏi trọng tâm trong mỗi bài nhằm kiểm tra mức độ tiếp thu bài học của sinh viên.
- Thực hành và kiểm tra thực hành đáp ứng yêu cầu từng bài học

##### 2. Nội dung đánh giá:

- Kiến thức:
  - + Kiến thức cơ bản về các phương pháp chăm sóc da, dinh dưỡng cho da, phục hồi da
  - + Kiến thức cơ bản về trang điểm chăm sóc sắc đẹp
  - + Ứng dụng các hiểu biết của môn học với nghề nghiệp chăm sóc sắc đẹp
- Kỹ năng: Ứng dụng các hiểu biết của môn học nghề nghiệp chăm sóc sắc đẹp và mở spa
- Thái độ: Có ý thức tự giác, trách nhiệm trong học tập, có tinh thần hợp tác, giúp đỡ lẫn nhau: tham gia đầy đủ thời lượng lý thuyết và thực hành môn học.

#### VI. HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN MÔN HỌC:

##### 1. Phạm vi áp dụng môn học:

- Chương trình môn học được sử dụng để giảng dạy cho trình độ Trung cấp.

2. Hướng dẫn một số điểm chính về phương pháp giảng dạy môn học:

- Để giúp sinh viên nắm những kiến thức cơ sở cần thiết, sau mỗi bài cần giao các câu hỏi, bài tập tự làm ngoài giờ. Các câu hỏi chỉ ở mức độ đơn giản, trung bình phù hợp với phần lý thuyết đã học:
- Thực hành trên người thật giúp sinh viên có kỹ năng thực hành và bổ sung phần kiến thức lý thuyết đã học, đồng thời trang bị cho sinh viên một phần kiến thức và kỹ năng trước khi học các môn chuyên ngành: Chăm sóc sắc đẹp
- Khi giảng dạy giảng viên có thể sử dụng kết hợp máy vi tính, máy đèn chiếu, áp dụng các loại giáo án điện tử.

3. Những trọng tâm chương trình cần chú ý:

- Trọng tâm môn học là các bài: 3, 5, 7, 8

4. Tài liệu cần tham khảo:

- Giáo trình chăm sóc sắc đẹp và sức khỏe do nhà trường biên soạn
- Giáo trình chăm sóc sắc đẹp và sức khỏe của trung tâm thẩm mỹ BVĐK Quốc tế Thu Cúc. Xuất bản nội bộ năm 2016
- Trang điểm nâng cao (Tập đoàn giáo dục Sanko Gakuen Nhật Bản).
- Nghệ thuật trang điểm (NXB Văn hóa thông tin)
- Nghệ thuật trang điểm (NXB Phụ nữ)

**CHƯƠNG TRÌNH MÔN HỌC BẮT BUỘC**  
**NGÀNH CHĂM SÓC SẮC ĐẸP**  
**TRÌNH ĐỘ TRUNG CẤP**

**II. CÁC MÔN HỌC/ MÔ ĐUN CHUYÊN MÔN**  
**II. 2. MÔN HỌC/ MÔ ĐUN CHUYÊN NGÀNH**

<b>MÃ MÔN HỌC</b>	<b>TÊN MÔN HỌC</b>
<b>MHN 19</b>	<b>Tạo mẫu Tóc cơ bản</b>
<b>MHN 20</b>	<b>Chăm sóc và nghệ thuật móng</b>
<b>MHN 21</b>	<b>Nội mi thẩm mỹ</b>
<b>MHN 22</b>	<b>Chăm sóc da nâng cao</b>
<b>MHN 23</b>	<b>Trang điểm nâng cao</b>
<b>MHN 24</b>	<b>Chống sóc phản vệ</b>
<b>MHN 25</b>	<b>Y học cổ truyền</b>
<b>MHN 26</b>	<b>Massage – Bấm huyệt</b>

## CHƯƠNG TRÌNH MÔN HỌC TẠO MẪU TÓC CƠ BẢN

**Tên môn học: Tạo mẫu tóc cơ bản**

**Mã số của môn học: MHN 19**

**Số tín chỉ: 3 TC (1 LT, 2 TH)**

**Thời gian của môn học: 75 giờ; (Lý thuyết: 15 giờ; Thực hành, thí nghiệm, thảo luận, bài tập: 55 giờ; Kiểm tra: 5 giờ)**

### I. VỊ TRÍ, TÍNH CHẤT CỦA MÔN HỌC:

- Vị trí: Môn học Chăm sóc và tạo mẫu tóc được bố trí sau các môn học chung về đại cương. Môn học được bố trí sau môn học MHN 17
- Tính chất: Là môn cơ sở chuyên ngành: thuộc môn học đào tạo bắt buộc.

### II. MỤC TIÊU MÔN HỌC:

- Sinh viên có thể biết cách chăm sóc các loại tóc khác nhau
- Sinh viên có thể thực hành kiểu tóc theo mẫu cho sẵn
- Sinh viên có thể tự thiết kế kiểu tóc phù hợp với hoàn cảnh

### III. NỘI DUNG MÔN HỌC:

1. Nội dung tổng quát và phân phối thời gian:

STT	Tên bài	Thời gian (giờ)			
		TS	LT	TH	KT
1	Chương mở đầu	4	4		
2	Gội đầu	14	2	11	1
3	Uốn tóc	14	2	11	1
4	Nhuộm tóc	14	2	11	1
5	Duỗi tóc	14	2	11	1
6	Cắt tóc	15	3	11	1
<b>Cộng</b>		<b>75</b>	<b>15</b>	<b>55</b>	<b>5</b>

2. Nội dung chi tiết:

#### Chương 1: Chương mở đầu

*Thời gian: 4 giờ*

- Hiểu được cấu trúc, cấu tạo; thành phần hóa học của sản phẩm qua đó phân loại, xác định các loại tóc;
- Nắm được trang thiết bị dụng cụ và trình bày được kiến thức nền tảng về an toàn lao động thẩm mỹ;
- Hiểu được kiến thức cơ bản về đạo đức tác phong và điều hành salon tóc
- Lựa chọn được các trang thiết bị dụng cụ, sản phẩm phù hợp với yêu cầu chăm sóc tóc;

1. Tóc và da đầu

1.1. Phân loại da đầu

- 1.2. Nhận dạng cấu trúc của tóc
- 1.3. Nhận dạng cấu tạo của sợi tóc
- 1.4. Phân loại và xác định loại tóc
- 1.5. Bệnh lý về tóc
2. Các sản phẩm chăm sóc tóc
  - 2.1. Các sản phẩm chăm sóc tóc
  - 2.2. Chọn phương pháp chăm sóc cho từng loại tóc
3. Đạo đức tác phong của chuyên viên làm tóc

## **Chương 2: Gội đầu**

*Thời gian: 14 giờ*

- Thực hiện thành thạo các thao tác gội đầu và xả tóc;
  - Thao tác chia tóc đảm bảo đúng yêu cầu kỹ thuật;
  - Thực hiện công tác vệ sinh nơi làm việc và đảm bảo an toàn lao động.
1. Chuẩn bị trang thiết bị dụng cụ gội đầu
  2. Chọn dầu gội
  3. Chải tóc và chia tóc
  4. Gội đầu thường
  5. Gội mái tóc tẩy
  6. Gội đầu tóc nhuộm
  7. Gội đầu tóc uốn

### ***Thiết bị sử dụng***

STT	Tên dụng cụ	ĐVT	Số lượng	Ghi chú
1	Dầu gội đầu	Chai	05	Nhiều loại
2	Dầu xả tóc	Chai	05	Nhiều loại
3	Lược	Chiếc	05	Nhiều loại
4	Máy sấy	Chiếc	03	

## **Chương 3: Uốn tóc**

*Thời gian: 14 giờ*

- Thực hiện thành thạo quy trình uốn đảm bảo đúng yêu cầu kỹ thuật;
  - Xác định thành phần hóa học và độ pH của sản phẩm thành thạo;
  - Sấy tạo kiểu thành thạo phù hợp với từng kiểu tóc;
  - Thực hiện các biện pháp an toàn và vệ sinh khi thực tập.
1. Chuẩn bị trang thiết bị dụng cụ nguyên vật liệu uốn tóc
  2. Phân loại da đầu và mái tóc
  3. Cắt gội trước khi uốn
  4. Phương pháp cuốn ống xương và ống gai
  5. Kiểu uốn bung tự nhiên



6. Kiểu uốn nửa đầu vểnh ra
7. Kiểu uốn nửa đầu úp vào
8. Kiểu uốn ống đũa
9. Kiểu uốn mái tôn
10. Kỹ thuật uốn nóng (kỹ thuật số)

STT	Tên dụng cụ	ĐVT	Số lượng	Ghi chú
1	Máy uốn tóc	Chiếc	01	
2	Thuốc uốn tóc	Chai	02	
3	Cây uốn tóc	Chiếc	03	
4	Ống quấn tóc	Chiếc	10	
5	Giấy quấn tóc	Xấp	10	
6	Kẹp mở vệt, càng cua	Chiếc	10	
7	Khay đựng dụng cụ	Chiếc	02	
8	Khăn choàng vải	Chiếc	02	
9	Khăn bông	Chiếc	03	
10	Khăn bọt	Chiếc	03	
11	Mũ trùm đầu nilong	Chiếc	10	
12	Máy hấp tóc	Chiếc	01	

#### Chương 4: Nhuộm tóc

Thời gian: 14 giờ

- Thực hiện thành thạo quy trình thực hiện nhuộm tóc;
- Thành thạo phương pháp pha thuốc và vào thuốc;
- Xác định thành phần hóa học và độ pH, nồng độ của sản phẩm thành thạo;
- Thực hiện thành thạo tất cả các loại tóc nhuộm theo đúng yêu cầu kỹ thuật của mô đun;
- Đảm bảo an toàn lao động và vệ sinh.

1. Chuẩn bị trang thiết bị dụng cụ
2. Lựa chọn thuốc nhuộm và quy trình nhuộm tóc
3. Xác định màu nhuộm của tóc
4. Pha thuốc nhuộm tóc bạc
5. Nhuộm tóc qua 2 cấp độ
6. Nhuộm tông ấm
7. Nhuộm tông lạnh
8. Tẩy tóc
9. Nhuộm tóc highlight

STT	Tên dụng cụ	ĐVT	Số lượng	Ghi chú
-----	-------------	-----	----------	---------

1	Thuốc nhuộm	Chai	05	Nhiều loại
2	Mũ trùm đầu nilong	Chiếc	10	
3	Lược	Chiếc	10	
4	Cọ nhuộm	Chiếc	05	
5	Bao tay nilong	Hộp	01	
6	Miếng choàng nhựa ngang vai	Chiếc	03	

**Chương 5: Duỗi tóc***Thời gian: 14 giờ*

- Thực hiện thành thạo quy trình duỗi tóc;
  - Thành thạo phương pháp pha thuốc và vào thuốc;
  - Xác định thành phần hóa học và độ pH của sản phẩm thành thạo;
  - Thực hiện thành thạo tất cả các loại tóc duỗi theo đúng yêu cầu kỹ thuật của bộ môn;
  - Đảm bảo an toàn lao động và vệ sinh.
1. Chuẩn bị trang thiết bị dụng cụ duỗi tóc
  2. Xác định loại tóc trước khi duỗi tóc
  3. Duỗi tóc khỏe
  4. Duỗi tóc yếu
  5. Duỗi tóc cúp
  6. Duỗi tóc 3 giai đoạn

STT	Tên dụng cụ	ĐVT	Số lượng	Ghi chú
1	Máy duỗi tóc	Chiếc	01	
2	Đồ kẹp tóc	Chiếc	01	
3	Kẹp mỏ vịt, càng cua	Chiếc	10	
4	Khay đựng dụng cụ	Chiếc	02	
5	Khăn choàng vải	Chiếc	02	
6	Khăn bông	Chiếc	03	
7	Khăn bạt	Chiếc	03	

**Chương 6: Cắt tóc***Thời gian: 15 giờ*

- Thực hiện được cách cầm kéo và lược cơ bản thành thạo;
  - Thực hiện quy trình cắt tóc các kiểu thành thạo;
  - Thao tác thực hiện cầm, nháp kéo và lược thành thạo;
  - Cẩn thận, tỉ mỉ, thể hiện tinh thần trách nhiệm trong quá trình thực hiện công việc.
1. Khái niệm về nghề làm tóc và các bước chuẩn bị trước khi thực hiện cắt tóc
  2. Nháp kéo, lược và sơ đồ độ

3. Cắt kiểu ngang
4. Cắt kiểu sole
5. Cắt kiểu tém
6. Cắt tóc ngắn tông đơ

STT	Tên dụng cụ	ĐVT	Số lượng	Ghi chú
1	Kéo cắt tóc	Chiếc	03	
2	Lược	Chiếc	10	Nhiều loại
3	Tông đơ	Chiếc	02	
4	Khăn choàng vải	Chiếc	02	
5	Bình xịt nước	Chiếc	02	

#### IV. ĐIỀU KIỆN THỰC HIỆN MÔN HỌC:

##### 1. Lớp học

- Phòng học thực hành;
- Phòng học lý thuyết.

##### 2. Trang thiết bị dạy học

- Máy chiếu projector;
- Máy vi tính;
- Âm li, loa;
- Micro.

##### 3. Học liệu

- Giáo trình;
- Đề cương bài giảng, giáo án;
- Tài liệu phát tay, băng đĩa video và các tài liệu liên quan khác;
- Câu hỏi, bài tập thực hành.

#### V. PHƯƠNG PHÁP VÀ NỘI DUNG ĐÁNH GIÁ:

##### 1. Phương pháp đánh giá:

- Thực hành: Sinh viên thực theo từng nội dung đã học.

##### 2. Nội dung đánh giá:

- Kiến thức:
  - + Có hiểu biết về tóc, về ngành tóc tại Việt Nam
  - + Có hiểu biết về các loại hóa chất sử dụng, phương pháp sử dụng
  - + Phân biệt được các kỹ thuật làm tóc khác nhau
- Kỹ năng: Có thể thực hiện được các mẫu tóc theo như yêu cầu.
- Thái độ: Có ý thức tự giác, trách nhiệm trong học tập, có tinh thần hợp tác, giúp đỡ lẫn nhau: tham gia đầy đủ thời lượng lý thuyết và thực hành môn học.

## **VI. HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN MÔN HỌC:**

### 1. Phạm vi áp dụng môn học:

- Chương trình môn học được sử dụng để giảng dạy cho trình độ Trung cấp.

### 2. Hướng dẫn một số điểm chính về phương pháp giảng dạy môn học:

- Để giúp sinh viên nắm những kiến thức cơ sở cần thiết, sau mỗi bài cần giao các câu hỏi, bài tập tự làm ngoài giờ. Các câu hỏi chỉ ở mức độ đơn giản, trung bình phù hợp với phần lý thuyết đã học:
- Thực hành trên các mô hình giúp sinh viên có kỹ năng thực hành và bổ sung phần kiến thức lý thuyết đã học
- Khi giảng dạy giảng viên có thể sử dụng kết hợp máy vi tính, máy đèn chiếu, áp dụng các loại giáo án điện tử.

### 3. Những trọng tâm chương trình cần chú ý:

- Trọng tâm môn học là các phần 1, 3, 4, 6

### 4. Tài liệu cần tham khảo:

- Giáo trình thiết kế tạo mẫu tóc do nhà trường biên soạn 2018

**CHƯƠNG TRÌNH MÔN HỌC**  
**CHĂM SÓC VÀ NGHỆ THUẬT MÓNG**

**Tên môn học:** Chăm sóc và nghệ thuật móng

**Mã số của môn học:** MHN 20

**Số tín chỉ:** 3TC (1 LT, 2 TH)

**Thời gian của môn học:** 75 giờ; (Lý thuyết: 15 giờ; Thực hành, thí nghiệm, thảo luận, bài tập: 57 giờ; Kiểm tra: 3 giờ)

**I. VỊ TRÍ, TÍNH CHẤT CỦA MÔN HỌC:**

Vị trí: Môn học Chăm sóc và tạo mẫu móng được bố trí sau các môn học chung về đại cương. Môn học được bố trí sau môn học MHN 17.

Tính chất: Là môn cơ sở chuyên ngành; thuộc môn học đào tạo bắt buộc.

**II. MỤC TIÊU MÔN HỌC:**

- Đào tạo chuyên sâu kỹ thuật vẽ dựa trên nền tảng cơ bản về nghệ thuật Nail
- Học viên sẽ đạt được kỹ thuật đòi hỏi sự khéo léo, tinh xảo cao như dùng cọ vẽ 3D, phun sơn.
- Phát triển và tiến bộ trong thao tác, tạo được những thiết kế Nail theo xu hướng và nhu cầu của khách hàng.
- Khai thác sự sáng tạo, gu thẩm mỹ của từng học viên
- Giúp học viên dễ dàng hòa nhập và đáp ứng được yêu cầu công việc chuyên nghiệp ở môi trường làm Nail nước ngoài.

**III. NỘI DUNG MÔN HỌC:**

1. Nội dung tổng quát và phân phối thời gian:

STT	Tên bài	Thời gian (giờ)			
		TS	LT	TH	KT
1	Hiểu biết chung	2	2		
2	Chăm sóc móng căn bản	11	2	9	
3	Nghệ thuật vẽ móng	14	2	11	1
4	Đắp móng bột	15	3	11	1
5	Vẽ bột nổi (3D)	17	3	14	
6	Đắp Gel	16	3	12	1
<b>Tổng cộng</b>		<b>75</b>	<b>15</b>	<b>57</b>	<b>3</b>

2. Nội dung chi tiết:

**Chương 1: Hiểu biết chung**

*Thời gian: 2 giờ*

- Hiểu được cấu trúc móng và các bệnh thường gặp về móng, cách điều trị cũng như chăm sóc móng
- Nắm được nguyên tắc, chuẩn mực nghề nghiệp

**I. Hiểu biết chung về móng**

- 1.1. Cấu tạo móng
- 1.2. Các bệnh thường gặp
- 1.3. Chăm sóc móng
2. Hiểu biết chung về nghề móng
  - 2.1. Lịch sử phát triển
  - 2.2. Nguyên tắc nghề nghiệp
  - 2.3. Định hướng phát triển

**Chương 2: Chăm sóc móng căn bản***Thời gian: 11 giờ*

- Thực hành được cách chăm sóc móng cơ bản.
1. Cắt da tay và chân
  2. Dũa móng
  3. Sơn Fench (sơn đầu móng)
  4. Sơn Mable (sơn thủy)
  5. Đánh bóng móng

**Chương 3: Nghệ thuật vẽ móng***Thời gian: 14 giờ*

- Hiểu và đánh giá được các sản phẩm, hóa chất sử dụng để vẽ móng
  - Sinh viên vẽ được bộ móng như mẫu
  - Sinh viên tự thiết kế và thực hiện được bộ móng theo yêu cầu
1. Hiểu biết chung
    - 1.1. Khái niệm
    - 1.2. Mục tiêu
    - 1.3. Các sản phẩm sử dụng
  2. Các kỹ thuật vẽ móng
    - 2.1. Cọ kim
    - 2.2. Cọ nét
    - 2.3. Cọ bản
    - 2.4. Cọ râu
    - 2.5. Cọ chấm bi

**Chương 4: Đắp móng bột***Thời gian: 15 giờ*

- Hiểu và đánh giá được các sản phẩm, hóa chất sử dụng để vẽ móng
  - Sinh viên vẽ được bộ móng như mẫu
  - Sinh viên tự thiết kế và thực hiện được bộ móng theo yêu cầu
1. Hiểu biết chung
    - 1.1. Khái niệm
    - 1.2. Mục tiêu
    - 1.3. Các sản phẩm sử dụng
  2. Các kỹ thuật đắp bột

- 2.1. Form (Tạo khuôn mẫu)
- 2.2. Pink and white (Hồng và trắng)
- 2.3. Đắp đầu móng kim tuyến
- 2.4. Silk (lụa)
- 2.5. Natural (tự nhiên)
- 2.6. Clear (trong suốt)
- 2.7. Fill móng

**Chương 5: Vẽ bột nổi (3D)***Thời gian: 17 giờ*

- Hiểu và đánh giá được các sản phẩm, hóa chất sử dụng để vẽ móng
- Sinh viên vẽ được bộ móng như mẫu
- Sinh viên tự thiết kế và thực hiện được bộ móng theo yêu cầu

**1. Hiểu biết chung**

- 1.1. Khái niệm
- 1.2. Mục tiêu
- 1.3. Các sản phẩm sử dụng

**2. Các kỹ thuật vẽ bột nổi**

- 2.1. Kỹ thuật lấy giọt
- 2.2. Kỹ thuật tạo hoa và cánh
- 2.3. Kỹ thuật tạo lá
- 2.4. Kỹ thuật kết hoa và đính hoa

## Chương 6: Đắp Gel

Thời gian: 16 giờ

- Hiểu và đánh giá được các sản phẩm, hóa chất sử dụng để vẽ móng
- Sinh viên vẽ được bộ móng như mẫu
- Sinh viên tự thiết kế và thực hiện được bộ móng theo yêu cầu

### 1. Hiểu biết chung

- 1.1. Khái niệm
- 1.2. Mục tiêu
- 1.3. Các sản phẩm sử dụng

### 2. Các kỹ thuật đắp gel

- 2.1. Đắp Gel ẩn hoa khô
- 2.2. Đắp kim tuyến, xà cừ đầu móng
- 2.3. Đắp ẩn nổi 3D
- 2.4. Đắp gel kim tuyến, gel màu
- 2.5. Đắp sơn thủy
- 2.6. Đắp đầu móng (Fench Tip Gel)
- 2.7. Kỹ thuật rải kim tuyến đính đá
- 2.8. Đắp móng thủy tinh
- 2.9. Kỹ thuật refill
- 2.10. Kỹ thuật sơn gel

## IV. ĐIỀU KIỆN THỰC HIỆN MÔN HỌC:

### 1. Lớp học

- Phòng học thực hành;
- Phòng học lý thuyết.
- Cơ sở thực tập.

### 2. Trang thiết bị dạy học

- Máy chiếu projector;
- Máy vi tính;
- Âm li, loa;
- Micro.

STT	Tên dụng cụ	ĐVT	Số lượng	Ghi chú
1	Nước sơn	Lọ	05	
2	Cọ vẽ	Chiếc	15	Nhiều loại
3	Nước tẩy móng tay	Lọ	02	
4	Gel màu	Lọ	02	
5	Dũa móng tay	Chiếc	03	Nhiều loại
6	Máy làm khô móng tay	Chiếc	01	



7	Móng giả	Bộ	06	
8	Bồn ngâm móng	Chiếc	03	
9	Thau nhỏ	Chiếc	04	
10	Gel làm mềm da	Lọ	03	
11	Khăn bông	Chiếc	03	
12	Bộ in móng tay hàn quốc	Bộ	04	
13	Dụng cụ vẽ móng	Bộ	02	

### 3. Học liệu

- Giáo trình Chăm sóc và nghệ thuật móng;
- Đề cương bài giảng, giáo án;
- Tài liệu phát tay, băng đĩa video và các tài liệu liên quan khác;
- Câu hỏi, bài tập thực hành.

## V. PHƯƠNG PHÁP VÀ NỘI DUNG ĐÁNH GIÁ:

### 1. Phương pháp đánh giá:

- Thực hành: Sinh viên tự thiết kế mẫu móng theo từng kỹ thuật được yêu cầu.

### 2. Nội dung đánh giá:

- Kiến thức:
  - + Có hiểu biết về móng, về ngành nghề làm móng
  - + Có hiểu biết về các loại hóa chất sử dụng, phương pháp sử dụng
  - + Phân biệt được các kỹ thuật làm móng khác nhau
- Kỹ năng: Có thể thực hiện được các mẫu móng theo như yêu cầu.
- Thái độ: Có ý thức tự giác, trách nhiệm trong học tập, có tinh thần hợp tác, giúp đỡ lẫn nhau: tham gia đầy đủ thời lượng lý thuyết và thực hành môn học.

## VI. HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN MÔN HỌC:

### 1. Phạm vi áp dụng môn học:

- Chương trình môn học được sử dụng để giảng dạy cho trình độ Trung cấp.

### 2. Hướng dẫn một số điểm chính về phương pháp giảng dạy môn học:

- Để giúp sinh viên nắm những kiến thức cơ sở cần thiết, sau mỗi bài cần giao các câu hỏi, bài tập tự làm ngoài giờ. Các câu hỏi chỉ ở mức độ đơn giản, trung bình phù hợp với phần lý thuyết đã học:
- Thực hành trên các mô hình giúp sinh viên có kỹ năng thực hành và bổ sung phần kiến thức lý thuyết đã học
- Khi giảng dạy giảng viên có thể sử dụng kết hợp máy vi tính, máy đèn chiếu, áp dụng các loại giáo án điện tử.

### 3. Những trọng tâm chương trình cần chú ý:

- Trọng tâm môn học là các phần 1, 2, 3

4. Tài liệu cần tham khảo:

- Habia nail forum– Nguyên tắc nghề nghiệp cho ngành làm móng, 2007
- Chương trình đào tạo nghề của World Nail School

## CHƯƠNG TRÌNH MÔN HỌC

### NÓI MI THẨM MỸ

**Tên môn học:** Nói mi thẩm mỹ

**Mã môn học:** MHN 21

**Số tín chỉ:** 3 TC (1 LT, 2 TH)

**Thời gian thực hiện môn học:** 75 giờ; (Lý thuyết: 15 giờ; Thực hành, thí nghiệm, thảo luận, bài tập: 57 giờ; Kiểm tra: 3 giờ)

#### I. VỊ TRÍ, TÍNH CHẤT CỦA MÔN HỌC:

- Vị trí: Là môn học được tổ chức giảng dạy sau các môn học cơ sở nghề và song song với các môn học chuyên môn nghề; Môn học được bố trí sau môn học MHN 17.
- Tính chất: Là môn học chuyên môn nghề bắt buộc.

#### II. MỤC TIÊU MÔN HỌC:

- Kiến thức về sự phát triển lông mi tự nhiên, các bệnh về mi
- Nguyên tắc kỹ thuật nối mi
- Các kỹ thuật nối mi: mi lựa dạng sợi, mi lựa dạng chùm, Light, màu
- Biết cách tạo dạng mi đẹp, phù hợp từng kiểu mắt
- Cách khắc phục, xử lý các sai sót trong quá trình nối mi và chăm sóc khách hàng sau khi nối
- Cách Uốn mi 2D, 3D, 6D công nghệ Hàn Quốc, Thái, uốn mi collagen siêu dưỡng chất

#### III. NỘI DUNG MÔN HỌC:

1. Nội dung tổng quát và phân phối thời gian:

Số TT	Tên các bài trong môn học	Thời gian (giờ)			
		Tổng số	LT	TH	Kiểm tra*
1	Chương 1: Cấu tạo của mi người, các bệnh về mi	3	3		
2	Chương 2: Nguyên tắc cơ bản của kỹ thuật nối mi	4	3		1
3	Chương 3: Các kỹ thuật nối mi	22	4	17	1
4	Chương 4: Kỹ thuật uốn mi	41	5	35	1
5	Chương 5: Chăm sóc sau nối mi	5		5	
	<b>Cộng</b>	<b>75</b>	<b>15</b>	<b>57</b>	<b>3</b>

\* Ghi chú: Thời gian kiểm tra lý thuyết được tích hợp giữa lý thuyết với thực hành được tính bằng giờ thực hành.

2. Nội dung chi tiết:

**Chương 1: Cấu tạo của mi người, các bệnh về mi**

*Thời gian: 3 giờ*

- Sự phát triển của lông mi tự nhiên
- Các bệnh về mi: Viêm bờ mi, dị ứng, đỏ mắt, cay mắt

**Chương 2: Nguyên tắc cơ bản của kỹ thuật nối mi**

*Thời gian: 4 giờ*

- Mi nhẹ, có độ dài, độ dày và độ cong phù hợp với lông mi tự nhiên
- Keo nối mi phải phù hợp với tay nghề thợ nối mi
- Không bị dính mi
- Không cắm mi vào bờ mi

### **Chương 3: Các kỹ thuật nối mi**

*Thời gian: 22 giờ*

- Vai trò của mi nối
- Tìm hiểu về mi tự nhiên
- Các bệnh lý liên quan đến mắt do nối mi, uốn mi
- Các kiến thức về mi nối
- Nối mi Classic chuẩn quốc tế
- Nối mi ấn tượng với các dáng mi khác nhau
- Hướng dẫn cách sử dụng tất cả lông mi và các dụng cụ nối mi
- Kỹ thuật nối mi lựa dạng sợi
- Kỹ thuật nối mi lựa dạng chùm
- Kỹ thuật nối mi Light
- Kỹ thuật nối mi màu
- Cách tạo dạng mi đẹp, phù hợp từng kiểu mắt
- Cách tháo gỡ mi, bảo quản keo mi, lựa chọn mi
- Cách khắc phục, xử lý các sai sót trong quá trình nối mi
- Cách chăm sóc khách hàng sau khi nối

### **Chương 4: Kỹ thuật uốn mi**

*Thời gian: 41 giờ*

- Uốn mi 2D
- Uốn mi, 6D công nghệ Hàn Quốc
- Uốn mi collagen siêu dưỡng chất
- Uốn mi 6D collagen Thái

### **Chương 5: Chăm sóc sau nối mi**

*Thời gian: 5 giờ*

## **IV. ĐIỀU KIỆN THỰC HIỆN MÔN HỌC:**

### **1. Lớp học**

- Phòng học thực hành;
- Phòng học lý thuyết.

### **2. Trang thiết bị dạy học**

- Máy chiếu projector;
- Máy vi tính;
- Âm li, loa;
- Micro.
- Thiết bị chuyên môn:

STT	Tên dụng cụ	ĐVT	Số lượng	Ghi chú
1	Keo nối mi	Tip	05	Nhiều loại
2	Kem gỡ mi	Lọ	01	
3	Sáp tháo mi	Lọ	02	
4	Gel tháo mi	Tip	01	
5	Nước rửa dụng cụ	Lọ	01	
6	Miếng dán dưới mắt	Miếng	06	
7	Nhíp gấp mi	Chiếc	03	
8	Mi giả	Chiếc	06	
9	Chổi chải mi	Chiếc	03	
10	Chổi gỡ mi	Chiếc	03	
11	Băng dính nối mi	Cuộn	03	
12	Bóng bóp khô mi	Chiếc	03	
13	Găng tay vô khuẩn	Hộp	03	

### 3. Học liệu

- Giáo trình Nối mi thẩm mỹ;
- Đề cương bài giảng, giáo án;
- Tài liệu phát tay, băng đĩa video và các tài liệu liên quan khác;
- Câu hỏi, bài tập thực hành.

## V. PHƯƠNG PHÁP VÀ NỘI DUNG ĐÁNH GIÁ:

### 1. Phương pháp đánh giá:

- Đánh giá trong quá trình học: Kiểm tra theo hình thức: Bài tập thảo luận nhóm, bài kiểm tra viết (Tự luận và trắc nghiệm).
- Đánh giá cuối môn học: Bài thi theo hình thức: Bài tập thực hành và bài thi Viết (Tự luận, Trắc nghiệm).

### 2. Nội dung: đánh giá:

- Kiến thức về sự phát triển lông mi tự nhiên, các bệnh về mi
- Kỹ thuật nối mi: mi lựa dạng sợi, mi lựa dạng chùm, Light, màu
- Khắc phục, xử lý các sai sót trong quá trình nối mi và chăm sóc khách hàng sau khi nối
- Uốn mi 2D, 3D, 6D công nghệ Hàn Quốc, Thái, uốn mi collagen siêu dưỡng chất

## VI. HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN MÔN HỌC:

### 1. Phạm vi áp dụng môn học:

- Chương trình môn học được sử dụng để giảng dạy cho trình độ Trung cấp.

### 2. Hướng dẫn một số điểm chính về phương pháp giảng dạy môn học:

- Giáo viên trình bày lý thuyết trên lớp những phần căn bản và trọng tâm.
- Giáo viên hướng dẫn sinh viên thực hành nghiệp vụ trên lớp trên nền tảng lý thuyết đã học.
- Giáo viên gợi mở và hướng dẫn những nội dung mở rộng cần nghiên cứu, sinh viên tự đọc tài liệu và làm bài tập để tìm hiểu thêm và củng cố kiến thức đáp ứng yêu cầu kiểm tra của giáo viên.

3. Những trọng tâm môn học cần chú ý:

- Chương 3, 4.

4. Tài liệu cần tham khảo:

- <http://vietbeautymag.com/ky-thuat-noi-mi-tu-don-gian-den-hoan-thien/>
- <http://tienthanhbeauty.com/products/giao-trinh-noi-mi-uon-mi-co-ban-den-nang-cao>

## CHƯƠNG TRÌNH MÔN HỌC

### CHĂM SÓC DA NÂNG CAO

**Tên môn học:** Chăm sóc da nâng cao

**Mã số của môn học:** MHN 22

**Số tín chỉ:** 3 TC (1 LT, 2 TH)

**Thời gian của môn học:** 75 giờ; (Lý thuyết: 15 giờ; Thực hành, thí nghiệm, thảo luận, bài tập: 52 giờ; Kiểm tra: 8 giờ)

#### I. VỊ TRÍ, TÍNH CHẤT CỦA MÔN HỌC:

- Vị trí: Môn học chăm sóc da được bố trí sau các môn học chung về đại cương. Môn học được bố trí sau môn học MHN 14, MHN 15, MHN 16.
- Tính chất: Là môn cơ sở chuyên ngành: thuộc môn học đào tạo bắt buộc.

#### II. MỤC TIÊU MÔN HỌC:

- Mô tả được những vấn đề chủ yếu của da
- Xác định được các phương pháp chăm sóc da chuyên sâu cho từng loại da
- Ứng dụng các hiểu biết của môn học vào các môn học khác để chăm sóc da một cách tốt nhất.

#### III. NỘI DUNG MÔN HỌC:

##### 1. Nội dung tổng quát và phân phối thời gian

Số TT	Tên các bài trong mô đun	Thời gian			
		Tổng số	Lý thuyết	Thực hành	Kiểm tra *
1	Chăm sóc da mặt chuyên sâu	14	3	10	1
2	Đặc trị các bệnh về da	14	3	10	1
3	Trẻ hóa làn da	15	3	10	2
4	Chăm sóc da toàn thân	17	3	12	2
5	Chăm sóc da kết hợp	15	3	10	2
	<b>Tổng cộng</b>	<b>75</b>	<b>15</b>	<b>52</b>	<b>8</b>

##### 2. Nội dung chi tiết

##### Bài 1: Chăm sóc da mặt chuyên sâu

*Thời gian: 14 giờ*

*Mục tiêu:*

- Nắm được nguyên tắc cơ bản và quy trình chăm sóc da mặt;
- Thực hành được các bước chăm sóc da mặt chuyên sâu

1. Tẩy trang

2. Rửa mặt

3. Tẩy tế bào chết

4. Se khít lỗ chân lông

## 5. Dưỡng da

### Bài 2: **Đặc trị các bệnh về da mặt**

*Thời gian: 14 giờ*

#### *Mục tiêu:*

- Nắm được nguyên tắc và các phương pháp cơ bản điều trị các bệnh về da;
- Trình bày và thực hành được các phương pháp khác nhau đặc trị bệnh về da

1. Đặc trị da nhạy cảm
2. Đặc trị da mụn thâm
3. Đặc trị làm trắng da bằng công nghệ sinh học
4. Đặc trị giảm nám và tàn nhang
5. Điều trị da se
6. Thu nhỏ lỗ chân lông

### Bài 3: **Trẻ hóa làn da**

*Thời gian: 15 giờ*

#### *Mục tiêu:*

- Nắm được nguyên tắc và các phương pháp cơ bản giúp trẻ hóa làn da;
- Trình bày và thực hành được các phương pháp kết hợp khác nhau giúp trẻ hóa làn da

1. Chống oxy hóa và cung cấp năng lượng cho da
2. Trẻ hóa da, nâng cơ và làm đầy các nếp nhăn bằng Tảo Nam Cực
3. Trẻ hóa da bằng vitamin và serum
4. Trẻ hóa da bằng oxy tinh khiết
5. Trẻ hóa da bằng mặt nạ vàng
6. Trẻ hóa và làm trắng da bằng mặt nạ DNA

### Bài 4: **Chăm sóc da toàn thân**

*Thời gian: 17 giờ*

#### *Mục tiêu:*

- Hiểu và có thể thực hành quy trình chăm sóc da toàn thân
- Tư vấn được cho khách hàng các gói sản phẩm phù hợp

1. Trị liệu thư giãn toàn thân
2. Tẩy da chết toàn thân
3. Chăm sóc và dưỡng thể
4. Tắm trắng toàn thân
5. Trị liệu bấm huyệt

### Bài 5: **Chăm sóc da kết hợp**

*Thời gian: 15 giờ*

#### *Mục tiêu:*

- Hiểu và trình bày được các kết hợp trong việc chăm sóc cho từng loại da
- Trình bày được tầm quan trọng của từng kết hợp

1. Dinh dưỡng và chăm sóc da
2. Vận động và chăm sóc da
3. Giấc ngủ và chăm sóc da



#### 4. Tinh thần và chăm sóc da

### **IV. ĐIỀU KIỆN THỰC HIỆN MÔN HỌC:**

#### 1. Lớp học

- Phòng học thực hành;
- Phòng học lý thuyết.

#### 2. Trang thiết bị dạy học

- Máy chiếu projector;
- Máy vi tính;
- Âm li, loa;
- Micro.

#### 3. Học liệu

- Giáo trình Chăm sóc da nâng cao;
- Đề cương bài giảng, giáo án;
- Tài liệu phát tay, băng đĩa video và các tài liệu liên quan khác;
- Câu hỏi, bài tập thực hành.

### **V. PHƯƠNG PHÁP VÀ NỘI DUNG ĐÁNH GIÁ:**

#### 1. Phương pháp đánh giá:

- Vấn đáp, trắc nghiệm, viết: Nêu các câu hỏi trọng tâm trong mỗi bài nhằm kiểm tra mức độ tiếp thu bài học của sinh viên.

#### 2. Nội dung đánh giá:

- Kiến thức:
  - + Kiến thức cơ bản về cấu trúc da và các yếu tố ảnh hưởng tới da, đặc biệt là các vùng da tiếp xúc nhiều với môi trường.
  - + Kiến thức cơ bản về chức năng bảo vệ da và phương pháp sử dụng các sản phẩm hỗ trợ da
- Kỹ năng: Ứng dụng các hiểu biết của môn học và chăm sóc da cơ bản
- Thái độ: Có ý thức tự giác, trách nhiệm trong học tập, có tinh thần hợp tác, giúp đỡ lẫn nhau: tham gia đầy đủ thời lượng lý thuyết và thực hành môn học chăm sóc da cơ bản.

### **VI. HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN MÔN HỌC:**

#### 1. Phạm vi áp dụng môn học:

- Chương trình môn học được sử dụng để giảng dạy cho trình độ Trung cấp.

#### 2. Hướng dẫn một số điểm chính về phương pháp giảng dạy môn học:

- Để giúp sinh viên nắm những kiến thức cơ sở cần thiết, sau mỗi bài cần giao các câu hỏi, bài tập tự làm ngoài giờ. Các câu hỏi chỉ ở mức độ đơn giản, trung bình phù hợp với phần lý thuyết đã học:

- Thực hành trên các mô hình giải phẫu giúp sinh viên có kỹ năng thực hành và bổ sung phần kiến thức lý thuyết đã học, đồng thời trang bị cho sinh viên một phần kiến thức và kỹ năng trước khi học các môn chuyên ngành: Chăm sóc sắc đẹp
- Khi giảng dạy giảng viên có thể sử dụng kết hợp máy vi tính, máy đèn chiếu, áp dụng các loại giáo án điện tử.

3. Những trọng tâm môn học cần chú ý:

4. Tài liệu:

- Chăm sóc da nâng cao – Thẩm mỹ viện Thu Cúc

## CHƯƠNG TRÌNH MÔN HỌC

### TRANG ĐIỂM NÂNG CAO

**Tên môn học:** Trang điểm nâng cao

**Mã số của môn học:** MHN 23

**Số tín chỉ:** 3TC (1 LT, 2 TH)

**Thời gian của môn học:** 75 giờ; (Lý thuyết: 15 giờ; Thực hành, thí nghiệm, thảo luận, bài tập: 52 giờ; Kiểm tra: 8 giờ)

#### I. VỊ TRÍ, TÍNH CHẤT CỦA MÔN HỌC:

- Vị trí: Môn học Trang điểm nâng cao được bố trí sau các môn học chung về đại cương. Môn học được bố trí sau môn học MHN 18.
- Tính chất: Là môn cơ sở chuyên ngành: thuộc môn học đào tạo bắt buộc.

#### II. MỤC TIÊU MÔN HỌC:

- Mô tả được những đặc điểm cấu trúc cơ bản nhất về da và cấu trúc gương mặt
- Nêu những nguyên tắc và thực hành trang điểm cho từng phong cách và trường hợp cụ thể

#### III. NỘI DUNG MÔN HỌC:

##### 1. Nội dung tổng quát và phân phối thời gian

Số TT	Tên các bài trong mô đun	Thời gian (giờ)			
		Tổng số	Lý thuyết	Thực hành	Kiểm tra *
1	Tổng quan kỹ thuật trang điểm	3	3		
2	Trang điểm Cô dâu - Dạ tiệc	17	3	12	2
3	Trang điểm theo xu hướng cổ điển	17	3	12	2
4	Trang điểm phong cách quốc tế	19	3	14	2
5	Trang điểm nghệ thuật	19	3	14	2
	<b>Tổng cộng</b>	<b>75</b>	<b>15</b>	<b>52</b>	<b>8</b>

##### 2. Nội dung chi tiết

#### **Bài 1: Tổng quan kỹ thuật trang điểm**

*Thời gian: 3 giờ*

*Mục tiêu:*

- Trình bày được các kỹ thuật từ cơ bản tới nâng cao để thực hiện trang điểm
- Thực hành trang điểm trên từng khuôn mặt với các loại da khác nhau
  1. Kiến thức cấu tạo xương mặt & các vùng trên mặt.
  2. Phương pháp chọn các loại mỹ phẩm trang điểm phù hợp.
  3. Kỹ thuật điều chỉnh màu sắc
  4. Kỹ thuật trang điểm nền
  5. Kỹ thuật che khuyết điểm
  6. Kỹ thuật trang điểm mắt

7. Kỹ thuật trang điểm môi
8. Kỹ thuật trang điểm má hồng
9. Kỹ thuật tạo điểm sáng - tối trên khuôn mặt
10. Màu sắc và cách phối màu

**Bài 2: Trang điểm Cô dâu - Dạ tiệc**

*Thời gian: 17 giờ*

*Mục tiêu:*

- Thực hiện được trang điểm cô dâu và dạ tiệc theo từng chủ đề
- Phân biệt và thực hiện được phong cách trang điểm cho ban ngày và ban đêm
  1. Trang điểm phong cách Ngọt ngào
  2. Trang điểm phong cách thể thao
  3. Trang điểm phong cách quyến rũ
  4. Trang điểm phong cách hoang dã
  5. Trang điểm phong cách lãng mạn
  6. Trang điểm phong cách trẻ trung
  7. Trang điểm phong cách thanh lịch
  8. Trang điểm phong cách mạnh mẽ, cứng rắn

**Bài 3: Trang điểm theo xu hướng cổ điển**

*Thời gian: 17 giờ*

*Mục tiêu:*

- Trình bày được các điểm đặc trưng trong phong cách trang điểm từng thời kỳ
- Thực hành trang điểm theo các xu hướng dựa trên các ngôi sao nổi bật từng thời kỳ: Marilyn Monroe, Audrey Hepburn, Twiggy và Hippy
  1. Trang điểm theo xu hướng thập niên Năm 1920s
  2. Trang điểm theo xu hướng thập niên 1930s
  3. Trang điểm thập niên 1950s
  4. Trang điểm thập niên 1960s
  5. Trang điểm thập niên 1980s
  6. Trang điểm ngôi sao

**Bài 4: Trang điểm phong cách quốc tế**

*Thời gian: 19 giờ*

*Mục tiêu:*

- Trình bày được các điểm đặc trưng trong phong cách trang điểm từng khu vực
- Thực hành trang điểm theo từng phong cách
  1. Trang điểm phong cách Hàn Quốc
  2. Trang điểm phong cách Nhật Bản
  3. Trang điểm phong cách Âu Mỹ
  4. Trang điểm phong cách Trung Đông

**Bài 5: Trang điểm nghệ thuật**

*Thời gian: 19 giờ*

*Mục tiêu:*

- Trình bày được kỹ thuật pha màu & sử dụng cọ, kỹ thuật ứng dụng màu sắc.
- Có thể trang điểm sáng tạo theo từng thương hiệu, từng chủ đề
- Thực hành được hóa trang già, hóa trang vết thương có tính lập thể, 3D
  1. Face painting
  2. Body painting
  3. Trang điểm sáng tạo theo thương hiệu
  4. Hóa trang

#### IV. ĐIỀU KIỆN THỰC HIỆN MÔN HỌC:

##### 1. Lớp học

- Phòng học thực hành;
- Phòng học lý thuyết.

##### 2. Trang thiết bị dạy học

- Máy chiếu projector;
- Máy vi tính;
- Âm li, loa;
- Micro.
- Thiết bị chuyên môn:

STT	Tên dụng cụ	ĐVT	Số lượng	Ghi chú
1	Bàn chải Mascara	Cái	10	
2	Bao tay nilong	Hộp	1	
3	Bình xịt nước	Chiếc	2	
4	Bộ cọ đa năng	Bộ	3	
5	Bộ dụng cụ tẩy trang	Bộ	5	
6	Bồn rửa dụng cụ	Chiếc	1	
7	Bông tẩy trang	Bịch	5	
8	Cây uốn tóc	Chiếc	3	
9	Cọ nhuộm	Chiếc	5	
10	Chì kẻ lông mày	Cái	10	
11	Chì kẻ mắt	Cây	20	Nhiều màu
12	Đồ kẹp tóc	Chiếc	1	
13	Kéo cắt tóc	Chiếc	3	
14	Kẹp mở vệt, càng cua	Chiếc	10	
15	Kìm bấm mí	Cái	10	
16	Khay đựng dụng cụ	Chiếc	2	

17	Khăn bọt	Chiếc	3	
18	Khăn bông	Chiếc	3	
19	Khăn choàng vải	Chiếc	2	
20	Ống quần tóc	Chiếc	10	
21	Phấn đánh mắt	Cái		
22	Phấn kẻ lông mày	Hộp	10	
23	Phấn má hồng	Hộp nén	3	Nhiều loại
24	Phấn nền	Tip	5	Nhiều loại
25	Phấn phủ	Hộp	5	Nhiều loại

### 3. Học liệu

- Giáo trình Trang điểm nâng cao;
- Đề cương bài giảng, giáo án;
- Tài liệu phát tay, băng đĩa video và các tài liệu liên quan khác;
- Câu hỏi, bài tập thực hành.

## V. PHƯƠNG PHÁP VÀ NỘI DUNG ĐÁNH GIÁ:

### 1. Phương pháp đánh giá:

- Thực hành theo từng chủ đề cho trước

### 2. Nội dung đánh giá:

- Kiến thức: Kiến thức về trang điểm và các phong cách nâng cao.
- Kỹ năng: Ứng dụng các hiểu biết của môn học vào trang điểm chuyên nghiệp
- Thái độ: Có ý thức tự giác, trách nhiệm trong học tập, có tinh thần hợp tác, giúp đỡ lẫn nhau: tham gia đầy đủ thời lượng lý thuyết và thực hành môn học.

## VI. HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN MÔN HỌC:

### 1. Phạm vi áp dụng môn học:

- Chương trình môn học được sử dụng để giảng dạy cho trình độ Trung cấp.

### 2. Hướng dẫn một số điểm chính về phương pháp giảng dạy môn học:

- Thực hành trên người giúp sinh viên có kỹ năng thực hành và bổ sung phần kiến thức lý thuyết đã học.
- Khi giảng dạy giảng viên có thể sử dụng kết hợp máy vi tính, máy đèn chiếu, áp dụng các loại giáo án điện tử.

### 3. Những trọng tâm môn học cần chú ý:

### 4. Tài liệu:

- Đào tạo nghề trang điểm – Trung Tâm Dạy Nghề Thẩm Mỹ Nguyễn Hoàng

## CHƯƠNG TRÌNH MÔN HỌC

### CHỐNG SỐC PHẢN VỆ

**Tên môn học:** Chống sốc phản vệ

**Mã số của môn học:** MHN 24

**Số tín chỉ:** 3 TC (1 LT, 2 TH)

**Thời gian của môn học:** 75 giờ; (Lý thuyết: 15 giờ; Thực hành, thí nghiệm, thảo luận, bài tập: 57 giờ; Kiểm tra: 3 giờ)

#### I. VỊ TRÍ, TÍNH CHẤT CỦA MÔN HỌC:

Vị trí: Môn học được bố trí sau các môn học chung về đại cương. Môn học được bố trí sau môn học MHN 09.

Tính chất: Là môn cơ sở chuyên ngành; thuộc môn học đào tạo tự chọn.

#### II. MỤC TIÊU MÔN HỌC:

- Trình bày được khái niệm, những nguyên nhân của sốc phản vệ và các cơ chế bệnh sinh.
- Nhận biết được các triệu chứng lâm sàng, xét nghiệm cận lâm sàng.
- Biết chẩn đoán sốc phản vệ, chuẩn đoán xác định, chẩn đoán phân biệt, chẩn đoán nguyên nhân.
- Biết nguyên tắc cấp cứu, cấp cứu điều trị theo tuyến, điều trị chuyên khoa, dự phòng.

#### III. NỘI DUNG MÔN HỌC:

1. Nội dung tổng quát và phân phối thời gian:

STT	Tên bài	Thời gian (giờ)			
		TS	LT	TH	KT
1	Bài 1: Đại cương sốc phản vệ	5	5		
2	Bài 2: Triệu chứng sốc phản vệ	16	5	10	1
3	Bài 3: Chẩn đoán sốc phản vệ	24	3	20	1
4	Bài 4: Cấp cứu, điều trị	30	2	27	1
<b>Cộng</b>		<b>75</b>	<b>15</b>	<b>57</b>	<b>3</b>

2. Nội dung chi tiết:

##### **Bài 1: Đại cương sốc phản vệ**

*Thời gian: 5 giờ*

- 1.1. Khái niệm
- 1.2. Những nguyên nhân của sốc phản vệ
- 1.3. Cơ chế bệnh sinh.

##### **Bài 2: Triệu chứng sốc phản vệ**

*Thời gian: 16 giờ*

- 2.1. Triệu chứng lâm sàng
  - 2.1.1. Diễn biến nhẹ
  - 2.1.2. Diễn biến trung bình

### 2.1.3. Diễn biến nặng

## 2.2. Xét nghiệm cận lâm sàng

### **Bài 3: Chẩn đoán sóc phản vệ**

*Thời gian: 24 giờ*

#### 3.1. Chẩn đoán xác định.

##### 3.1.1. Tiêu chuẩn 1

##### 3.1.2. Tiêu chuẩn 2

##### 3.1.3. Tiêu chuẩn 3

#### 3.2. Chẩn đoán phân biệt.

#### 3.3. Chẩn đoán nguyên nhân.

##### 3.3.1. Các test bì

##### 3.3.2. Các phương pháp hiện đại chẩn đoán dị ứng thuốc.

### **Bài 4: Cấp cứu, điều trị**

*Thời gian: 30 giờ*

#### 4.1. Nguyên tắc cấp cứu.

#### 4.2. Cấp cứu, điều trị theo tuyến

##### 4.2.1. Tại chỗ

##### 4.2.2. Điều trị chung

#### 4.3. Điều trị chuyên khoa

##### 4.3.1. Hô hấp

##### 4.3.2. Tuần hoàn

##### 4.3.3. Cấp cứu ngừng tim phổi do sóc phản vệ

##### 4.3.4. Các điều trị khác

##### 4.3.5. Theo dõi sau cấp cứu

#### 4.4. Dự phòng.

## **IV. ĐIỀU KIỆN THỰC HIỆN MÔN HỌC:**

### 1. Lớp học

- Phòng học thực hành;
- Phòng học lý thuyết.
- Cơ sở thực tập.

### 2. Trang thiết bị dạy học

- Máy chiếu projector;
- Máy vi tính;
- Âm li, loa;
- Micro.
- Thiết bị giảng dạy chuyên biệt

### 3. Học liệu

- Đề cương bài giảng, giáo án;
- Tài liệu phát tay, băng đĩa video và các tài liệu liên quan khác;



- Câu hỏi, bài tập thực hành.

## **V. PHƯƠNG PHÁP VÀ NỘI DUNG ĐÁNH GIÁ:**

### 1. Phương pháp đánh giá:

- Vấn đáp, trắc nghiệm, viết: Nêu các câu hỏi trọng tâm trong mỗi bài nhằm kiểm tra mức độ tiếp thu bài học của sinh viên.

### 2. Nội dung đánh giá:

- Trình bày được khái niệm, những nguyên nhân của sốc phản vệ và các cơ chế bệnh sinh.
- Nhận biết được các triệu chứng lâm sàng, xét nghiệm cận lâm sàng.
- Biết chẩn đoán sốc phản vệ, chuẩn đoán xác định, chẩn đoán phân biệt, chẩn đoán nguyên nhân.
- Biết nguyên tắc cấp cứu, cấp cứu điều trị theo tuyến, điều trị chuyên khoa, dự phòng.

## **VI. HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN MÔN HỌC:**

### 1. Phạm vi áp dụng môn học:

- Chương trình môn học được sử dụng để giảng dạy cho trình độ Trung cấp.

### 2. Hướng dẫn một số điểm chính về phương pháp giảng dạy môn học:

- Để giúp sinh viên nắm những kiến thức cơ sở cần thiết, sau mỗi bài cần giao các câu hỏi, bài tập tự làm ngoài giờ. Các câu hỏi chỉ ở mức độ đơn giản, trung bình phù hợp với phần lý thuyết đã học:
- Khi giảng dạy giảng viên có thể sử dụng kết hợp máy vi tính, máy đèn chiếu, áp dụng các loại giáo án điện tử.

### 3. Những trọng tâm chương trình cần chú ý:

- Bài 2, 3, 4

### 4. Tài liệu cần tham khảo:

- Cheng A. Emergency treatment of anaphylaxis in infants and children. A Canadian Paediatric Society Acute Care Committee, Paediatr Child Health 2011; 16(1):35-40
- Tang A. A Practical Guide to Anaphylaxis, Am Fam Physician 2003;68:1325-32,1339-40.
- Wagner R. Anaphylaxis in Paediatric patient: optimize management and prevention. J Pediatr Health Care 2013;27,55-517
- Chipp BE, Update in Pediatric anaphylaxis: A Systematic Review, Clinical Pediatrics 2013, 52; 541
- Boyce JA et al. Guidelines for the Diagnosis and Management of Food Allergy in the United States: Summary of the NIAID Sponsored Expert Panel Report, J Allergy Clin Immunol 2010; 126(suppl 1):51-558
- Nowak R et al. Customizing Anaphylaxis Guidelines for Emergency Medicine, J Emerg Medicine 2013; 45(2); 299-306

## CHƯƠNG TRÌNH MÔN HỌC Y HỌC CỔ TRUYỀN

**Tên môn học:** Y học cổ truyền

**Mã số của môn học:** MHN 25

**Số tín chỉ:** 3TC (1 LT, 2 TH)

**Thời gian của môn học:** 75 giờ; (Lý thuyết: 15 giờ; Thực hành, thí nghiệm, thảo luận, bài tập: 57 giờ; Kiểm tra: 3 giờ)

### I. VỊ TRÍ, TÍNH CHẤT CỦA MÔN HỌC:

- Vị trí: Môn học Y học cổ truyền được bố trí sau các môn học chung về đại cương.
- Tính chất: Là môn cơ sở chuyên ngành: thuộc môn học đào tạo bắt buộc.

### II. MỤC TIÊU MÔN HỌC: Sau khi học xong sinh viên có khả năng

- Trình bày được những kiến thức cơ bản về đại cương y học cổ truyền dân tộc.
- Trình bày được các biện pháp nâng cao sức khỏe bằng y học cổ truyền dân tộc.
- Lập được kế hoạch và tổ chức thực hành được việc chăm sóc các vấn đề sức khỏe có liên quan đến y học cổ truyền dân tộc.

### III. NỘI DUNG MÔN HỌC:

#### 1. Nội dung tổng quát và phân phối thời gian

Số TT	Tên các bài trong mô đun	Thời gian			
		Tổng số	Lý thuyết	Thực hành	Kiểm tra *
1	Học thuyết âm dương ngũ hành và ứng dụng trong y học cổ truyền	4	2	2	
2	Các phương pháp chẩn đoán và chữa bệnh theo y học cổ truyền	6	2	4	
3	Nguyên nhân gây bệnh theo y học cổ truyền	7	2	5	
4	Đại cương về hệ kinh lạc và kỹ thuật châm cứu	7	2	5	
5	Huyết. Cách xác định một số huyết thông thường	7	1	6	1
6	Công thức châm cứu chữa bệnh thông thường	8	2	6	
7	Dưỡng sinh và tập luyện dưỡng sinh	7	2	5	
8	Xoa bóp, bấm huyết để chữa một số bệnh thông thường gặp	8	1	6	1
9	Cây thuốc nam và các tính năng chữa bệnh của cây thuốc nam	7	1	6	
10	Thực hành lâm sàng	13		12	1
	<b>Tổng cộng</b>	<b>75</b>	<b>15</b>	<b>57</b>	<b>3</b>

#### 2. Nội dung chi tiết

##### Bài 1: Học thuyết âm dương ngũ hành và ứng dụng trong y học cổ truyền

*Thời gian: 4 giờ*

*Mục tiêu:*

- Trình bày được khi niệm m dương v giải thích được 4 qui luật của m dương.
- Trình bày được ứng dụng m dương vo y học
- Trình bày được nội dung của Học thuyết Ngũ Hành.
- Giải thích được 2 qui luật bình thường và 2 qui luật bất thường của Ngũ hành.
- Trình bày được ứng dụng của Học thuyết Ngũ hành trong y học.

**Bài 2: Các phương pháp chẩn đoán và chữa bệnh theo y học cổ truyền**

*Thời gian: 6 giờ*

*Mục tiêu:*

- Trình bày được ý nghĩa và những nội dung cơ bản của phương pháp Tứ chẩn
- Trình bày được ý nghĩa và nội dung cơ bản của Bát cương
- Trình bày được những nội dung cơ bản của Bát pháp
- Nêu được những chỉ định và chống chỉ định của bát pháp.

**Bài 3: Nguyên nhân gây bệnh theo y học cổ truyền**

*Thời gian: 7 giờ*

*Mục tiêu:*

- Nêu được đặc tính của lục dm trong nguyên nhân gây bệnh bên ngoài (ngoại nhân) theo YHCT.
- Nêu được đặc tính của thất tinh trong nguyên nhân gây bệnh bên trong (nội nhân) theo YHCT.
- Nêu được đặc tính của nguyên nhân gây bệnh bất nội ngoại nhân theo YHCT
- Chẩn đoán được những nguyên nhân gây bệnh qua các triệu chứng lâm sàng.

**Bài 4: Đại cương về hệ kinh lạc và kỹ thuật châm cứu**

*Thời gian: 7 giờ*

*Mục tiêu:*

- Nêu những tác dụng và mô tả hướng đi của hệ kinh lạc
- Mô tả kỹ thuật châm, cứu và cách phòng và xử lý tai biến khi châm, cứu.
- Nêu đại cương về sinh lý, bệnh lý, chẩn đoán và chữa bệnh của huyết.
- Xác định được vị trí và tác dụng của một huyết cụ thể trong 25 huyết cơ bản.
- Trình bày cơ bản nguyên tắc chọn huyết: tại chỗ, theo đường kinh và chọn huyết đặc hiệu.\
- Nêu được một số công thức châm cứu chữa một số bệnh thường gặp

**Bài 5: Huyết. Cách xác định một số huyết thông thường**

*Thời gian: 7 giờ*

*Mục tiêu:*

- Hiểu và trình bày được các kết hợp trong việc chăm sóc cho từng loại da
  - Trình bày được tầm quan trọng của từng kết hợp
1. Dinh dưỡng và chăm sóc da
  2. Vận động và chăm sóc da
  3. Giấc ngủ và chăm sóc da
  4. Tinh thần và chăm sóc da

**Bài 6: Công thức châm cứu chữa bệnh thông thường**

*Thời gian: 8 giờ*

*Mục tiêu:*

- Hiểu và trình bày được các kết hợp trong việc chăm sóc cho từng loại da
- Trình bày được tầm quan trọng của từng kết hợp

**Bài 7: Dưỡng sinh và tập luyện dưỡng sinh**

*Thời gian: 7 giờ*

*Mục tiêu:*

- Trình bày được vài nét chính về tác giả và nguồn gốc của phương pháp dưỡng sinh.

- Trình bày được định nghĩa và mục đích của PPDS.
- Giải thích được câu thơ của Tuệ-Tĩnh, nội dung của PPDS.
- Kể được các nội dung chính của PPDS.

**Bài 8: Xoa bóp, bấm huyệt để chữa một số bệnh thường gặp**

*Thời gian: 8 giờ*

*Mục tiêu:*

- Mô tả những chỉ định, chống chỉ định, công thức, cách thực hiện nôi xương
- Mô tả những chỉ định, cách làm, những đường của phương pháp.

**Bài 9: Cây thuốc nam và các tính năng chữa bệnh của cây thuốc nam**

*Thời gian: 7 giờ*

*Mục tiêu:*

- Nêu tên, bộ phận dng, tính vị qui kinh, công dụng, tc dụng chữa bệnh, liều dng của cc dược liệu thanh nhiệt. (4 dược liệu: L tre, Si đất, rau sam, huyền sm)
- Nêu tên, bộ phận dng, tính vị qui kinh, công dụng, tc dụng chữa bệnh, liều dng của cc dược liệu trừ hn. (4 dược liệu : Ngì cứu, Quế, Can khương, Đại hồi)
- Nêu tên, bộ phận dng, tính vị qui kinh, công dụng, tc dụng chữa bệnh, liều dng của cc dược liệu lợi tiểu. (4 dược liệu: M đề, Ru mo, Trạch tả, Ý dĩ)
- Nêu tên, bộ phận dng, tính vị qui kinh, công dụng, tc dụng chữa bệnh, liều dng của cc dược liệu hnh khí hoạt huyết. (4 dược liệu: Hương phụ, Trần bì, Ngưu tất, Nghệ vng).
- Nêu tên, bộ phận dng, tính vị qui kinh, công dụng, tc dụng chữa bệnh, liều dng của cc dược liệu an thần. (2 dược liệu: L vong, Lạc tin)
- Nêu tên, bộ phận dng, tính vị qui kinh, công dụng, tc dụng chữa bệnh, liều dng của cc dược liệu trừ ho, long đờm. ( 2dược liệu: Hng chanh, Tang bạch bì)
- Nêu tên, bộ phận dng, tính vị qui kinh, công dụng, tc dụng chữa bệnh, liều dùng của cc dược liệu nhuận trường, chỉ tả. (4 dược liệu: Muồng tru, Vừng đen, Bp ổi, Sim).
- Nêu tên, bộ phận dng, tính vị qui kinh, công dụng, tc dụng chữa bệnh, liều dng của cc dược liệu thuốc bổ. (7 dược liệu: Bồ m (2 DL: Mạch môn, Cu kỷ tử), Bồ dương (1DL: Đỗ trọng), Bồ khí (2DL: Đảng Sm, Hồng kỳ), Bồ huyết (2DL: Thực địa, Đương qui))
- Nhn din được 31 loại dược liệu trn.

**Bài 10: Thực hành lâm sàng**

*Thời gian: 13 giờ*

*Mục tiêu:*

- Kể được những nguyên nhân gây bệnh theo YHCT
- Kể được những phương pháp chẩn đoán và chữa bệnh theo YHCT
- Thực hành được những kỹ thuật châm cứu, kỹ thuật xoa bóp, bấm huyệt để chữa 1 số bệnh và chứng thông thường
- Chăm sóc điều dưỡng được người bệnh theo YHCT
- Sử dụng được một số cây thuốc nam để chữa các bệnh thông thường
- Thực hành được 1 bài tập dưỡng sinh để bảo vệ sức khỏe.

**IV. ĐIỀU KIỆN THỰC HIỆN MÔN HỌC:**

1. Lớp học

- Phòng học thực hành;
- Phòng học lý thuyết.

2. Trang thiết bị dạy học

- Máy chiếu projector;
- Máy vi tính;
- Âm li, loa;
- Micro.

### 3. Học liệu

- Giáo trình Điều dưỡng cơ sở I, II, Dịch tễ và các bệnh truyền nhiễm;
- Đề cương bài giảng, giáo án;
- Tài liệu phát tay, băng đĩa video và các tài liệu liên quan khác;
- Câu hỏi, bài tập thực hành.

## V. PHƯƠNG PHÁP VÀ NỘI DUNG ĐÁNH GIÁ:

### 1. Phương pháp đánh giá:

- Vấn đáp, trắc nghiệm, viết: Nêu các câu hỏi trọng tâm trong mỗi bài nhằm kiểm tra mức độ tiếp thu bài học của sinh viên.

### 2. Nội dung đánh giá:

Lý thuyết: hình thức đánh giá (tự luận, câu hỏi ngắn, trắc nghiệm + giải quyết tình huống)

- |   |      |
|---|------|
| - Điểm quá trình  | 50%: |
| + Kiểm tra thường xuyên (tự luận, câu hỏi ngắn)                   | 30%  |
| + Kiểm tra định kỳ  | 20%  |
| (giải quyết tình huống, câu hỏi ngắn có cái tiến theo tình huống) |      |
| - Điểm thi kết thúc học phần (trắc nghiệm, giải quyết tình huống) | 50%  |

Thực hành lâm sàng: theo nguyên tắc:

Điểm kết thúc học phần thực hành = Điểm trung bình cộng các điểm thực hành ở khoa

➤ Trong đó: Điểm kết thúc từng khoa = tổng điểm của:

- Điểm kiểm tra cuối khoa: (50%) = 5 điểm
- Điểm đánh giá thường xuyên: (40%) = 4 điểm
- Tinh thần học hỏi, nội quy, quy chế: (10%) = 1 điểm

➤ Chi tiết từng phần đánh giá được quy định như sau:

- Điểm kiểm tra cuối khoa: (5 điểm) thực hiện bằng 1 trong 2 hình thức sau:
  - + Thực hiện kỹ thuật tại khoa phòng + giải quyết tình huống trên kỹ thuật có liên quan
  - + Hình thức thi chạy trạm (OSCE) tại trường: trạm nhận định, trạm thực hiện kỹ thuật, trạm giáo dục sức khỏe.
- Điểm đánh giá thường xuyên: (4 điểm): đánh giá xuyên suốt đợt thực tập gồm:
  - + Tiến triển về kiến thức, thái độ và kỹ năng lâm sàng.
  - + Kế hoạch chăm sóc
- Tinh thần học hỏi, tôn trọng nội quy, quy chế nhà trường (1 điểm)

## VI. HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN MÔN HỌC:

### 1. Phạm vi áp dụng môn học:

- Chương trình môn học được sử dụng để giảng dạy cho trình độ Trung cấp.

### 2. Hướng dẫn một số điểm chính về phương pháp giảng dạy môn học:

Lý thuyết:

- Thuyết trình kết hợp phương pháp dạy/học tích cực

Phương tiện trợ giảng: Laptop, Projector, PowerPoint, Slide, video...

Thực hành lâm sàng: phương pháp dạy học lâm sàng:

- Ngày đầu đến khoa thực hành: mỗi sinh viên trong nhóm được hướng dẫn chi tiết về nội dung, kết hoạch, mục tiêu, yêu cầu và cách đánh giá đợt thực tập.
- Mỗi sinh viên trong nhóm thực tập đều được phân công, nhiệm vụ cụ thể
- Mỗi ngày đều trình ca bệnh cho giảng viên để báo cáo đồng thời để thông qua:
  - + Nhận định tình trạng bệnh của người bệnh
  - + Kế hoạch chăm sóc
  - + Hướng dẫn giáo dục sức khỏe cho người bệnh
- Mỗi sinh viên thực hành kỹ thuật điều dưỡng nên trải qua 2 giai đoạn:
  - + Giai đoạn kiến tập (nếu cần)
  - + Giai đoạn tự thực hiện kỹ thuật chăm sóc người bệnh dưới sự hướng dẫn, giám sát của giáo viên hướng dẫn cho đến khi thành thạo.

3. Những trọng tâm môn học cần chú ý:

4. Tài liệu:

- Trần Thúy, Phạm Duy Nhạc, Hoàng Bảo Châu, Đại học Y Hà Nội (2011), Bài giảng Y học cổ truyền (tập 1).
- Bùi Trọng Thái, Bộ Y tế (2007), Y học cổ truyền (sách cao đẳng), NXB Y học
- Ngô Anh Dũng, Bộ Y tế (2008), Y lý y học cổ truyền, NXB Y học Hà Nội
- Trương Việt Bình, Bộ Y tế (2005), Châm cứu, NXB Y học
- Trương Việt Bình, Bộ Y tế (2005), Lý luận cơ bản y học cổ truyền, NXB Y học Hà Nội

**CHƯƠNG TRÌNH MÔN HỌC**  
**MASSAGE – BẮM HUYỆT**

**Tên môn học: Massage - Bấm huyệt**

Mã số của môn học: **MHN 26**

**Số tín chỉ: 3 TC (1 LT, 2 TH)**

Thời gian của môn học: 75 giờ; (Lý thuyết: 15 giờ; Thực hành, thí nghiệm, thảo luận, bài tập: 57 giờ; Kiểm tra: 3 giờ)

**I. VỊ TRÍ, TÍNH CHẤT CỦA MÔN HỌC:**

- Vị trí: Môn học Massage - Bấm huyệt được bố trí sau các môn học chung về đại cương. Môn học được bố trí sau môn học MHN 09.
- Tính chất: Là môn cơ sở chuyên ngành: thuộc môn học đào tạo bắt buộc.

**II. MỤC TIÊU MÔN HỌC:**

- Massage chăm sóc da mặt và ấn huyệt thành thạo;
- Thực hiện kỹ năng massage vai – cổ, massage thư giãn đầu; massage thư giãn tay thành thạo đúng kỹ thuật

**III. NỘI DUNG MÔN HỌC:**

1. Nội dung tổng quát và phân phối thời gian:

Số TT	Tên các bài trong mô đun	Thời gian			
		Tổng số	Lý thuyết	Thực hành	Kiểm tra *
1	Bài mở đầu	2	2	0	
2	Bài 1: Massage chăm sóc da mặt	11	2	9	
3	Bài 2: Ấn huyệt	15	2	12	1
4	Bài 3: Massage vai – cổ	15	3	12	
5	Bài 4: Massage thư giãn đầu	16	3	12	1
6	Bài 5: Massage thư giãn tay	16	3	12	1
	<b>Tổng cộng</b>	<b>75</b>	<b>15</b>	<b>57</b>	<b>3</b>

2. Nội dung chi tiết

**Bài mở đầu**

*Thời gian: 2 giờ*

- Tuần hoàn máu đối với da

**Bài 1: Massage chăm sóc da mặt**

*Thời gian: 11 giờ*

*Mục tiêu:*

- Chuẩn bị được trang thiết bị, dụng cụ, nguyên liệu cho quá trình Massage
- Thực hiện các thao tác massage nhẹ nhàng thành thạo;
- Sử dụng thành thạo trang thiết bị của nghề chăm sóc da mặt;
- Rèn luyện tình cảm tận tâm, tỉ mỉ khi thực hiện các thao tác; đảm bảo an toàn và vệ sinh thẩm mỹ.

1. Chuẩn bị dụng cụ

## 2. Công dụng matxa mặt

### 3. Các bước thực hiện

#### 3.1. Thoa kem

#### 3.2. Massage vùng trán

#### 3.3. Massage vùng mũi

#### 3.4. Massage vùng miệng

#### 3.5. Massage hai má

#### 3.6. Massage quầng mắt

#### 3.7. Massage tai

### **Bài 2: Ấn huyết**

*Thời gian: 15 giờ*

#### *Mục tiêu:*

- Xác định các huyết mặt chính xác;
- Thực hiện các thao tác ấn huyết nhẹ nhàng, chuẩn xác.
- Rèn luyện tình cẩn thận, tỉ mỉ khi thực hiện các thao tác.

#### 1. Xác định huyết mặt

#### 2. Công dụng ấn huyết

#### 3. Các bước thực hiện ấn huyết mặt: 20 bước

### **Bài 3: Massage vai – cổ**

*Thời gian: 15 giờ*

#### *Mục tiêu:*

- Chuẩn bị được thiết bị, dụng cụ, nguyên vật liệu cho quá trình Massage vai – cổ
- Thực hiện các thao tác Massage thành thạo nhẹ nhàng đúng kỹ thuật.
- Rèn luyện tình cẩn thận, tỉ mỉ khi thực hiện các thao tác.

#### 1. Chuẩn bị dụng cụ

#### 2. Công dụng matxa cổ và vai sau

##### 2.1 Massagecổ

##### 2.2 Massage vai sau

### **Bài 4: Massage thư giãn đầu**

*Thời gian: 16 giờ*

#### *Mục tiêu:*

- Xác định chính xác các huyết tại vùng đầu
- Xoa dịu được da đầu
- Thực hiện các thao tác ấn huyết đầu nhẹ nhàng, chuẩn xác.

#### 1. Công dụng Massage thư giãn đầu

#### 2. Các bước Massage thư giãn đầu

##### 2.1. Xác định các huyết tại vùng đầu

##### 2.2. Matxa xoa dịu da đầu

##### 2.3. Xoa dịu chân tóc

##### 2.4. Rịt tóc



## 2.5. Ấn huyết đầu

### **Bài 5: Massage thư giãn tay**

*Thời gian: 16 giờ*

*Mục tiêu:*

- Chuẩn bị được thiết bị, dụng cụ, nguyên liệu cho quá trình massage tay
- Xác định được các huyết nằm trên cánh tay.
- Thực hiện các thao tác xoa, ấn huyết nhẹ nhàng, chuẩn xác

1. Chuẩn bị dụng cụ
2. Công dụng Massage thư giãn tay
3. Các bước Massage thư giãn tay
  - 3.1. Xác định các huyết trên cánh tay
  - 3.2. Matxa xoa dịu cánh tay
  - 3.3. Ấn huyết cánh tay

## **IV. ĐIỀU KIỆN THỰC HIỆN MÔN HỌC:**

1. Lớp học
  - Phòng học thực hành;
  - Phòng học lý thuyết.
  - Cơ sở thực tập.
2. Trang thiết bị dạy học
  - Máy chiếu projector;
  - Máy vi tính;
  - Âm li, loa;
  - Micro.
  - Thiết bị giảng dạy chuyên biệt:

STT	Tên dụng cụ	ĐVT	Số lượng	Ghi chú
1	Máy đo huyết áp kế đồng hồ	Chiếc		
2	Cân điện tử	Chiếc		
3	Dép đi trong sàn nhà	Đôi		
4	Giường nằm massage gỗ 70x1800m	Chiếc		
5	Gối massage 20x40cm	Chiếc		
6	Khăn trải giường massage	Chiếc		
7	Khăn quấn người massage	Chiếc		
8	Bộ dụng cụ chống sốc	Bộ		
9	Gối tiêm	Chiếc	05	
10	Áo Blue	Chiêcs	03	
11	Kim châm cứu	Bộ	05	

12	Dầu Massage	Lọ	05	Nhiều loại
----	-------------	----	----	------------

### 3. Học liệu

- Giáo trình Massage - Bấm huyệt;
- Đề cương bài giảng, giáo án;
- Tài liệu phát tay, băng đĩa video và các tài liệu liên quan khác;
- Câu hỏi, bài tập thực hành.

## V. PHƯƠNG PHÁP VÀ NỘI DUNG ĐÁNH GIÁ:

### 1. Phương pháp đánh giá:

- Đánh giá kiểm tra vấn đáp kết hợp giữa lý thuyết và thực hành, yêu cầu đạt được các mục tiêu của từng bài học.

### 2. Nội dung đánh giá:

- Kiến thức:
  - + Các bước massage chăm sóc da mặt
  - + Các thao tác ấn huyệt
  - + Các bước massage vai cổ
  - + Các bước massage thư giãn đầu
  - + Các bước massage thư giãn tay
- Kỹ năng:
  - + Massage và ấn huyệt
- Thái độ:
  - + Có ý thức tự giác, trách nhiệm trong học tập, có tinh thần hợp tác, giúp đỡ lẫn nhau: tham gia đầy đủ thời lượng lý thuyết và thực hành môn học.

## VI. HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN MÔN HỌC:

### 1. Phạm vi áp dụng môn học:

- Chương trình môn học được sử dụng để giảng dạy cho trình độ Trung cấp.

### 2. Hướng dẫn một số điểm chính về phương pháp giảng dạy môn học:

- Để giúp sinh viên nắm những kiến thức cơ sở cần thiết, sau mỗi bài cần giao các câu hỏi, bài tập tự làm ngoài giờ. Các câu hỏi chỉ ở mức độ đơn giản, trung bình phù hợp với phần lý thuyết đã học:
- Thực hành trên các mô hình giải phẫu giúp sinh viên có kỹ năng thực hành và bổ sung phần kiến thức lý thuyết đã học, đồng thời trang bị cho sinh viên một phần kiến thức và kỹ năng trước khi học các môn chuyên ngành: Chăm sóc sắc đẹp
- Khi giảng dạy giảng viên có thể sử dụng kết hợp máy vi tính, máy đèn chiếu, áp dụng các loại giáo án điện tử.

### 3. Những trọng tâm chương trình cần chú ý:

- Trọng tâm môn học là các điểm: chuẩn bị dụng cụ , nguyên liệu đầy đủ, massage chăm sóc da mặt, ấn huyệt, massage vai cổ, massage thư giãn.

4. Tài liệu cần tham khảo:

- Giáo trình Chăm sóc da cơ bản của nhà trường biên soạn năm 2017
- Tài liệu: Chăm sóc da cơ bản. Trung tâm thẩm mỹ spa Lisa. Xuất bản năm 2016.
- Giáo trình chăm sóc da mặt Dermalogica;
- Giáo trình toàn khoa Chăm sóc sắc đẹp – Hoa kỳ;
- Giáo trình chăm sóc da mặt Sheeido;
- Giáo trình chăm sóc da mặt Forever The World
- Đông y Nguyễn Hữu Hách;
- Viện nghiên cứu da Á Âu;
- Viện da liễu quốc gia.

**CHƯƠNG TRÌNH MÔN HỌC BẮT BUỘC**  
**NGÀNH CHĂM SÓC SẮC ĐẸP**  
**TRÌNH ĐỘ TRUNG CẤP**

**III. MÔN HỌC/ MÔ ĐUN THỰC TẬP TỐT NGHIỆP**

<b>MÃ MÔN HỌC</b>	<b>TÊN MÔN HỌC</b>
<b>MHN 27</b>	<b>Thực tập tốt nghiệp</b>

## CHƯƠNG TRÌNH MÔN HỌC THỰC TẬP TỐT NGHIỆP

**Tên môn học: Thực tập tốt nghiệp**

**Mã môn học: MHN 27**

**Số tín chỉ: 5 TC (0 LT, 5 TH)**

**Thời gian thực hiện môn học:** 150 giờ; (Lý thuyết: 0 giờ; Thực hành, thí nghiệm, thảo luận, bài tập: 145 giờ; Kiểm tra: 5 giờ)

### I. VỊ TRÍ, TÍNH CHẤT CỦA MÔN HỌC:

- Vị trí: Thực tập tốt nghiệp là môn học được thực hiện sau tất cả các môn chuyên môn của nghề tạo mẫu và chăm sóc sắc đẹp và là cơ sở để xét tốt nghiệp cho người học trước khi ra trường.
- Tính chất: Đây là môn thực hành, thực hành chuyên ngành tạo mẫu và chăm sóc sắc đẹp, tiếp cận với thực tiễn công tác chăm sóc sắc đẹp tại các salon, spa. Nâng cao nhận thức về chuyên môn nghiệp vụ, thực tập thành thạo kỹ năng thực hành các công việc, để sau khi tốt nghiệp có khả năng tay nghề vững vàng trong thực hiện tạo mẫu và chăm sóc sắc đẹp cho khách hàng.

### II. MỤC TIÊU MÔN HỌC:

- Kiến thức:
  - + Khái quát được các khái niệm và các quy trình chăm sóc da, tóc, móng
  - + Vận dụng được các kiến thức, kỹ năng đã học để thực hành trong các spa, salon chuyên nghiệp.
  - + Vận dụng được kỹ năng nghề trong thực hiện các công tác quản trị cơ sở làm đẹp.
- Kỹ năng:
  - + Tự thực hiện được các kiểu mẫu theo như yêu cầu.
  - + Tự thiết kế được các kiểu mẫu làm đẹp theo các chủ đề cho trước.
- Thái độ:
  - + Tuân thủ luật doanh nghiệp do Nhà nước ban hành, các quy định của tổ chức kinh doanh
  - + Có tác phong công nghiệp, năng động, sáng tạo và có tính tự lập cao.
  - + Có ý thức tổ chức kỷ luật, có sức khỏe và trách nhiệm khi thực hiện công việc sau này tại các doanh nghiệp.
  - + Có đạo đức lương tâm nghề nghiệp, có ý thức tổ chức kỷ luật, sức khỏe giúp cho người học sau khi tốt nghiệp có khả năng tìm kiếm việc làm tại các cơ sở làm đẹp

### III. NỘI DUNG MÔN HỌC:

1. Nội dung tổng quát và phân phối thời gian:

Số TT	Tên các bài trong môn học	Thời gian (giờ)			
		Tổng	Lý	Thực	Kiểm

		<b>ố</b>	<b>thuyết</b>	<b>ành</b>	<b>tra*</b>
1	<b>Thực tập cơ bản</b> Hướng dẫn ban đầu về tìm hiểu về cơ sở làm đẹp Hướng dẫn ban đầu về tìm hiểu các hoạt động của cơ sở làm đẹp Hướng dẫn ban đầu về phương pháp viết báo cáo thực tập tốt nghiệp	45	0	45	
2	<b>Thực tập thực hành tạo mẫu và chăm sóc sắc đẹp</b> Tìm hiểu về tình hình cơ bản của cơ sở làm đẹp Thực tập tạo mẫu và chăm sóc sắc đẹp trong spa, salon	100	0	100	
3	Viết chuyên đề thực tập tốt nghiệp	5			5
	<b>Cộng</b>	<b>150</b>	<b>0</b>	<b>145</b>	<b>5</b>

2. Nội dung chi tiết:

Phần 1: **Thực tập cơ bản**

*Thời gian: 45 giờ*

Mục tiêu:

- Tiếp cận được hoạt động kinh doanh, cơ cấu tổ chức của cơ sở làm đẹp
- Trình bày được phong cách chủ đạo, các yếu tố thu hút khách hàng của cơ sở làm đẹp
- Viết được đề cương báo cáo thực tập tốt nghiệp
  1. Hướng dẫn ban đầu về tìm hiểu tình hình cơ bản của cơ sở làm đẹp
    2. Những thuận lợi, khó khăn chủ yếu ảnh hưởng tới tình hình kinh doanh của cơ sở trong thời kỳ hiện nay.
    3. Hướng dẫn ban đầu về các chuyên đề về tạo mẫu và chăm sóc sắc đẹp
    4. Hướng dẫn ban đầu về phương pháp viết khoá luận thực tập tốt nghiệp

Phần 2: **Thực hành tạo mẫu và chăm sóc sắc đẹp**

*Thời gian: 100 giờ*

Mục tiêu:

- Thực hành các công việc tạo mẫu và chăm sóc sắc đẹp
- Rèn luyện đức tính nghề nghiệp của chuyên viên làm đẹp: tận tâm, trung thực.
- Viết được chuyên đề thực tập tốt nghiệp

**. Về nội dung của báo cáo chuyên đề**

\* **Phần mở đầu:** (khoảng 1 đến 2 trang) gồm:

- Tính cấp thiết của đề tài, ý nghĩa khoa học và thực tiễn.
- Mục đích nghiên cứu.
- Đối tượng và phạm vi nghiên cứu.
- Nội dung khái quát của báo cáo (viết tên các chương).

\* **Phần nội dung chính:** gồm 3 chương

**Chương 1: Tổng quan về đơn vị thực tập.**

- Đặc điểm tình hình của cơ sở làm đẹp.

- Lý luận chung về vấn đề nghiên cứu.

**Chương 2: Thực trạng vấn đề nghiên cứu của đơn vị thực tập** (từng vấn đề nghiên cứu cụ thể).

**Chương 3: Phương hướng và các giải pháp hoàn thiện những vấn đề tồn tại thuộc phạm vi nghiên cứu của đề tài.**

\* **Phần kết luận:** (khoảng 1 đến 2 trang) khẳng định những kết quả đã đạt được (đối chiếu với mục đích nghiên cứu).

**- Nội dung thực tập tốt nghiệp**

\* **Đặc điểm tình hình của cơ sở làm đẹp.**

- Lịch sử phát triển, chức năng, nhiệm vụ chủ yếu của cơ sở.
- Vai trò, vị trí kinh tế của cơ sở trong tổng quan ngành.
- Cơ cấu tổ chức quản lý kinh doanh của cơ sở làm đẹp.
- Tình hình hoạt động tạo mẫu và chăm sóc sắc đẹp của cơ sở.

\* **Nội dung thực tập chuyên môn.**

Sinh viên có thể tham khảo một số chuyên đề thực tập sau:

*Chuyên đề 1:* Các xu hướng làm đẹp mới năm 2019

*Chuyên đề 2:* Các phương pháp thiên nhiên phục hồi cho tóc hư tổn.

*Chuyên đề 3:* Phong cách trang điểm và xu thế hiện nay

*Chuyên đề 4:* Điều khắc chân mày và các điều cần lưu ý

*Chuyên đề 5:* Tương lai của ngành xăm nghệ thuật tại Việt Nam

*Chuyên đề 6:* Các phương pháp chăm sóc da hiệu quả cho thời tiết Việt Nam

Viết báo cáo thực tập tốt nghiệp

Thời gian: 5 giờ

**IV. Điều kiện thực hiện môn học:**

- Quyết định thực hành nghề nghiệp của Hiệu trưởng
- Nội dung thực tập; đề cương thực tập, giáo án
- Cơ sở thực tập

**V. Phương pháp và nội dung đánh giá:**

- Được đánh giá qua kết quả báo cáo thực tập tốt nghiệp
- Ý thức thực tập tại cơ sở

**VI. hướng dẫn thực hiện môn học:**

1. Phạm vi áp dụng chương trình:

- Chương trình môn học được sử dụng để đào tạo cho trình độ Trung cấp

2. Hướng dẫn một số điểm chính về phương pháp giảng dạy môn học:

- Hình thức giảng dạy chính của môn học: Giáo viên hướng dẫn phần thực tập cơ bản, người học thực hiện thực tập công tác tại cơ sở thực tập
- Giáo viên trước khi giảng dạy cần phải căn cứ vào từng nội dung của đề cương, chuẩn bị đầy đủ các điều kiện thực hiện chương trình, hướng dẫn thực tập để đảm bảo chất lượng

3. Những trọng tâm chương trình cần chú ý:

- Phun xăm thêu thẩm mỹ
- Chăm sóc sắc đẹp và sức khỏe
- Chăm sóc và tạo mẫu móng
- Chăm sóc và tạo mẫu tóc
- Cách viết báo cáo thực tập tốt nghiệp

4. Tài liệu tham khảo:



## BẢNG TỔNG HỢP CHUẨN ĐẦU RA CỦA SINH VIÊN

### TỐT NGHIỆP KHÓA ĐÀO TẠO

*(Kèm theo chương trình đào tạo ngành Chăm sóc sắc đẹp trình độ Trung cấp của Trường Trung cấp tổng hợp miền Bắc.)*

**1. Tên ngành, nghề:** Tạo mẫu và Chăm sóc sắc đẹp

**2. Mã ngành, nghề:** 5810402

**3. Trình độ đào tạo:** Trung cấp

**4. Hình thức đào tạo:** Chính quy

**5. Đối tượng tuyển sinh:** Học sinh tốt nghiệp Trung học cơ sở hoặc tương đương trở lên

**6. Thời gian đào tạo:** 2 năm chia thành 4 học kỳ

**7. Chuẩn đầu ra**

#### **7.1. Về kiến thức:**

- Hiểu các nội dung cơ bản về Nhà nước và các qui định về pháp luật, chính trị của Việt Nam;
- Phân tích được những vấn đề xã hội liên quan đến xu hướng làm đẹp,
- Lý luận và vận dụng được tâm lý quản lý để phát triển trách nhiệm với công việc, gia đình và cộng đồng.
- Lý luận và vận dụng được kiến thức về sinh học, toán học, mỹ thuật, khoa học ứng dụng để giải quyết các yêu cầu thường gặp trong chăm sóc thẩm mỹ.
- Đánh giá được mức độ phục vụ dịch vụ làm đẹp công nghiệp.
- Tin học: Đạt chứng chỉ tin học ứng dụng công nghệ thông tin cơ bản hoặc tương đương.

#### **7.2. Về kỹ năng:**

- Phân tích yêu cầu của khách hàng
- Tư vấn cho khách hàng về lựa chọn, sử dụng hóa mỹ phẩm phù hợp phong cách cá nhân
- Thực hiện qui trình chăm sóc và tạo kiểu tóc
- Thực hiện qui trình chăm sóc da tự nhiên: facial, body, foot, đầu – vai – cổ
- Thực hiện qui trình chăm sóc móng tay và móng chân
- Thực hiện trang điểm công sở, dự tiệc, cô dâu và trang điểm sân khấu, ấn tượng
- Có khả năng sử dụng các thiết bị, máy móc chuyên ngành, chọn lựa và tư vấn hoá mỹ phẩm phù hợp để thực hiện qui trình chăm sóc thẩm mỹ theo yêu cầu
- Thực hiện thiết kế và xây dựng mô hình spa qui mô vừa và nhỏ.
- Tiếng Anh: Đạt chứng chỉ tiếng Anh trình độ A1 theo khung tham chiếu châu âu hoặc tương đương.

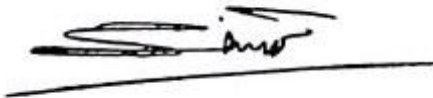
#### **7.3. Thái độ, giá trị, thiên hướng:**

- Nhận thức được vị trí, trách nhiệm của mình; có đạo đức nghề nghiệp, ý thức kỷ luật và tác phong công nghiệp; làm việc theo nhóm, có phương pháp làm việc khoa học, tư duy sáng tạo.
- Có thiên hướng phát triển chuyên sâu trong lĩnh vực nghề nghiệp.

**7.4. Mức độ tự chủ, chịu trách nhiệm:**

- Làm việc độc lập, chịu trách nhiệm cá nhân trong điều kiện làm việc thay đổi; có thái độ phục vụ và trách nhiệm công dân. Hướng dẫn, giám sát những người khác thực hiện công việc đã được định sẵn.
- Đánh giá được hoạt động của nhóm và kết quả thực hiện công việc.

**HIỆU TRƯỞNG**



**Lê Mạnh Cường**

SỞ LĐ-TB&XH THÀNH PHỐ HÀ NỘI  
TRƯỜNG TRUNG CẤP TỔNG HỢP MIỀN BẮC.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 97 /QĐ- TCTHMB

Hà Nội, ngày 12 tháng 09 năm 2022

## QUYẾT ĐỊNH

### Về việc lựa chọn tài liệu làm giáo trình giảng dạy Trình độ trung cấp – ngành Tạo mẫu và chăm sóc sắc đẹp

#### HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG TRUNG CẤP TỔNG HỢP MIỀN BẮC.

*Căn cứ Luật Dạy nghề năm 2014;*

*Căn cứ quyết định số 5035/QĐ-UB ngày 25/07/2005 về việc thành lập Trường Trung cấp dân lập đào tạo nghề Cờ Đỏ thuộc Công ty cổ phần Cờ Đỏ; quyết định số 642/QĐ-UB ngày 02/07/2007 về việc chuyển Trường dân lập đào tạo nghề Cờ Đỏ thành Trường trung cấp nghề Cờ Đỏ; quyết định số 7696/QĐ-UBND ngày 06/11/2017 của UBND thành phố Hà Nội về việc đổi tên Trường Trung cấp nghề Dân lập Cờ Đỏ thành Trường Trung cấp tổng hợp miền Bắc..*

*Căn cứ Thông tư số 03/2017/TT-BLĐTBXH ngày 01/03/2017 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội quy định về quy trình xây dựng, thẩm định và ban hành chương trình; tổ chức biên soạn, lựa chọn, thẩm định, duyệt và sử dụng giáo trình trong đào tạo trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng.*

*Xét đề nghị của Hội đồng thẩm định chương trình đào tạo.*

## QUYẾT ĐỊNH

**Điều 1.** Phê duyệt, cho phép sử dụng danh sách tài liệu, giáo trình để dùng làm giáo trình giảng dạy ngành Tạo mẫu và chăm sóc sắc đẹp trình độ Trung cấp.

*(có danh sách tài liệu, giáo trình kèm theo)*

**Điều 2.** Phòng Đào tạo quản lý bộ giáo trình; thông báo công khai nội dung cho cán bộ công nhân viên, giáo viên, học viên được biết và thực hiện; tổ chức in ấn, cấp phát cho giáo viên, học viên theo quy định của Pháp luật.

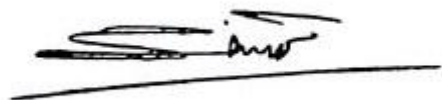
**Điều 3.** Các ông (bà) Trưởng các phòng, bộ phận có liên quan, Phòng Đào tạo chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Quyết định có hiệu lực kể từ ngày ký./.

**Nơi nhận:**

- HĐQT (báo cáo);
- Như Điều 3;
- Lưu: ĐT, VT.

**HIỆU TRƯỞNG**



**Lê Mạnh Cường**

SỞ LĐ-TB&XH THÀNH PHỐ HÀ NỘI  
TRƯỜNG TRUNG CẤP TỔNG HỢP MIỀN BẮC.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

**DANH MỤC TÀI LIỆU, GIÁO TRÌNH DÙNG CHO GIẢNG DẠY  
NGÀNH TẠO MẪU VÀ CHĂM SÓC SẮC ĐẸP TRÌNH ĐỘ TRUNG CẤP**

(Kèm theo Quyết định số 97/QĐ-TCTHMB ngày 12/09/2022)

TT	CÁC MÔN HỌC	TÊN TÀI LIỆU	TÁC GIẢ	NHÀ XUẤT BẢN	NĂM
1	Chính trị	Giáo trình Tư tưởng Hồ Chí Minh	Bộ Giáo dục và Đào tạo	Nhà xuất bản Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội.	2017
2	Pháp luật	Giáo trình Luật Hiến pháp Việt Nam	Trường Đại học Luật Hà Nội	Nhà Xuất bản Công an nhân dân, năm 2017	2017
3	Giáo dục thể chất	Giáo trình thể dục (tập 1, tập 2)	Trường Đại học Thể dục thể thao Đà Nẵng	Nhà Xuất bản Thể dục thể thao	2014
4	Giáo dục quốc phòng - An ninh	Giáo trình Giáo dục quốc phòng – an ninh tập 1, tập 2	Bộ Giáo dục và Đào tạo	Nhà xuất bản Giáo dục	2007
5	Tin học	Giáo trình Tin học Đại cương	Nguyễn Đăng Ty, Hồ Thị Phương Nga	NXB Đại học Quốc gia TP. Hồ Chí Minh	2015
6	Ngoại ngữ (Anh văn)	Solutions Elementary (02nd edition)	Oxford University Press	Tim Falla and Paul A. Davies	2012
7	Giới thiệu về Thẩm mỹ	Bộ sách về thẩm mỹ	Trường YIT Hàn Quốc	Trường YIT Hàn Quốc	
8	Kiểm soát nhiễm khuẩn	<i>Giáo trình Kiểm soát nhiễm khuẩn bệnh viện</i>	Lê Thị Anh Thư	NXB Y Học	2011
9	Dược lý trong ngành làm đẹp	Dược lý học	Trường đại học Dược Hà Nội	NXB Y Học	2013
10	Nghệ thuật giao tiếp và trình bày	Kỹ năng giao tiếp	Chu Văn Đức	NXB Hà Nội	2005
11	Thiết kế tạo mẫu cơ bản	Tạp chí Mỹ Thuật, Digital Painting			
12	Quản trị cơ sở làm đẹp	<i>Successful Salon and Cơ sở làm đẹp Management 6th Edition</i>	Edward Tezak, Terry Folawn,	Kindle Edition	2012

13	Tạo lập cơ sở chăm sóc sắc đẹp	Giáo trình Quản trị kinh doanh chăm sóc sắc đẹp			
14	Khoa học về da	Tài liệu về Da và niêm mạc	do cơ sở thẩm mỹ về Da của bệnh viện Da liễu Trung ương		2016
15	Chăm sóc da cơ bản	Giáo trình chăm sóc da mặt		Dermalogica;	
16	Ứng dụng chăm sóc da	Giáo trình chăm sóc da mặt		Dermalogica;	
17	Khoa học về tóc, móng	Giáo trình thẩm mỹ toàn khoa		xuất bản Hoa kỳ	2008
18	Trang điểm cơ bản	Nghệ thuật trang điểm		NXB Văn hóa thông tin	
19	Tạo mẫu tóc cơ bản	Giáo trình cắt uốn tóc	Trung tâm dạy nghề Sài gòn		2008
20	Chăm sóc và nghệ thuật móng	Nguyên tắc nghề nghiệp cho ngành làm móng	Habia nail forum		2007
21	Nối mi thẩm mỹ	Giáo trình thẩm mỹ toàn khoa		xuất bản Hoa kỳ	2008
22	Chăm sóc da nâng cao	Giáo trình chăm sóc da	Dermalogica ;		
23	Trang điểm nâng cao	Giáo trình thẩm mỹ toàn khoa		xuất bản Hoa kỳ	2008
24	Chống sóc phản vệ	Bài giảng chống sóc phản vệ	Đại học y Hà Nội		
25	Y học cổ truyền	Giáo trình xoa bóp bấm huyệt	TS. Võ Trọng Tuấn ThS. Nguyễn Thị Anh Đào	Nhà xuất bản y học	
26	Massage – Bấm huyệt	Giáo trình xoa bóp bấm huyệt	TS. Võ Trọng Tuấn ThS. Nguyễn Thị Anh Đào	Nhà xuất bản y học	